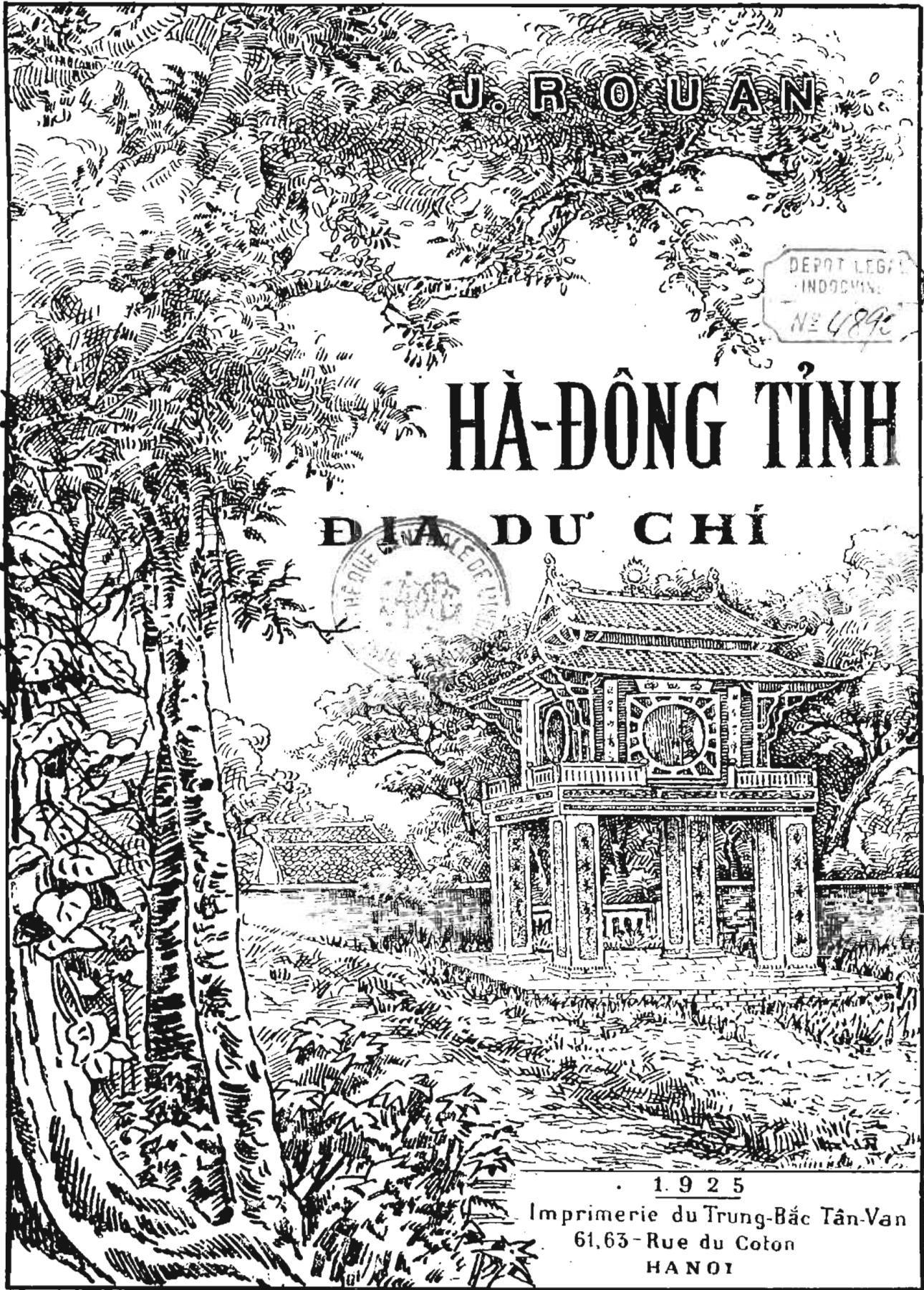
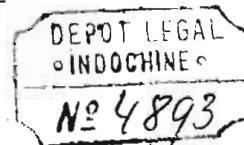


Exposition des beaux-arts de l'Asie du Sud-Est
à Hanoï, le 2 Décembre 1929



CÁC ĐƯỜNG THUỘC-ĐỊA

Đường số 1 từ Hanoi đi Huế.
Đường số 6 từ Hanoi đi Hòa-bình.

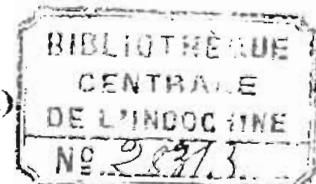


I. Đường giao thông nhỏ, hoặc tinh này sang tinh kia mà thôi.

Đường số 81 từ Ngọc-tảo đến Sơn-quyết.
Đường số 11 từ Hanoi đến Bảo-hà (đường Sơn-tây qua địa phận Hà-dong khu 1).
Đường số 21 từ Vạn-lý đến Sơn-tây (khu 3 -- Hà-dong -- Chợ Bến -- Miêu-môn).
Đường số 21 bis từ Chợ Bến đến Sơn-tây (khu 3 -- Hà-dong -- Phù-lưu-tế -- Ngã Ba-thá - Chúc-sơn).
Đường số 22 từ Phù-lý đến Hà-dong chỗ đường rẽ ra dè sông Đáy, Vũ-lăng và Thanh-oai (khu 2 -- Hà-dong -- Vân-dinh).
Đường số 20 ở Hanoi lên Tam đảo (khu 1 Hà-dong -- Chèm).

II. Đường hàng tinh.

Đường thứ 64 từ trại Hàng-hoa đến Công-yên (đường dè quần-ngựa).
Đường số 65 từ Nhật-tâu đến Vĩnh-tuy (đường vòng tròn).
Đường số 66 từ Thụy-khuê đến Yên-thái.
Đường số 67 từ Bạch-mai đến đường C số 1 qua Giáp-lục.
Đường số 68 từ Ngọc-hà đến Công-vi rẽ ra đường dè quần-ngựa, nhà chứa thuốc súng.
Đường số 69 từ Hoài-đức lên Chèm.
Đường số 70 từ Chèm đến Vĩnh-tuy có ngả ra Văn-diễn, Thượng-cát, Hà-dong, Văn-diễn, Thanh-trì.
Đường số 71 từ Vạn-la (sông Nhị-hà) đến Thanh-oai qua Thường-lín, Nhàn-hiển.
Đường số 72 từ Đại-mỗ đến Đáy.
Đường số 73 từ Yên-cánh (sông Nhị-hà) đến Miêu-môn qua Công-xuyên, Quảng-nguyên, Ngã-ba-thá.
Đường số 73 bis từ Phú-xuyên đến Khai-thái (dè sông Nhị-hà).
Đường số 74 từ Phù-lưu đến Hạ-doạn.



Những đường không vào hang nào.

Đường Xã-dàn đến Ngọc-khánh.
Đường Lãng-yên đến Vĩnh-tuy.
Đường Văn-diễn đến Cầu giẽ qua Lãng-thái.
Đường Cầu-guột đến Vĩnh-xuân (dè sông Nhị-hà).

CHƯƠNG I

Địa-đư

1. ĐỊA-TIẾP. — 2. ĐỊA-CHẤT. — 3. SÔNG NGỜI. — 4. KHÍ-HỰC. — 5. CHỦNG-TỘC

Đông và bắc giáp sông Nhị-hà, nam giáp sông Mang-giang, tây giáp sông đáy và dãy núi Chợ-bờ, tỉnh Hảđòng hình tứ-giác, hai phía dài chạy từ bắc đến nam, hai phía ngắn, một phía chạy từ đông-bắc đến tây-nam, còn một phía nữa chạy từ tây-bắc đến đông-nam.

ĐỊA THẾ. — Tỉnh Hảđòng rộng ước chừng 1.300 km. vuông và có hai quang-canh khác nhau. Về tângan sông Đáy có cảnh đồng bằng rất rộng, thỉnh thoảng có lũy tre xanh tốt um tùm mọc quanh các làng xóm ở. Về hưu-ngạn, có bãi đất, chiều ngang, từ nam đến bắc dài ước chừng 1.500 thước đến 3.000 thước : kẽ tiếp đến những đồi núi trội, xếp thành từng hàng một, có những thung lũng không đều, phần cách đồi núi này với đồi núi khác, trông ra có chiều ngoạn-mục.

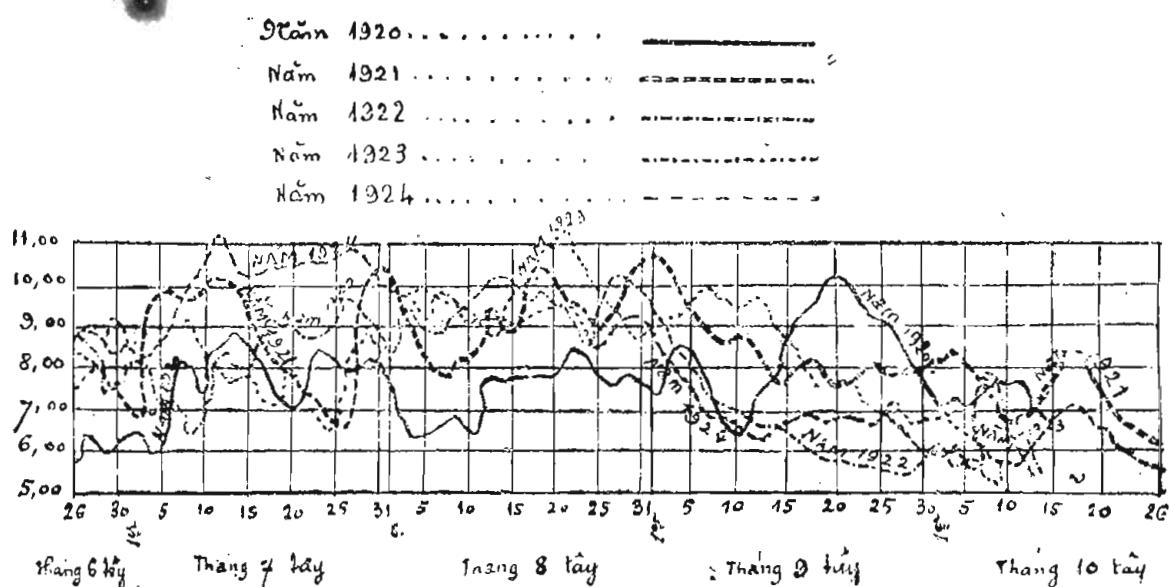
ĐỊA CHẤT — Địa chất tỉnh Hảđòng lại càng nhiều nơi khác nhau nữa.

Tất cả cảnh đồng ở chiền sông Đáy và sông Nhị-hà là do đất phủ-sa của sông Nhị-hà ngày xưa bồi vào. Về hưu-ngạn sông Đáy có đá vôi giống đá vôi ở dãy núi Thanh-hóa, Chợ-bờ và Phủ-quốc. Ở phủ Mỹ-đức và một phần huyện Chương-mỹ, có đá vôi và đá cuội. Trong những đá vôi ấy, không thấy hình tích loài cày hay loài vật nào. Đá cuội ở phủ Mỹ-đức gần giống đá cuội ở mạn Chi-nê. Lại có ít nhiều yàng nữa, người Tàu và người Pháp đã chịu ra công-lọc lấy, nhưng không được bao nhiêu.

SÔNG NGỜI. — Tỉnh Hảđòng có hai con sông chảy qua : sông Nhị-hà và sông chánh là sông Đáy. Những sông ấy chảy từ bắc

đến nam, hai bên có đè cao và đều chịu ảnh hưởng thủy-thổ của nhiệt-dáí, cho nên nước lèn xuống giống nhau. Mùa đông không mưa nước xuống cạn hơn cả. Cuối tháng tư tết bắt đầu lèn mãi đến cuối tháng chín tết mới thôi. Tháng bảy tết là nước thường lèn to hơn cả, nhưng cũng nhiều năm khác. Xem bảng kè sau này đủ biết.

BẢNG KÊ NƯỚC LÈN



Sông Nhị-hà bao giờ tàu bè cũng đi lại được, còn sông Đáy thì về mùa k'^{hang} mưa chỉ có những thuyền bè Annam đi được mà thôi.

Có Tây cái ngoài đến mùa mưa thành ra những dòng nước chảy ; những ngoài ấy là :

- 1· Sông Tô-lịch. — Nguồn ở Tày-hồ Hanoi chịu nước sòng Nhuệ-giang, rồi chảy vào sông Đáy.

2· Sông Nhuệ-giang nguồn ở đầm Tày-tựu, rồi chảy vào sông Tô-lịch.

3· Sông Mang-giang chảy vào sông Đáy.

4· Sông Bùi nguồn ở dãy núi Hòa-bình, rồi đến Ngâ-ba-thá chảy vào sông Đáy.

5· Sông Con chảy vào sông Bùi.

6· Sông Thanh-hà nguồn ở núi Chợ-Bến, rồi chảy về những vùng thấp ở đồng bằng.

KHÍ-HẬU. — Tỉnh Hà-đông cũng như tất cả trung-châu Bắc-kỳ có hai mùa khác nhau : một mùa gọi là mùa đông, bắt đầu từ mồng một tháng một tây, đến 15 tháng tư tây ; có gió mùa thổi từ nước Tầu về vùng bắc Bắc-kỳ ; còn mùa nữa gọi là mùa hạ có gió mùa thổi từ phía tây-nam về. Mùa này vào tháng sáu hay tháng bảy tây, hàn-thứ-biều lên đến 39 độ là cùng, nhưng cũng không mấy khi lên đến thế, thường thường chỉ đến 30 hay 32 độ mà thôi. Tháng giêng tây là tháng rét nhất, có khi xuống đến 4 độ, còn số trung-bình là 14 độ.

Mưa có mùa mưa to, trong tháng sáu tháng bảy và tháng tám tây thì mưa to lầm, song những lúc tạnh, giờ lại quang-đangkan như thường. Phong-vũ-biều nhiều khi lên xuống rất mạnh.

Trong phủ Mỹ-đức có một vùng nhỏ có tiếng là độc nước. Người kinh không chịu vào đây ở, chỉ có ít người Mường mà thôi ; còn các nơi khác trong tỉnh thì nước lành.

CHỦNG TỘC VÀ DÂN SỐ. — Có thể nói rằng dân số tỉnh Hà-đông tới một triệu người.

Năm 1924 có 199.934 xuất định. Nếu mỗi xuất định cộng cả gia quyến là 5 người (2 vợ chồng, 2 bố mẹ, 1 đứa con) sẽ thành 999.670 người. Nếu tính mỗi xuất định cộng cả gia-quyến là 6 người (tính thế này có lẽ phải hơn) sẽ thành 1.199.600 người.

Địa-chất tỉnh Hà-đông mỗi nơi mỗi khác, cho nên phong thổ và dân-tộc cũng mỗi nơi mỗi khác ; người tỉnh này ~~không~~ h để cũng nhiều như người các tỉnh khác. Về miền đồi núi thì thoảng có mấy người mường ở.

Chủng loại, cách làm ăn, sự tổ-chức xã-hội, gia-tộc người kinh và người mường, ai cũng đã biết không cần phải nói đến.

CHƯƠNG II

Lịch-sử

1. TRƯỚC KHI XÂM-CHIẾM. — 2. ĐƯỜNG KHI XÂM-CHIẾM. —
3. SAU KHI XÂM-CHIẾM

TRƯỚC KHI XÂM CHIẾM. — Xứ Bắc-kỳ có đã lâu, thành ra muôn viết lịch sử riêng từng tinh thật là khó. Nguyên xứ này quyền chính-trị thuộc về quan-chủ, cho nên khắp các tinh, mọi việc đều do một người chủ trương cả. Vả lại mơi đây, trung-châu chia ra từng tinh, không phải là chiểu theo địa-thể mà là chiểu theo những sự cản-tiện về đường cai-trị, cho nên không có tinh nào là có lịch-sử riêng.

Vậy ở đây chỉ kể những việc đã xảy ra trong địa-hạt tinh Hà-dòng bây giờ, tức là Hanoi cũ. Hà-dòng là một tinh to, địa-thể tiện lợi, cho nên đã chiếm được những địa-vị rất trọng yếu. Có sông Đáy chảy qua, sông Nhị-hà làm giới-hạn, thực là một tinh đồng bằng mà lại gần núi. Tỉnh này là chỗ các con đường giao-thông qua lại, cho nên những nhà chính-trị và những nhà binh đã từng có phen xung đột nhau ở đấy, vì thế đã có một cái lịch-sử rất rực-rỡ mà cũng rất đau-dớn.

Quan Đô-hộ quản Giao-chỉ đóng đô ở đất Long-biên, sau gọi là Đại-la, Thăng-long và Đông-kinh, tức là thành Hanoi bây giờ.

Nam 40 sau khi Thiền-chúa giáng sinh, bà Trưng-Trắc đánh đuổi người Tò-Định ra ngoài đất Long-biên. Hai năm sau, Mâ-Việt sang đánh vây Nữ anh-hùng ấy, rồi nước Nam lại nội thuộc về Tàu.

Nam 541, Lý-Bý nỗi tên đánh đuổi Tiêu-Tư, lập nước Vạn-Xuân và đóng đô ở Long-biên. Năm sau Trần-bá-Tiền sang đánh lấy nước Vạn-Xuân, Lý-Bý phải chạy trốn vào rừng núi.

Nam 767, những người Mâ-Lai (Malais) tàn phá vùng duyên-hải và duyên-giang rồi chạy qua Long-biên.

Quan Đô-hộ Trương-hà-Nghị xây thành Đại-la gần Long-biên nhưng đến cuối thế-kỷ thứ 8, Triệu-Xương mới làm xong.

Năm 846, 858 và 861, người Tày và người Lolo ở Văn-nam khi bấy giờ gọi là Nam-Chiếu, đến tàn-phá kinh thành Đại-la.... Mãi đến năm 886, Cao-Biền mới đánh đuổi được.

Về giữa thế-kỷ thứ 9, thành Đại-la không là chốn kinh-dò nữa. Nhàn bèn Tàu rối loạn, quan đò-hộ Ngò-Quyền tự xưng vương và đóng đò ở Cồ-loa thuộc tỉnh Bắc-ninh. Năm 968, ông Đinh-bộ-Linh độc lập cung đồng ở Bắc-ninh.

Song chẳng bao lâu thành Đại-la lại là nơi đò-hội. Năm 1010, ông Lý-công-Uân sáng lập ra nhà Lý đóng đò ở Đại-la. Thành trước còn bằng đất, ngài mới truyền làm lại, mở rộng ra xây dinh chùa, và đèn dài ở đây. Từ đấy thành Đại-la gọi là thành Thang-long. Trong truyền rằng ông Lý-công-Uân đi thuyền về Đại-la, có hai con rồng dưới đáy sông nổi lên ở trước thuyền, rồi đi mãi đến bờ sông, bởi vậy ngài mới gọi là thành Thang-long.

Ngài sáng-lập ra nhà Lý có nhiều sự gian-nguy. Các quan trong triều và các bà cung-phi đã lâm khi mưu-phản vua ở các phố trong thành và huyện Thọ-xương, Vĩnh-thuận. Hà-đông là chỗ chiến-dịa của quân Cờ-den với quân Pháp xưa kia đã nhiều phen chinh-chiến không kể xiết được.

Năm 1258 về đời vua Trần Thái-tôn tướng Mông-cổ là Oukhan-kotai từ Văn-nam xuống đánh lấy và tàn phá Thang-long.

Năm 1285, Togan là con Koubilai-khan lại đánh lấy Thang-long nhưng chẳng bao lâu quân Togan bị sốt rét và người Annam đánh chết mất nhiều, nên phải bỏ về. Năm 1287, Togan lại đánh lấy Thang-long nhưng cũng bị thua.

Từ đấy trở đi, các sự nguy-hiểm đều do các nước ở phía nam cả. Tháng 3 năm 1371, vua nước Chiêm-thành là Chế-bồng-Nga đánh lấy Thang-long, đốt cung-điện, rồi bắt vợ con vua Trần-Nghệ-tôn mang về. Cách sáu năm, Chế-bồng-Nga về đánh Thang-long và lại thắng trận. Năm 1384, Chế-bồng-Nga đánh Thang-long là lần thứ ba nhưng bị thua vì khi ấy có Đa-phương giữ thành.

Kể đến thời-đại mờ mang bờ cõi, các việc chinh-chiến đều xa nơi đò-hội.

Thang-long được một thời-kỷ bình yên.

Năm 1400, Lê-quý-Ly khi đã tiếm ngôi vua thi dời kinh-đò về gần biên-thủy nước Chiêm-thành, là về Tày-đò trong tỉnh Thanh-hóa.

Thành Thang-long từ đấy không phải là chốn kinh-đò nữa. Năm 1406, thành ấy lại về tay người Tàu cai-trị, dầu có tré-chế nhưng cũng có khai-hóá cho dân.

Năm sau vua Trần-giản-Định đánh được quân Tàu ở bộ Cò-dầu song không dám tiến về Thang-long, vì thế Thang-long vẫn về tay người Tàu.

Năm 1418, Lịch-sử nước Nam có một việc quan-trọng là việc ông Lê-Lợi phục-quốc. Quân Tàu bị thua ở Hanoi, xin 100.000 quân cứu-viện ở Vàn-nam về, nhưng ông cũng đánh đuổi được. Ông thắng trận đầu, cố đánh lấy thành Hanoi. Quân Tàu chỉ giữ được một chỗ quan quân ở mà thôi. Đánh nhau ở cầu Thanh-oai trong hai ngày, quân Tàu thua, chết đuối mất mấy nghìn người, còn thì chạy ra Cơ-sở rồi trốn về Đồng-quan.

Cách vài tuần-lẽ, quân ông bị thua ở Hoài-đức, nhưng sau ông lại thắng được quân Tàu rồi vào Hanoi. Ông tự xưng-đế và lên ngôi vua. Ông đã nhiều phen chống cự với vua Tàu, nhưng sau ông cũng xin vua Tàu phong vương cho. Thế là ông sáng lập ra đời nhà Lê, trước còn rực-rỡ, nhưng đến các vua sau chỉ chơi bời tấu sắc rồi bị chết.

Năm 1509, có giặc nổi lên đánh vua thứ bảy nhà Lê là ông Oai-mục Vương. Đánh nhau nhiều trận to trong tỉnh Hà-đông; Quân nhà vua bị thua, vua bị bắt, phải tự-tử. Thế rồi tranh nhau ngôi vua, trong nước thành ra vò chử mà giặc cướp nổi lên rất nhiều.

Mạc-đang-Dung trước đã lập ông Lê-Xuân lên làm vua, nhưng đến năm 1527 lại phế đi mà bắt nhường ngôi và giao quốc-bảo cho mình.

Từ đây, nhà Mạc và họ Trịnh tranh quyền và đánh nhau luôn, nhà Mạc tiếm ngôi vua còn họ Trịnh khôi-phục nhà Lê ở Thanh-hóa.

Năm 1592, nhà Mạc thua chạy trốn lên Cao-bằng. Thành Thang-long lại thuộc về họ Trịnh, vì Trịnh tiếng là tội vua Lê,

nhưng kỵ thực thi giữ hết quyền vua. Sử-ký chép rằng trong nước khi ấy không những có nạn binh-hỏa như thế lại còn nhiều tai thương như lụt bão và cháy.

Trịnh giữ quyền thế mãi đến năm 1785, bị tướng Tày-sơn là Nguyễn-van-Huệ đánh một trận nhỏ đuổi ra ngoài thành; Tày-sơn giả danh phò Lê nhưng lại bỏ nhà Lê ngay.

Chiêu-Thống là vua cuối cùng nhà Lê nhờ cờ quân Tàu đưa về Thăng-long, nhưng đến ngày mồng 8 tết (1788) thốt-nhiên bị quân Tày-sơn đánh đuổi. Tương truyền rằng khi ấy quân Tàu sợ hãi đỗ sò nhau chạy xuống cầu-phao ở sông Nhị-hà. Cầu nặng quá bị gãy, quân Tàu chết đuối rất nhiều.

Nguyễn Huệ thế là chúa tể trong nước, nhưng đế-nghiệp mới nhóm thành đã đỗ ngay. Con là Nguyễn-quang-Toản không giữ nổi Bắc-kỳ.

Năm 1801, ông Nguyễn-phúc-Anh (Gia-Long) là dòng dõi nhà Nguyễn thắng trận ở Nam Trung-kỳ, tiến lên phía bắc, qua trung-châu rất nhanh, đến ngày 17 tháng 6 năm 1802 hạ thành Hanoi.

Đức Gia-Long ở Hanoi hai năm, tiếp sứ-thần các nước lân bang và sứ-thần nước Tàu sang phong-vương. Sau ngài lui vào Huế là nơi cố-đò chúa Nguyễn khi trước.

Tuy vậy Hanoi vẫn là nơi kinh thành; đức Minh-mệnh (1821) và đức Thiệu-Trị (1840) đều ra Hanoi thụ phong.

Đến đời Tự-Đức, thì Hanoi không phải là nơi kinh-thành nữa. Ngài lấy cớ rằng: ngoài Bắc vì quan tham lại nhũng, dàn-sự hay nổi loạn, cho nên ngài có xin vua Tàu được thụ phong ở Huế.

ĐƯƠNG KHI XÀM-CHIẾM. — Từ nay trở đi trong lịch-sử tỉnh Hadong thêm một sự nữa là sự nược Pháp sang can-thiệp đến việc ở Bắc-kỳ.

Ngày 21 tháng chạp năm 1873, quân Cờ-den ở Hoài-đức tiến ra đến gần Thủ-lệ, đánh nhau với ông Francis Garnier là quan ba tàu-thủy. Ông Francis Garnier bị chết ở đấy. Thoạt tiên nhờ có những tướng tá của ông là những người tài giỏi, thi quân Cờ-den

bị thua, chạy chốn vào các nơi bụi rậm. Ông muốn toàn-thắng và củng-hang hái như ngày 20 tháng một tết trước, ông chỉ có 180 quân mà đánh được 7.000 người rồi tiến lên Hanoi, cho nên ông cố đuổi theo quân Cờ-den mãi; nhưng sau ông bị quân Cờ-den vây rồi chết. Thế là ngày 21 tháng chạp tết, là một ngày rất vỗ-vang mà lại là một ngày rất thảm-thiết. Song ông chết như thế cũng không phải là vô-ích, vì nhờ có ông quân Pháp mới thoát được.

Mã ông trên đỉnh có dấu thập-át, xung quanh có tre và cây gồi mọc. Mã ông đê ở trên cảnh đồng bì thảm kia, là nơi chiến-địa của quân Pháp và quân Cờ-den khi trước, quân Pháp ít, quân Cờ-den nhiều.

Mã ông có các quan Công-sứ trong tinh trống nom một cách súng kính cho nên đã thành ra một kỷ-niệm dài. Mã ông không có gì là trang trọng song chỗ ấy cạn lai còn vò sô giặc cướp mà ngày nay bên cạnh đã có những xưởng máy khói lèn nghi ngút, những con đường đẹp đẽ mát mẻ và những đồng lúa xanh tốt, trông thấy thế ai là chẳng động lòng. Ta đi qua đấy nên cúi đầu xuống vì nhớ có ông bày giờ mới được bình yên.

Người Annam cũng biết mã ông là đáng kính. Nhiều người qua đấy cũng cúi đầu xuống, và ai nấy đều súng kính như những miếu nhỏ xàyt ở vệ đường hay là ở giữa đồng đê thờ thần hay là thờ tổ-tiên linh-hiên ngày xưa.

Gần đấy ở con đường lên Sơn-taylor, vào một chỗ phong cảnh rất đẹp, có một cái chùa là chỗ ngày trước ông Balny đã chết cùng ngày với ông Francis-Garnier.

Ở tỉnh Hà-đông còn đánh nhau nhiều trận nữa; ngày 19 tháng nam, nam 1883, quân Cờ-den ở Hoài-để ra đánh nhau với ông Henri Rivière ở Cầu-giấy. Ông Henri Rivière bị chết ở đấy. Những tướng giỏi của ông là ông De Villiers Jacquin, de Brizes cũng chết ở bên cạnh ông.

Mã ông đê ở gần Cầu-giấy, về bên tả đường cái lên Sơn-taylor, trên mặt có tảng đá, xung quanh có rào sắt và cây dừa che mát, ai đi qua đấy cũng súng kính.

Song không mấy lâu dẹp yên được giặc. Ông Henri Rivière chết được ba tháng thì có ông Nguyễn-súy Bouët đánh nhau với quân Cờ-den mấy trận, quân Cờ-den phải lui về bên kia sông Nhuệ-giang.

Ngày 15 tháng tám năm 1883, vòng theo con đường cái quanh, bảy giờ chỉ có ô-tò đi lại, ông giàn trận đánh đuổi quân Cờ-den phải lui về phía bắc. Quân ông bấy giờ lại thêm có quân ở sông Nhị-hà chầy lên, ông bèn chia ra làm ba toán, một toán theo dòng sông Nhị-hà, một toán chầy về Yên-thái, còn một toán nữa chầy về Hoài-đức là nơi quân Pháp đã tai hại rất nhiều. Toán thứ nhất lấy được đồn Chèm, toán thứ ba đánh được Hoài-đức, còn toán thứ hai đánh mãi mới lấy được đồn Dịch-vọng. Khắp mặt trận quân Cờ-den đều lui cả.

Nhưng bồng tự nhiên bị lụt, không thể đuổi quân Tàu nữa, cho nên quân Tàu chạy được về Đan-phượng, đắp thành đất để giữ mặt sông Đáy, không cho quân Pháp sang.

Nhưng đến ngày 2 tháng chín tây, quân Pháp qua được sông Đáy, đánh quân Tàu ở Thượng-thôn và Bá-dương, quân Tàu thua phải chạy về Sơn-tây. Từ ấy người Tàu bỏ hẳn Hảđông mà cõ về thi cũng chỉ tìm cách thương mại mà thôi, không cõ ý dám phản đối nữa.

SAU KHI XÀM CHIẾM. — Đánh nhau ở Bá-dương được vài tháng, thi một đội quân Pháp đóng ở Mỹ-đức, quan binh Pháp khi ấy nhờ có quan Án-sát Hanoi là quan Hoàng đại-nhân, thân sinh ra quan Tổng-đốc Hảđông bảy giờ, giúp được nhiều việc lăm. Quan Hoàng sau lại đánh được trận ở Hưng-yên, Lạng-sơn, Hải-dương, Cát-bà rồi làm Kinh-lược và Phụ-chính.

Năm 1883, có giặc đóng ở Ứng-hòa, Thanh-oai, ngài đều phá vây được cả. Năm sau, ngài đánh tan được quân Cờ-den và giặc Annam ở Mỹ-đức và Chương-mỹ. Trong ba năm ròng rã, ngài đánh đuổi quân giặc, lập ra đồn ải cho dân được yên phận làm ăn.

Năm 1887, tỉnh Hảđông được yên, nhưng đến năm 1889, lại có giặc nổi lên, lính khố-xanh phải đi càn giặc.

Trong việc càn giặc này có thể chia ra làm ba thời-kỷ :

Thời kỳ thứ I

Năm 1889, giặc Tứ-khản có 100 khẩu súng, đóng ở bụi rậm trong phủ Mĩ-đức, Mĩ-lương và Thanh-oai không cho các làng giao-thông với các đồn Pháp và tổng dàn làng rất nặng. Ngày 27 tháng chín năm 1887, Tứ-khản cố muốn đánh lấy đồn khố-xanh ở Ngâ-ba-thá. Quan Giám-binh Ressairre phải đi dẹp giặc. Toán quân có ông đồn Audibert giết được tên đồng đảng với Tứ-khản rồi phá tan được giặc.

Quân giặc bị quan quân đánh ở hữu ngạn sông Đáy một cách rất kịch liệt, bèn chạy qua sông Đáy, rồi chốn vào Thanh-oai và Ứng-hòa. Ông Ressairre đánh đuổi quân giặc trong mây hòm ròng rã. Ngày 21 tháng 10 ông đuổi được quân giặc ở chùa Thụ-phúc. Đánh nhau rất kịch liệt, Tứ-khản và 30 tên đồng đảng nữa bị chết ở trận tiền, còn những quan giặc khác đều tản nát đi cả.

Thời kỳ thứ II

Đầu năm 1890, các tướng giặc nổi lên đều ẩn núp ở phía bắc huyện Chương-mỹ, vì ở đây chúng có thể giúp được quan giặc thường ẩn núp ở núi Ba-vy tỉnh Sơn-tây.

Ông Ressairre có lính các tỉnh bèn cạnh giúp, v่าย giặc một cách riết hơn trận vây Tứ-Khản mấy tháng trước, rồi đuổi được giặc về Cò-liên, La-gián và Linh-sơn. Ngày 21 tháng giêng tây, quân giặc đều họp tập ở làng Linh-sơn, lính khố-xanh đánh giặc từ sáng sớm đến 5 giờ chiều thì giặc thua.

Các tướng giặc bị giết chết hoặc bị bắt và xử-tử, quan giặc nhiều tên bị chết, còn sống sót được bao nhiêu thì chạy trốn. Quân Pháp lấy được vò sổ gươm giáo, đạn dược và 12 khẩu súng, thế là ông Ressairre và hai ông đồn Klenoff và Maitrot nổi tiếng từ đấy.

Ngày năm 1890, tỉnh Hả-dông bị lụt thiệt hại rất nhiều. Đầu tháng tám tây, quan Công-sứ Rustaud vì nghĩa vụ phải đi tàu ở sông Đáy rồi bị chết đuối.

Thời kỳ thứ III

Năm 1891, có một toán giặc nỗi lên, dàn phải khiếp sợ. Toán giặc này có 300 người mà độ 150 người các tỉnh bên cạnh. Giặc tổng dàn và cấm không cho dân giao-thông với quân Pháp. Quan Kinh-lược phải đi tuần tiễu. Ngày 19 tháng ba tây, ngài đánh lấy được làng Cự-dà ở huyện Thanh-oai ; 10 tên giặc bị chết, lính khố-xanh lấy được 10 khẩu súng hạt kíp, một khẩu súng lục và đạn được rất nhiều.

Quan quân tiến về phía nam đánh giặc. Ngày 18 tháng sáu tây, giặc cố ngan ông Ressaire ở Quang-thị (Phú-xuyên). Từ trước ông Ressaire vẫn muốn gặp quân giặc, cho nên bấy giờ ông giáp trận như thế, ông cố thúc quân lính đánh. Đánh nhau ròng rã trong năm tháng giờ, giặc phải bỏ chạy ra ngoài tỉnh Hà-đồng. Cuối năm 1891, thì tỉnh Hà-đồng thế cũng là yên.

CHƯƠNG III

Cách tổ chức về đường cai-trị

LAI-LỊCH TỈNH HÀ-ĐỒNG. — Tỉnh Hà-đồng đã nhiều lần phải tùy thời hoặc tùy thế mà lấy một vài hạt ở tỉnh khác sáp nhập vào, hoặc lấy một vài hạt sáp nhập vào tỉnh khác.

Ngày 4 tháng tám năm 1883 có nghị-định bổ quan Bonnal làm Công-sứ Hanoi để kiểm-soát công việc cai-trị Annam.

Rồi quan Tổng Nguyễn-sửu có nghị-định lấy hạt Đan-phượng thuộc tỉnh Sơn-tây sáp nhập vào tỉnh Hanoi cho được rộng thêm.

Sau vua Đại-Nâm có chỉ-dụ nhượng đất Hanoi cho nước Pháp, nên chỉ ngày 19 tháng bảy năm 1888 có nghị-định đặt Hanoi làm thành-phố, mà việc cai-trị ở đây cũng xếp đặt một cách khác. Ngày 29 tháng bảy năm 1888 có nghị-định di Tòa-sứ Hanoi về Phú-lý nhưng đến ngày 6 tháng 7 năm 1889 thi-hành thấy không tiện cho nên bãi nghị-định ấy đi.

Nghị-định ngày 21 tháng ba năm 1890 lấy mấy huyện ở phía nam tỉnh Hanoi là huyện Nam-xương, Bình-lục, Thanh-liêm để sáp

nhập vào tỉnh Nam-định vì ở tỉnh Nam-định có lấy một vài hạt để lập một tỉnh mới là tỉnh Thái-binh. Nghị-định ấy lại để đạo Mỹ-đức, huyện Yên-đức, Chương-mỹ và mấy tổng Sơn-lăng thuộc quyền quan Đại-lý cai-trị riêng, nhưng đến cuối năm 1891 các nơi ấy lại thuộc quyền quan Công-sứ ở tỉnh cai-trị.

Nghị-định ngày 20 tháng mười năm 1890 lấy Phủ-lý-nhàn, huyện Kim-bảng, Duy-tiên và tổng Mộc-hoàn, Chuyên-niếp để lập ra tỉnh Hanam.

Ngày 21 tháng năm năm 1899, di Tòa-sứ về Cầu-đơ (Thanh-oai).

Ngày 14 tháng bảy năm 1899, có nghị-định để huyện Vĩnh-thuận ngoài thành-phố Hanoi, thuộc quyền quan Đốc-lý cai-trị, nhưng đến ngày 15 tháng giêng năm 1915 lại có nghị-định để huyện ấy thuộc quyền quan Công-sứ Hà-đòng cai-trị. Tháng hai năm 1898 có đặt Đại-lý ở Ngã-ba-thá để cai-trị phủ Mỹ-đức, nhưng đến cuối năm 1905 là được 8 năm lại bãi đi.

Tỉnh lỵ Hà-đòng bấy giờ ở Cầu-đơ. Trong tỉnh có những hạt sau này :

PHỦ HAY HUYỆN	số :		
	TỔNG	XÃ	ĐỊNH
Phủ Hoài-đức	13	92	33.156
— Thượng-tín	12	90	21.401
— Ứng-hòa	11	99	20.432
— Mỹ-đức	7	66	13.912
Huyện Đan-phượng	7	48	18.648
— Hoàn-long	9	61	12.886
— Chương-mỹ	12	80	16.081
— Phù-xuyên	10	72	16.094
— Thanh-oai	12	110	27.232
— Thanh-trì	12	102	20.092
Tỉnh-lỵ Hà-đòng	»	»	36
Các thà-y-giang	»	»	223
Tổng cộng	105	820	200.193

Những người Annam ở tỉnh-lỵ đều là những người các làng ở hoàn-tỉnh như Mỗ-lao, Van-quán, Cầu-đơ hay là những người các làng khác trong tỉnh.

I Quan-chức và chính-trị

Có một quan cai-trị thuộc về ngạch Văn-quan do quan Toàn-quyền chiêu tờ trình của quan Thông-sứ lừa bổ sung chức Công-sứ. Ngài trông nom các công việc trong tỉnh, kiêm cả quyền cai-trị và chính-trị. Ngài làm phát-lệnh phụ-thuộc sở chi-thu Bắc-kỳ và làm chủ tọa hội-đồng kỳ hảo hội-viên. Chiêu tờ giao-ước năm 1884, ngài tất phải làm môi-giới cho quan lại Annam với các người Âu-tây hoặc làm đồn-điền hay thuộc về ngạch quan lại.

Trước, ngài có nhiều người giúp việc.

Năm 1912, ngài có hai quan cai-trị, một quan cai-trị tập-sự, hai quan tham-tá và một quan kho-bạc giúp việc. Bây giờ, chỉ có một quan phó Công-sứ, một quan biên-lập và một văn-quan coi việc kho-bạc mà thôi.

Về việc án, ngài có một văn-quan giúp đỡ, sung chức Chánh-án tòa-án đệ-nhị-cấp.

Ở tỉnh lỵ, có quan Tổng-đốc, quan Thương-tá và quan Án-sát, ở phủ, huyện có quan địa-phương cai-trị, ngài đều coi sóc đến cả, còn ở các thôn-xã, cách tồ-chức thế nào, cuối chương này sẽ nói tường-tận.

Tỉnh Hà Đông là trường thí-nghiệm việc cải-lương hương-chính, việc lập hộ-tịch và đia-bạ, cho nên các quan cai-trị cần phải giao-thiệp với nam-quan và dân-sự một cách thân-mật.

Sau này, sẽ nói tường-tận đến các công việc trong tỉnh cùng những sự kết quả trong 34 năm sau khi chiến tranh.

II Hình án

Về việc tay-án tỉnh Hà Đông thuộc quyền thẩm phán tòa án Hanoi, trừ ra về việc vi-cảnh thì thuộc quyền quan Công-sứ xét.

Về việc nam-án, có ba cấp: (Các tòa án nói ở dưới này không phải là riêng cho tỉnh Hà Đông, nhưng vì mới lập, chỉ-dự ngày 2 tháng 7 năm 1920, ngày 16 tháng 6 năm 1921 và ngày 23 tháng 6 năm 1921, nghị-định quan Toàn-quyền còng-bố ngày 2 tháng chạp năm 1921 — vậy nói ra đây, tướng cũng có ích).

A. — Tòa-án sơ-cấp. — Mỗi một phủ huyện có một tòa-án sơ-cấp do quan phủ huyện kiêm chức thẩm-phán.

Quyền hạn thẩm-phán sơ-cấp như sau này :

a) Chung-thẩm những tội vi-cảnh, trừ ra khi nào có phạt giam thì không kể.

b) Về khinh tội và trọng tội, phải thám-sách phỏng-vấn và tuân mệnh-lệnh-quan trên.

c) Về dàn-sự, thương-sự, đáng ký những tờ hòa-giải của tổng lý đã làm; chung-thẩm các việc tạp-tụng về động-sản và đối với người mà giá ngạch không quá 30\$00.

Mỗi tuần-lẽ ít ra phải mở hai phiên tòa. Lại có thể mở phiên tòa ở các nơi ngoài bản-nha nứa.

B. — Tòa-án đệ-nhị-cấp. — Tòa-án đệ-nhị-cấp ở tỉnh lỵ. Cử lý thời quan Công-sứ kiêm chức chánh-án, nhưng thường thì quan phó Công-sứ kiêm chức ấy thay ngài. Lại có quan Tổng-đốc hay là quan Thương-tá làm chức bồi-thẩm, và quan Án-sát giữ chức dự-thẩm thuộc quyền quan chánh-án.

Tòa-án đệ-nhị-cấp xét những việc sau này :

a) Những việc kháng cáo các án của tòa-án sơ-cấp đã xử.

b) Chung-thẩm những việc dàn-sự thương-sự không thuộc quyền sơ-cấp mà giá ngạch không quá 100\$00.

Sơ-thẩm những việc giá ngạch quá 100\$00 hay là giá ngạch không nhất định.

C. --- Tòa-án đệ-tam-cấp. — Trên các tòa-án sơ-cấp và đệ-nhị-cấp, có phòng thứ hai tòa Thương-thẩm Hanoi, do một quan cố-vấn tòa Thương-thẩm làm chủ-tọa, và hai nam quan làm bồi-thẩm.

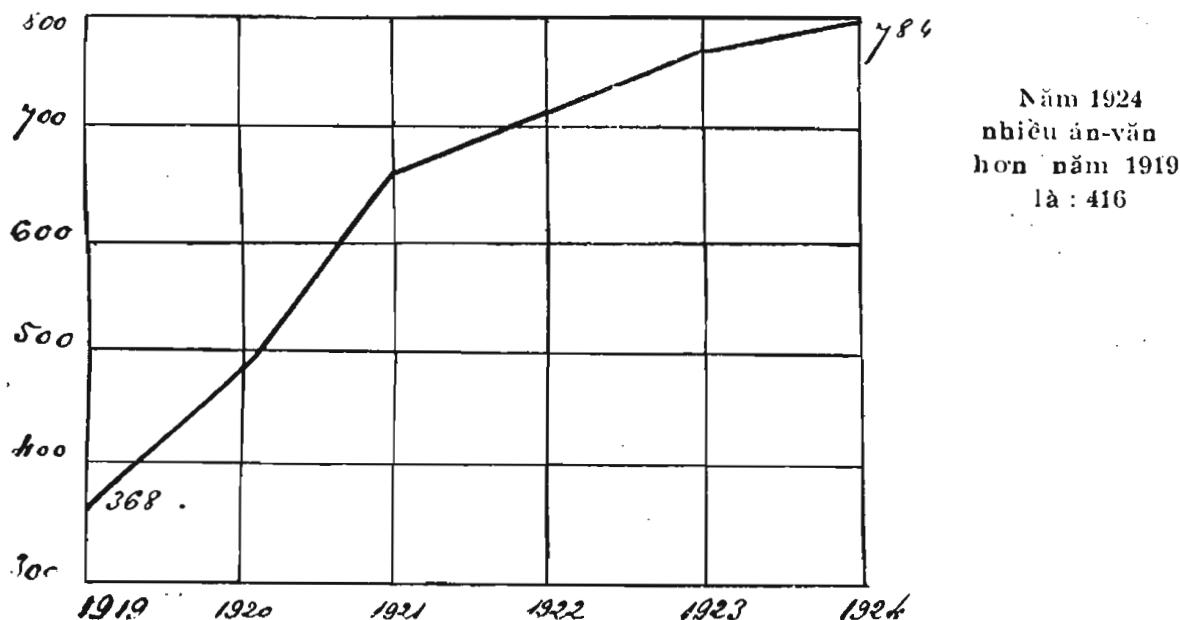
Tòa-án đệ-tam-cấp xét những việc sau này :

a) Những việc kháng-cáo các án của tòa-án đệ-nhị-cấp.

b) Những việc xin tiêu án chung-thẩm của tòa án đệ-nhị-cấp.

Ngoài Annam không hiểu các thể lệ thuộc về tòa án mới. Số các việc đang bạ tang lên rất nhiều, mà tòa án tỉnh cứ như bảy giờ sê không đủ thi giờ xét nhiều việc hơn được nữa. Hiện tinh như thế, xem bảng kè từ năm 1919 đến năm 1924, các việc xét xử mỗi năm tang lên bao nhiêu sê biết :

Số các án-van của Tòa-án đè-nhị-cấp xét
ngày từ năm 1919 đến năm 1924.



Nếu mỗi năm các việc cứ tăng mài lên, thi chẳng bao lâu tòa-án tỉnh sẽ phải cần đến hai quan-tòa mới đủ.

III Công-chính

Sở Công-chính Hà-đông rứt quan-trọng cho xứ Bắc-kỳ. Quan Chánh-Ký-sư phải chuyên việc tu-bồ 420 km đường xá, 165 km đè sông Nhị-hà và sông Đáy, cùng giữ thành phố Hanoi cho khỏi lụt.

Có ba con đường từ Hanoi đi vào địa hạt Hà-đông hình như cái quạt :

1º Con đường thuộc-địa Hanoi vào Huế, (từ bắc đến nam và xuất dọc-đường thuộc về địa-hạt Hà-đông đều có đồ đá).

2º Con đường hàng tỉnh Hanoi lên Sơn-tài (từ phía bắc về phía đông-bắc, dài 23 km 865 đều có đồ đá).

3º Con đường thuộc-địa Hanoi vào Hòa-linh (qua Hà-đông, từ phía bắc về phía tây-bắc, dài 41 km mà có 38 km đồ đá). Con đường này có một ngả do từ bắc đến nam đi về Phủ-lý, qua phủ Ứng-hòa, dài 29 km đều có đồ đá.

Lại có con đường của các đồn-diễn từ Chợ-bến đến con đường vào Hòa-bình, dài 32 km 500 chưa đồ đá.

Về phía nam, ở Chợ-bến, có con đường hàng tinh đi thông đến con đường lên Sơn-tây dài 45 km mà những ngày mưa, xe ô-tô không đi lại được.

Đè sông Đáy dài tất cả 88 km mà có 45 cây đồ đá, cũng là con đường giao-thông của phía nam với phía bắc.

Những đường giao-thông ấy đều có các đường ngang đi từ đường này sang đường khác.

Con đường vòng quanh Hanoi to nhất là con đường đi từ Thượng-cát qua Hà-đòng rồi đến Ván-diễn, liền với đường Hanoi vào Huế. Con đường này ở phía trên Hanoi đi đến Chèm, ở phía dưới Hanoi đi đến Vĩnh-tuy dài 46 km và có đồ đá.

Con đường ngang đi từ huyện Thanh-oai đến phủ Thường-tín dài 47 km 600 không đồ đá.

Con đường từ Miếu-môn ở đường Chợ-bến đến sông Nhị-hà dài 33 km mà 23 km có đồ đá.

Con đường từ huyện-ly Phú-xuyên đến sông Nhị-hà dài 5 km không đồ đá.

Lại có 77 km đè sông Nhị-hà đều đồ đá cả đi từ Bá-dương đến Mai-xá.

Xem như thế đủ biết rằng:

1° Con đường Hanoi lên Sơn-tây ở về phía bắc chỉ vận-tải những hóa-vật từ Sơn-tây về Hanoi, còn trong tỉnh chỉ có ít người ở vùng quanh đấy đi lại mà thôi.

2° Con đường Hanoi xuống Phú-lý ở phía đông mà bên cạnh lại có đường hỏa-xa : các hóa-vật trong tỉnh vận tải qua đường ấy cũng ít vì các đường ngang đi đến con đường ấy điều chật hẹp mà phần nhiều không lát đá, đi lại không tiện.

Chỉ có con đường Hà-đòng ra Hanoi là nhiều người đi lại và vận-tải hóa-vật nhiều, vì con đường ấy có hai ngả vào tỉnh Hòa-bình và các hạt Thanh-oai, Ứng-hòa. Sự giao thông quan hệ như thế đáng nhẹ phải mở rộng và lát đá cho tốt mới là phải, nhưng hiện nay còn xấu lắm. Sở Công-chính cũng đã hiểu cho nên đã có xem

xét định mở thêm một con đường như thế nữa, mong rằng sẽ khởi công ngay, vì nếu tỉnh Hà-đông chỉ có những đường giao thông như bảy giờ thì chẳng khác gì như một cái chai thực nhọn mà miệng thực nhỏ.

Sau này, xem xét đến những đường giao thông ấy làm từ năm nào.

Từ năm 1892, giờ về trước, Chính-phủ Đông-dương phải chú ý đến vấn-đề chính-trị hơn là vấn đề kinh tế, cho nên chưa làm được công-ich lớn. Sau khi dẹp yên được giặc mới bắt đầu mở mang khai hóa trong xứ.

A. - *Đường sá.* — Trong năm 1892, sửa lại và mở rộng con đường thuộc địa vào Huế !

Hai năm sau đắp con đường vòng quanh Hanoi dài 15 km. Con đường này hình như cành cung mà sông Nhị-hà lác là dây cung.

Năm 1896, 1897 và 1898 đắp lại con đường Sơn-tây về Úng-hoa và con đường Hanoi vào Cầu Đơ là chỗ tinh-ly bảy giờ. Năm 1899 xây một cái cầu dài 37 thước, rộng 6 thước, trên sông Nhuệ-giang đi vào Cầu Đơ ; dưới cầu xây năm cái cột, hai cái hai bên, ba cái ở giữa ; trên mặt bắc giầm sắt và gỗ lim.

Năm 1900 đắp con đường giao thông từ tinh-ly đến những nơi trọng yếu trong tỉnh như con đường lên Thượng-cát về đông-bắc và con đường xuống đường cái-quan về đông-nam (đến cầu Co-xé) con đường này liền với đường cái-quan).

Năm 1900 và 1901, mở thêm con đường Cầu Đơ vào đền Mai-linh, Trúc-sơn, Phương-hài về phía Hòa-bình. Từ đây trung-ương tỉnh Hòa-bình là một tỉnh Mường có đường giao thông tiện-lợi với nơi đô-hội Bắc-kỳ. Trong hai năm ấy bắt đầu đắp con đường Hanoi vào Cầu Đơ, con đường thuộc-địa Hanoi vào Hòa-bình và Hanoi vào Huế, con đường vòng quanh, con đường lên Sơn-tây, con đường về Thanh-trì, Vàn-định và tất cả những đường sá, đè điều vòng quanh Hanoi mà thuộc-địa-hạt Hà-đông.

Khúc đường hỏa-xá Hanoi vào Huế thuộc-địa-phận tỉnh này làm trong 3 năm mới xong.

Cũng về giao áy, làm xong đường xe-diện về Thái-hà-áp. Từ năm 1904 đến năm 1910, sở Công-chính chỉ tu-lắp những con đường hiện đã có mà thôi. Xây những cầu mới một cách giản-dị bền chặt hơn những cầu cũ (mặt cầu làm bằng giiasm.sắt, chân cầu có cột xây).

Năm 1911, làm nốt con đường xe-diện vào Hà-đông. Năm 1913 làm một cái cầu bằng *bich-loong* dài 60 thước trên con sông con ở cột thứ 34 đường Hanoi vào Hòa-bình. Năm 1916 làm lại mặt cầu Hà-đông bằng *bich-loong*. Năm 1918 mở rộng và sửa lại đường Hanoi vào Hòa-bình.

Từ năm 1918 đến giờ, chỉ đắp thêm một con đường mà thôi, là con đường từ Xuân-mai qua Miếu-môn đến chợ Bến. Khúc đường từ Xuân-mai đến Miếu-môn dài 10 km, năm 1920 làm xong. Bây giờ đường làm nốt khúc đường từ Miếu-môn đến chợ Bến, dài 17 km và khó làm. Con đường này là con đường giao-thông của những chủ đồn-diền ở Sơn-tài với những chủ đồn-diền ở Chi-nè thực là quan trọng cho việc kinh-tế; như đã làm đường giao-thông cho đồn-diền Hoàng-gia-Luận, đồn-diền giồng cày ở Đồng-song, đồn-diền Gendreau, và đồn-diền Wald và Mouton. Lại chạy qua đồn-diền Sarthe (ở Thanh-lương vào đường Hòa-bình) rồi đến các đồn-diền ở Chi-nè gần Ninh-bình. Vẫn không những làm đường giao-thông cho các đồn-diền, lại làm đường giao-thông cho cả vùng giáp giới Hòa-bình và vùng trong các huyện Chương-mỹ, Mỹ-đức. Ở vùng trong hai hạt ấy còn nhiều đồi núi chưa khai-khẩn, cho nên con đường này vừa làm lối khai-khẩn vừa làm đường giao-thông của các vùng ấy với đồng bằng tỉnh Hòa-bình.

B. Đè-ai-êu. — Năm 1892, các đè-nhơn năm trước bị lụt, phải đắp lại cho vững; đắp 8 đè quai ở mé dưới thành-phố Hanoi. Ở Đại-lộ vào quảng đường cái quan đến chân đè, có xây một cái cổng đè khi nào đồng Thanh-trì có tr nước mưa sẽ tháo ra sông. Cổng áy xây bằng gạch và đá ở dưới đè; có hai cái tường và có cửa bằng gỗ lim. Cổng tuy nhỏ (cao 1^m 85 rộng 1^m 20) nhưng cũng đủ tháo nước được hai ba trăm mẫu ruộng để cấy chiêm.

Năm 1893, khúc đê từ Cát-thượng đến Phú-đỗ dẫu thuộc về địa-hạt tỉnh Hà-nam, nhưng cũng toàn là dàn Hà-đòng đắp. Khúc đê này giữ cho hạt Phú-xuyên và Sơn-lâng khỏi phải nước hạt bén cạnh trán sang.

Cũng năm ấy, đê sông Nhị-hà vỡ ở Bộ-dầu, phải làm lại. Phải đắp một đê quai ở Đặng-xá về tả ngạn sông Đáy.

Đê đến Chèm sắp lở cho nên mùa đông năm 1893 và 1894 phải xây một cái tường đá ở sườn đê.

Cuối năm 1895, đắp hai đê quai thực tốt, một cái ở Tứ-châu về phía bắc Tây-hồ, dài 950m, một cái ở Cổ-liêu về phía nam tỉnh Hà-đòng, dài 2.000m.

Hoạn đê quai ở Tứ-châu làm thực khó; phải đóng cọc dài 10 thước rồi cắm tre, tre phên và đổ đá chung quanh, để khi đổ đất, đất khỏi trôi đi,

Năm 1901, các đê ở chung quanh thành Hanoi đều có đổ đá. Từ năm 1915 giờ về trước, sở Trị-thủy chỉ tu bổ những đê hiện có mà thôi.

Năm 1915, đê Liên-mạc ở phía trên Hanoi, dẫu hết sức trông nom mà cũng vỡ, tĩnh hạt bị lụt thiệt hại rất nhiều. Khi nước xuống phải đắp đê quai dài 1.200 m.

Từ năm 1917 đến năm 1924, lòng sông cao lên mãi, cho nên sở Trị-thủy cũng phải đắp đê cao thêm lên cho vững.

Bây giờ ở những khúc đê sung-yếu, có đắp nhiều đê-cơ. Những cày cối và nhà cửa ở mặt đê hay là ở chân đê làm cho khi nước lên hộ đê rất khó, bây giờ bắt đắn và rỡ đi cả. Sở Trị-thủy cứ tuần-tự mà làm được các công việc to-tát như thế thực là vẻ-vang.

Dẫu không thể nói ấn-định rằng tĩnh Hà-đòng thế là khỏi lụt, vì còn nhiều duyên cớ khác khiến cho đê dẫu mới và tốt cũng vỡ, song cứ như các đê bây giờ, dàn Hà-đòng có thể yên tâm, không phải quắn ngại như trước nřa.

C. — Các công-việc khíc. — Năm 1898 và năm 1899 ở Cầu Đơ công việc đổ đất nhiều quá. Những nơi định làm tòa Sứ và các

công-sở khác đều phải dỗ dắt cho bằng phẳng, cao ráo. Phải làm dinh quan Công-sứ, các buồng giấy và dinh thư các quan tay-nam.

Được ít lâu, lập nhà-trường Pháp-Việt con-giai, làm lại dinh quan Tổng-đốc, các nhà huyện Phú-xuyên, Thanh-trì, Thường-tín và Hoài-đức.

Chợ Hà-dong lập năm 1904, năm 1910 lập nhà-thương ở tỉnh-ly, năm 1918 lập thêm nhà-hộ-sinh ở nhà thương.

Trong tỉnh-lai đặt ra 19 nhà-trạm nữa.

IV. Y-té

Việc y-té ở Hà-dong có ~~một~~ sở thuốc ở tỉnh-ly và các phái-viên đi chữa thuốc ở nhà-què; đều có quan-thầy thuốc trông coi.

Các quan-thầy thuốc ấy thuộc quyền một quan Y-chính thanh-trá ở Hanoi.

Trong tỉnh có những sở chữa bệnh và dưỡng bệnh như sau này :

A. - *Nhà thương*, nhà-hộ-sinh, nhà-chữa người-bệnh nặng và bệnh-truyền-nhiễm, có một quan-thầy thuốc, một cò-đờ, nam người-nam nữ-khán-hộ, một người-thợ giặt, hai người-eu-li trong-nom các phòng và một người-dàn-bà làm công-nhật.

Trong nhà-thương có những sở sau này :

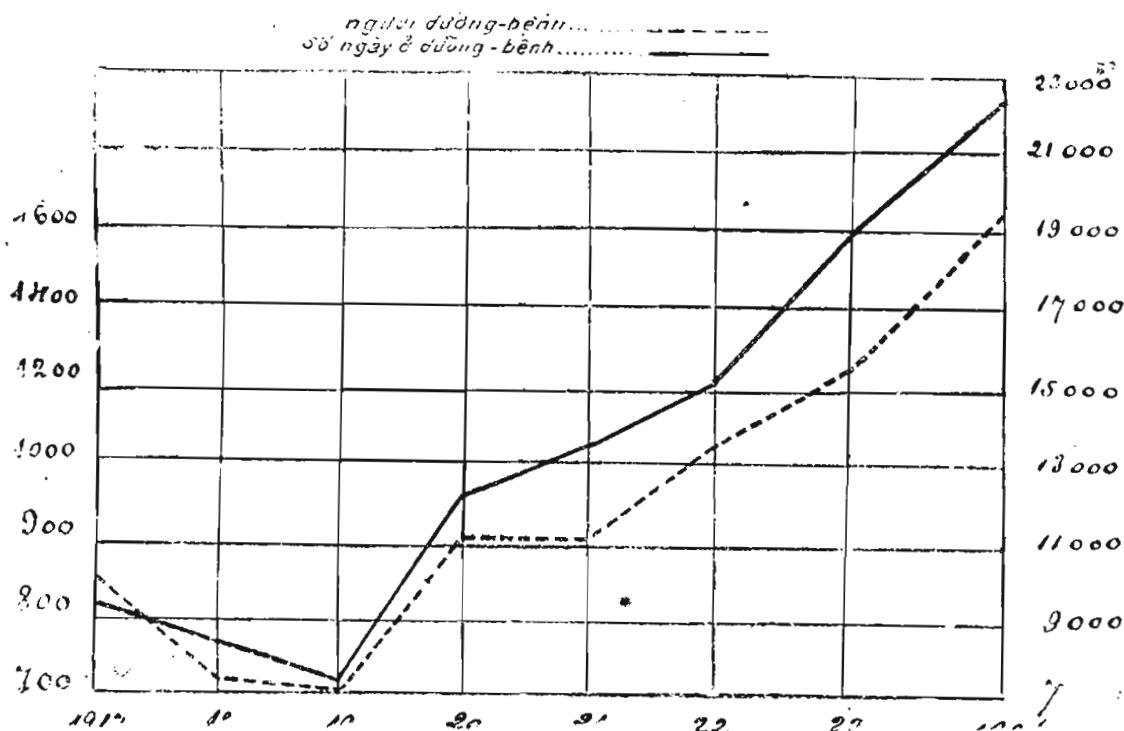
- 1) Sở-chữa thuốc và nuôi người-ốm không-mất tiền.
- 2) Sở-khám-bệnh không-mất tiền.
- 3) Sở-khám-xét những người-nghi là có-bệnh-phong.
- 4) Sở-để-mỗi những-bệnh-nhé.

Người-Annam mỗi ngày mỗi-quen dùng thuốc-tây và theo-cách-vệ-sinh-tây.

Trong nhà-thương lúc-nào cũng đông người đến-chữa thuốc và khám-bệnh.

Xem như sau này sẽ rõ :

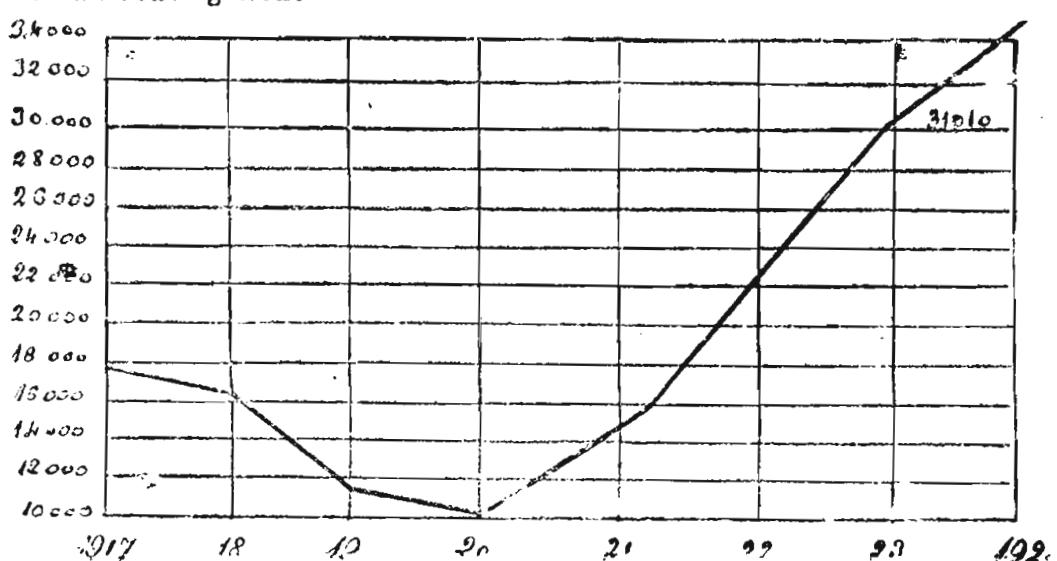
SỐ NGƯỜI DƯỠNG-BỆNH VÀ SỐ NGÀY Ở DƯỠNG BỆNH NHÀ-THƯỢNG HÀ-DÒNG MỖI NĂM LÀ BAO NHIỀU, KỂ TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1924



SỐ NGƯỜI ĐẾN KHÁM BỆNH Ở NHÀ-THƯỢNG HÀ-DÒNG
TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1924

Những người đến khám các bệnh như sau này:

- A) Bệnh thường nhất là bệnh sốt-rét ngà-nước.
- B) Bệnh ở ngũ-quan nhất là bệnh đau mắt.
- C) Bệnh thuộc về bộ tiêu-hóa như bệnh đi rứa, bệnh lỵ.
- D) Bệnh thuộc về bộ hô-hấp như bệnh đau cuồng-phổi nặng hoặc kinh-niên.
- E) Bệnh ngoài da.
- F) Các dấu thương-tích.



B. — Ba nhà hộ-sinh ở Dương-liêu (Đan-phương) Phương chung (Thanh-oai) và Xuân-tảo (Hoài-đức).

Các nhà hộ-sinh ấy làm theo một kiểu. Có một phòng kê 10 cái giường, một phòng đẻ và một cái nhà cò đở ở.

Người làm việc có một cò đở, một người khán-hộ đàn-bà, một người đàn bà làm công.

C. — Trại hủi ở Tế-trường (Thanh-trì). Trại hủi này thuộc quyền quan Chánh Y-viện Bắc-kỳ và quan Công-sứ bản tỉnh trông coi. Có một quan thầy thuốc, hai người nam nữ khán-hộ, và hai người eu-li thuộc quyền quan giám-thị tây ở đây.

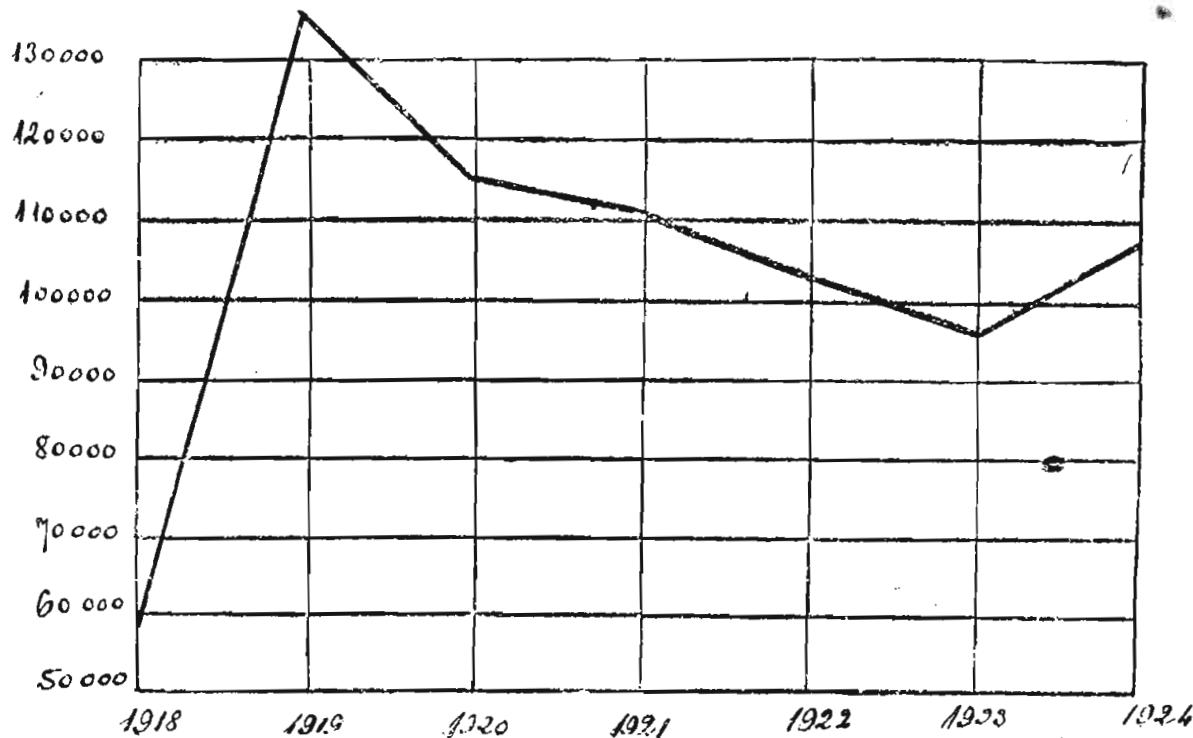
Những người hủi ở thành làng, và mỗi tháng nhà nước có cấp lương. Người hủi nào được làm chyre dịch lại được lương bổng riêng. Nhà-nước có làm nhà cửa cho ở. Những người hủi có cung tiền để lập nhà thờ trong trại. Trong nhà-thờ có ông cố tây ở.

D. — Lại có quan thầy thuốc về các làng chửa thuốc đau mắt; ai muốn khám bệnh không mất tiền.

Quan thầy thuốc ở tinh-ly và quan thầy thuốc đi các làng chửa mắt cũng có chủng đậu.

Số những người chủng đậu như sau này :

SỐ NGƯỜI CHỦNG ĐẬU TRONG TỈNH HÀ-ĐÔNG TỪ NĂM 1918 ĐẾN 1924.

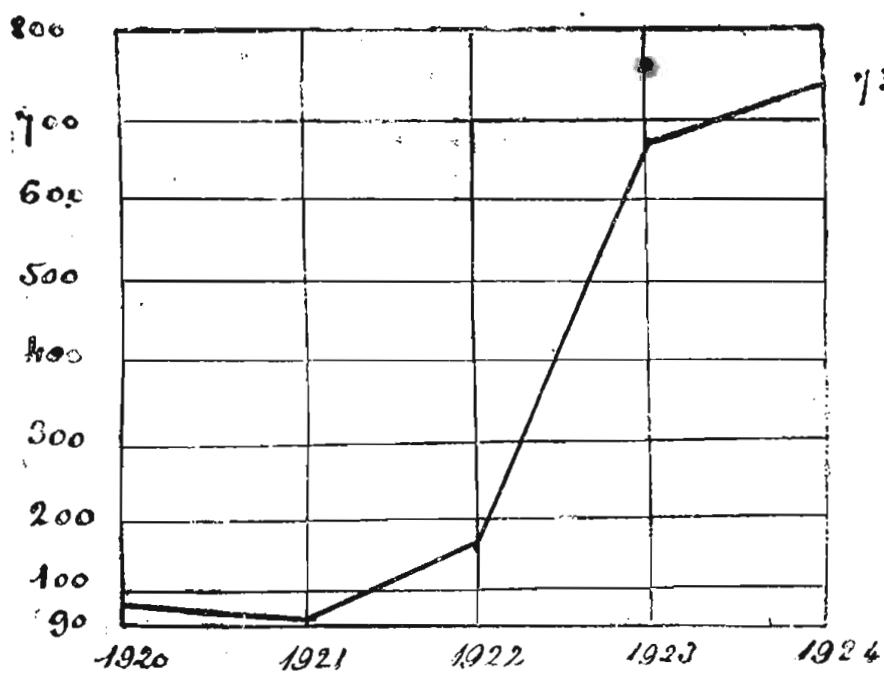


Ở các nhà hộ-sinh mỗi ngày một nhiều người đến để, xem bảng sau này sẽ biết.

Kê-tỉnh Hà-đông dân nhiều mà trong một năm chỉ có 739 người đến các nhà hộ-sinh để thì cũng ít thực, nhưng các nhà hộ-sinh ấy là để cỗ động cho phép vệ-sinh và đỡ đẻ Âu-tây lan rộng ra. Cách đỡ đẻ của các bà-mụ annam thực là nguy-hiểm.

Những người đến nhà hộ-sinh để đều được mẹ tròn con vuông về, cho nên dân nhà què bày giờ đã biết cách đỡ đẻ của Âu-tây là có hiệu. Muốn cho dân nhà què chóng được am hiểu hơn nữa, thì nên kíp lập nhiều nhà hộ-sinh và kíp dạy lấy người đỡ đẻ. Sau này khi nào nói đến việc cải lương hương chính, sẽ biết rằng các làng có thể lấy tiền công quỹ ra làm nhà hộ-sinh.

SỐ NGƯỜI ĐẾN ĐỂ TRONG CÁC NHÀ HỘ-SINH Ở TỈNH HÀ-ĐÔNG



739 Trong 6 tháng đầu năm 1925 có 428 người đẻ.

V. Thủ-y

Sở Thủ-y có một quan Thanh-trá tây và một quan Thủ-y thí-sai người Annam.

Tỉnh Hà-đông giáp tỉnh Hòa-bình; vì tỉnh Hòa-bình là một tỉnh khô thi-hành những cách phòng giữ bệnh dịch trâu bò, cho nên trâu bò ở tỉnh Hà-đông thường bị lây.

Nam nào cũng có lập diêm canh ở các miền giáp giới những tỉnh bên cạnh. Con nào có giấy chứng-chỉ rằng không phải ở

những hạt có bệnh dịch đến mới được đi qua. Trâu bò chủng đậu cũng nhiều, năm 1924 chủng đậu hết 6.100 liều thuốc đáng giá 3.965\$00 ; nhờ thế mà dân-sự đỡ thiệt hại về bệnh dịch trâu bò.

Trước cứ 100 con bò thì 21 con và 109 con trâu thì 23 con mắc bệnh dịch. Những trâu bò mắc bệnh dịch thì 9 phần 100 con bò và 16 phần 100 con trâu bị chết.

VI. Học-chính

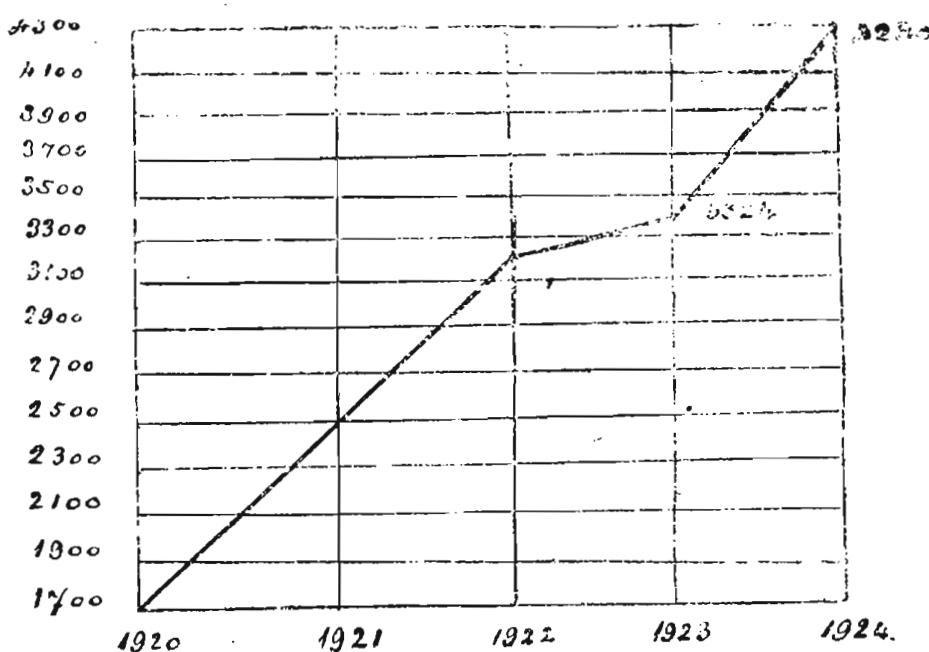
Tỉnh Hà-đông cần có nhiều trường Pháp-Việt. Dân-dòng mà lại hay mất mùa làm ruộng, nên phải làm thêm công-nghệ để sinh nhai. Đã là dân có làm công-nghệ tất thường phải giao tiếp với người mua, và muốn cho con trẻ sau này biết giao tiếp cho khéo, thì cần phải cho chúng nó đi học. Xem thế đủ biết việc kinh-tế thực có ảnh hưởng đến sự tiến hóa của dân-tộc.

A. — *Trường công.* — Có 75 nhà trường, 112 lớp học, 19 người nam giáo-học, một người nữ giáo-học và 90 người nam nữ trợ-giáo đều thuộc quyền quan Thanh-trà Học-chính.

Cuối năm 1924, tất cả có 4.230 nam nữ học-sinh. Cứ xét cái bảng sau này đủ biết dân-gian đều hoan nghênh các trường Pháp-Việt.

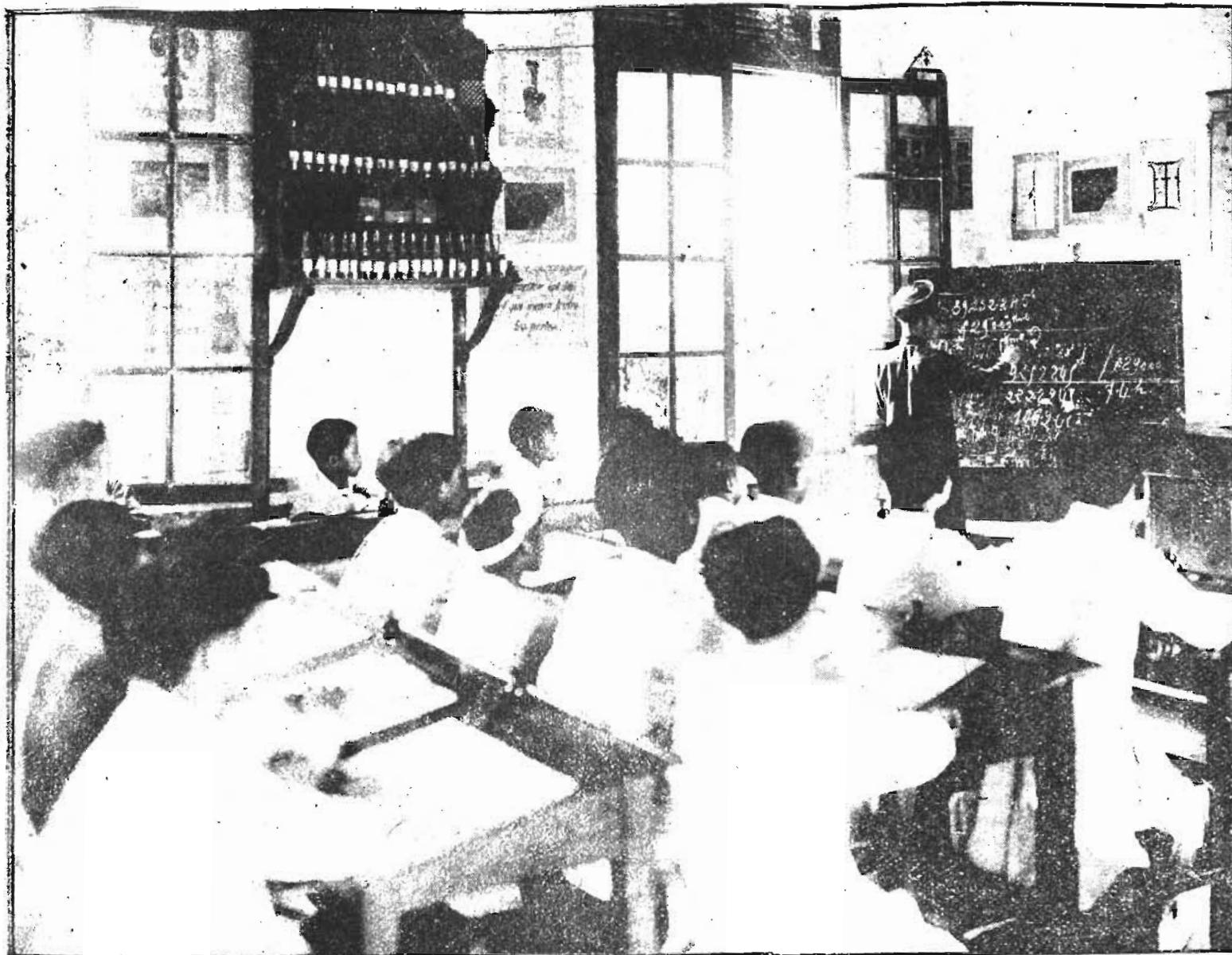
SỐ HỌC-SINH TRONG TỈNH HÀ-ĐÔNG TỪ 1919 ĐẾN 1924

Học-trò



Số học-sinh năm 1920 kém 1921 là : 2530.

— 1923 — 1921 — : 906.



TRƯỜNG HỌC Ở THANH-LIỆT

Số học-trò đông như thế, mà hiện các trường đã thành-lập còn ít lăm, chưa đủ chỗ học, xem bảng ở cuối quyển sách này sẽ biết.

Khi nào có tiền và nhất là có đủ thầy giáo, sẽ lập trường ở những nơi hang cùng ngõ hẻm.

Bây giờ muốn lập trường mới thì tuyển thầy giáo rất khó.

Tỉnh Hà-đông đã hết sức tuyển thầy giáo. Năm 1924 phải bỏ đến 61 người trợ giáo mới; trong mấy tháng nghỉ hè có đặt ra mấy lớp cho các người trợ giáo ấy học thêm.

Lại có 4 trường công-nghệ ở Thượng-cát, Phương-trung, Hữu-tử và ở tỉnh-ly, toàn là tiền của dân làm ra. Các con trẻ đến đây học trám, nặn đồ đất, làm dù nhật-bản, làm gien, làm quạt và các đồ gỗ.

Lập trường công-nghệ là cốt đề cho học-trò ở các trường Pháp-Việt trong tỉnh ra săn có một nơi học nghề để sinh-nhai, không cần phải chỉ mong đi làm việc quan mà thôi, như thế thực là ích-lợi.

B. — *Trường tư.* — Lại có các nhà trường tư nữa. Mới đây có nghị-định nói đến các nhà trường tư ấy.

VII. — Địa chính

Việc đặc-điền ở tỉnh Hà-đông làm trước các tỉnh.

Ngày 4 Janvier 1925, công-ti Sestier do sở Địa-chính trông nom đã bao-đạc trong toàn tỉnh.

Bây giờ sở Địa-chính đương bận về việc trích-đạc. Nhưng vì ít người làm cho nên công việc chưa được mấy. Tuy vậy đã có lảng có bản đồ trích-đạc rồi.

Việc trích-đạc là một việc rất quan trọng, vì có trích-đạc sau này mới có thể lập tòa Chưởng-bạ ở tinh-ly. Như thế sự đồ, chắc bắt-động-sản sẽ có phần dễ hơn bây giờ, và thuế điền thô sẽ có thể đánh ngay vào người chủ cỏ của.

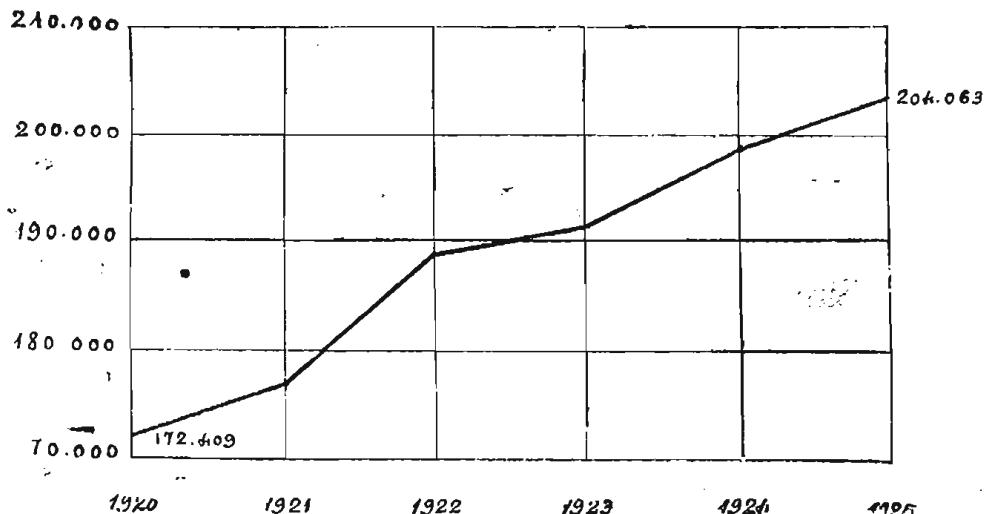
VIII. — Hộ-tịch

Tỉnh Hà-đông làm đầu các tỉnh ở Bắc-kỳ, năm 1922, nhà-nước đã thí-nghiệm việc thi-hành dân luật quyền thứ I.

Trước tiên bắt đầu thí-nghiệm ở hai hạt Đan-phượng và Hoài-đức thi đã thấy có thành-hiệu. Đến tháng giêng năm 1924 thi-hành cả toàn tinh. Những sự sinh-tử giá-thú khai mỗi ngày một nhiều mà biên chép cũng ít sai lầm.

Như thế là việc lập hộ-tịch đã có hiệu-nghiệm và sự ích-lợi của việc ấy sau này sẽ mỗi ngày một rõ ra.

BẢN ĐỒ SỐ ĐỊNH MỖI NGÀY TĂNG LÈN THẾ NÀO



IX. — Vô-tuyến-diện

Sở Trung-ương Vô-tuyến-diện đao Bắc ở Bạch-mai (Hà-đông), diện-tích ước chừng 75.000 thước vuông tây; có 6 cái cột tiếp phát, 4 cái đều cao 75 thước tây, 2 cái đều cao 120 thước tây. Khí-cụ ở đây thực tinh xảo mà điện thi lấy ở nhà Máy-diện Hanoi.

Ngày trước tiếp phát các tin cung ở một chỗ rất là không tiện. Năm 1925, sở Vô-tuyến-điện mới làm tạm một cái nhà ở tỉnh-ly Hà-đông để làm sở tiếp nhận. Sở tiếp nhận chỉ có một cái nhà gianh hai gian, trên mái có hai đoạn tre để chằng một cái dây đồng. Các người đi qua gần đấy nếu biết ở chỗ ấy tiếp-nhận được các tin ở Bordeaux, Tientsin, Cavite, Saigon, Hồng-kòng, Yunnan và các sở Vô-tuyến-điện khác ở Đông-dương thì chắc sẽ lấy làm lạ lẫm. Sở tiếp nhận cách xa Bạch-mai, cho nên tiếp phát các tin cung một lúc không có sự gì bất tiện. Nhờ thế mà bây giờ số các tin tiếp phát nhiều hơn trước tới 70 phần trăm.

X: — *Phi-định*

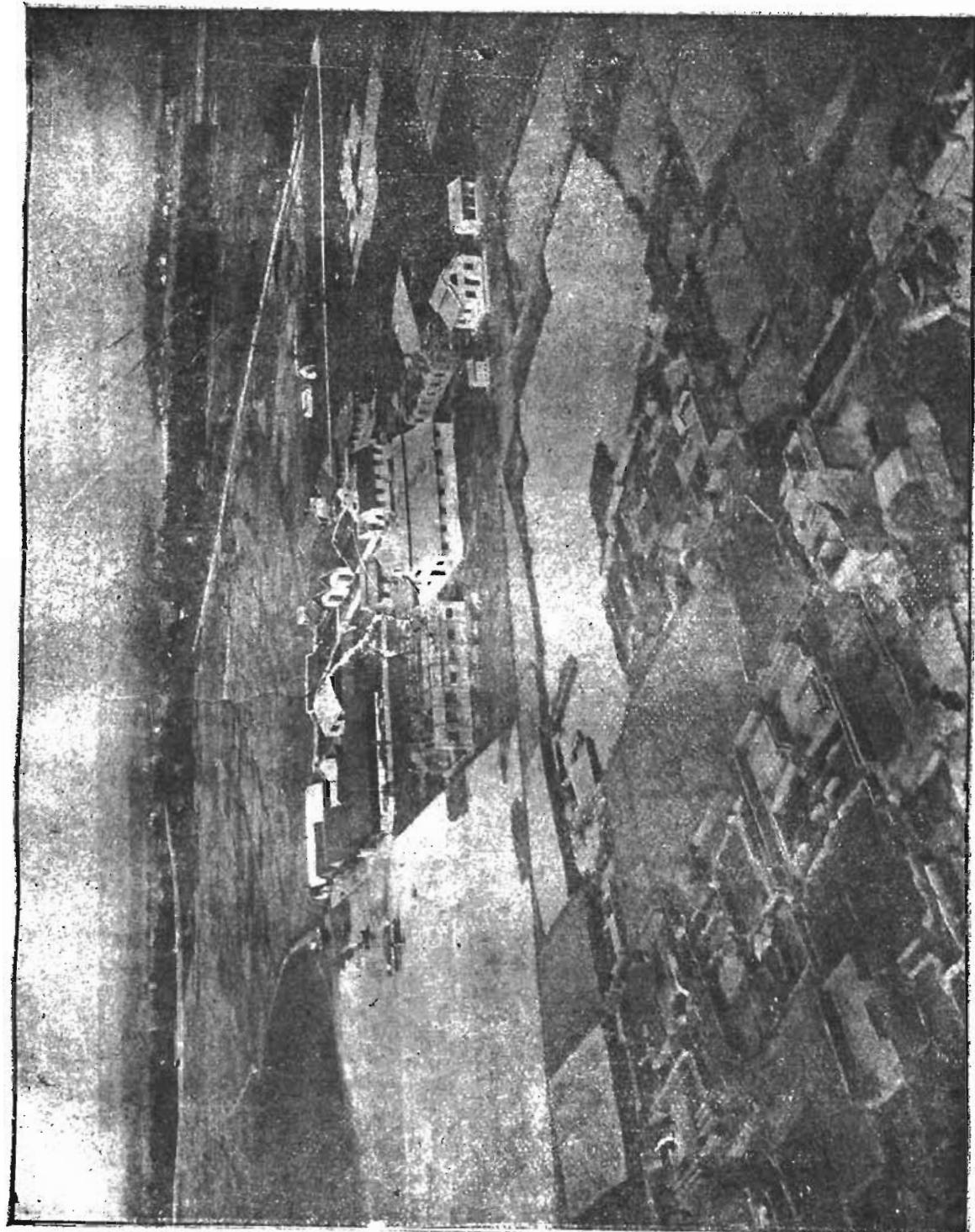
Ở Bạch-mai lại có sở Tàu-bay đoàn thứ nhất của Đông-pháp. Sở này lập năm 1918, đến năm 1922 mở rộng ra.

Bạch-mai là chỗ các con đường của thế-giới thường bay qua; và nghẽ tàu bay của Đông-pháp lại mỗi ngày một mở mang, cho nên chỗ tàu-bay xuống hiện mới có 25 mẫu tây, sau này có nhẽ phải mở rộng ra. Chỗ ấy năm nào cũng bị lụt mất mấy tháng vì thế đã phải đỗ đất và xây cống tháo nước để lấy chỗ tàu bay xuống. Nhưng các công việc ấy chưa làm xong, nên chỗ đất ấy còn nhiều nơi tàu bay chưa xuống được. Sở tàu bay ở Bạch-mai có những nhà bằng sắt và xây gạch để chứa 20 chiếc tàu bay của đoàn tàu bay thứ 1 ở Đông-pháp. Có những xưởng máy để về sau đoàn tàu bay ở thuộc-địa này có đủ khí-cụ mà dùng. Lại có mấy cái nhà nhỏ xinh-xắn để làm các sở phụ-thuộc, hay để cho lính gác ở (không cứ lính có vợ rồi hay chưa).

Sở Tàu-bay ở Bạch-mai vì địa-thể tiện-lợi cho nên đã thành một chỗ rất quan-trọng ở Thế-giới và ở Đông-pháp. Chỗ ấy sẽ là một chỗ đỗ cho các tàu-bay từ Âu-tây đến Viễn-đông. Từ khi lập ra sở này các tàu-bay bay ở Bắc-kỳ, phía bắc Trung-kỳ và ở Lào đều do ở sở này cả. Quan hai Dumas khi ở Saigon bay ra

Hanoï và quan ba Pelletier d'Oisy khi ở Paris bay sang Tokio đều
đỗ xuống đây.

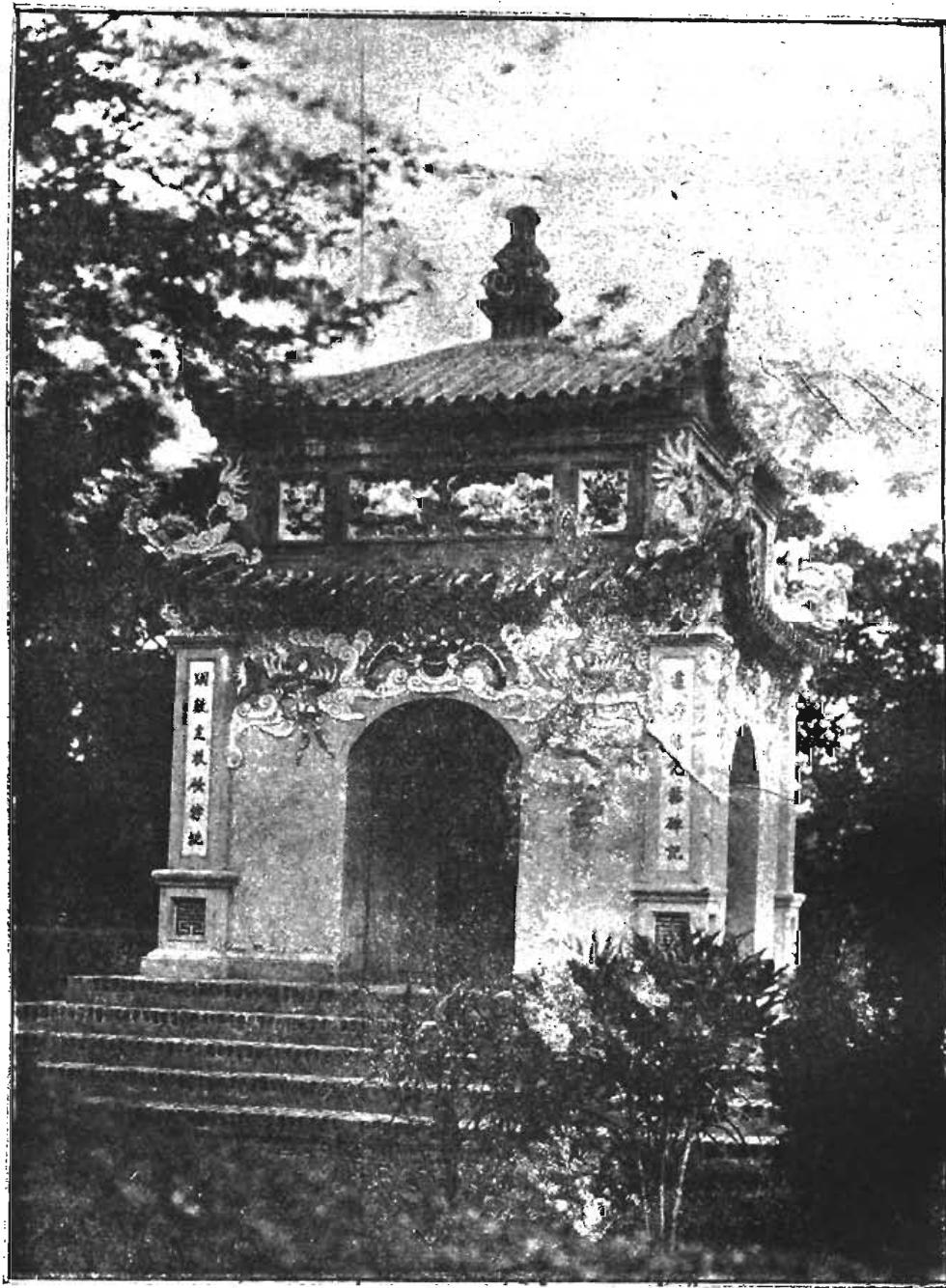
Lại mời lập ra một sở Thủy-phi-dinh ở Tay-hồ để làm gốc
cho đội Thủy-phi-dinh thứ I ở Đông-Pháp.



Sở Tàu bay ở BẮC-MÃI

XI. — Cải-lương hương-chính

Cuối chương này mới nói đến việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ, là một việc rất hay.



ĐÀI KỶ-NIỆM VIỆC CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH

Từ ngày 12 tháng 8 năm 1921 giờ về trước, thôn xã annam ví như cày cỗ-thụ, mà cải-lương tức là lấy một cành cày xanh tốt tiếp vào cây cỗ-thụ ấy. Vậy mục-đích việc cải-lương là cốt làm cho thôn xã được hợp với trình-độ tiến-hóa của dân.

Thôn xã annam do những gia-tộc họp lại thành ra, có quyền tự-trị, có quyền-lợi riêng, có thể cách bình-đẳng, thực là hay lăm, nhả-nước đã lâu ngày dùng để giúp việc, song cứ để nguyên như cũ tất không hợp thời thế.

Ngày 12 tháng 8 năm 1921, quan Thống-sứ Monguillot biết dàn Bắc-kỳ ham sự tiến-hóa ; ngoài bên cải-lương hương-chính. Trong đất Việt-nam, những phong-tục nào đáng kính thì giữ lại, còn thi làm cho mới-mẻ thêm ra.

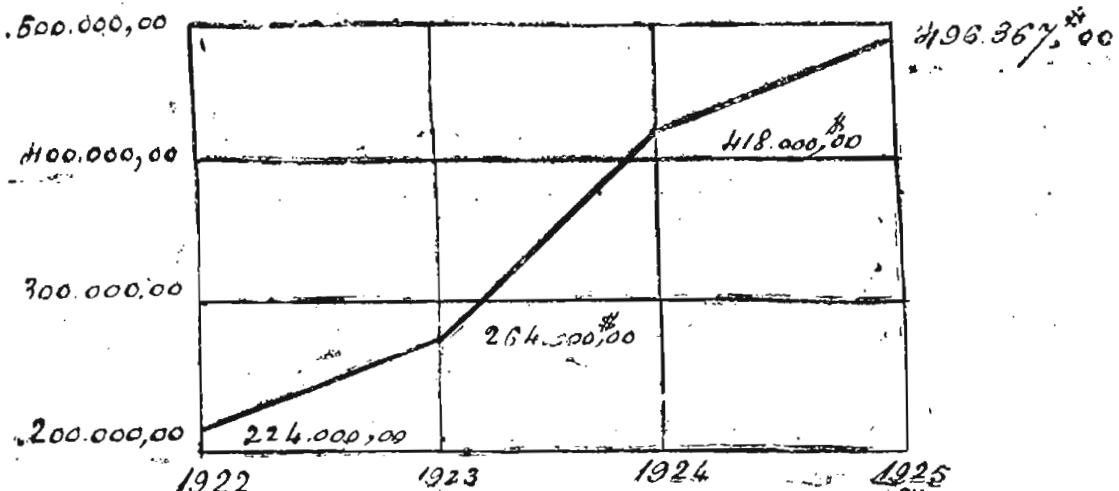
Trước hết lập ra hội-đồng, rồi lập ra sổ chi-thu hàng xã.

Có sổ-sách và sổ ràng-cưa để biên các sổ tiền thu tiền chi hàng ngày, cho nên việc thi hành sổ chi thu kiểm soát cũng dễ. Cuối năm kết toán, sổ tiền lưu-hạ còn được bao nhiêu sẽ đem vào sổ chi thu năm sau. Các thứ tiền thu tiền chi biên riêng từng khoản một, và thay đổi dự-khoản phải xin phép.

Việc dạy thư-ký, thủ-quỹ để giữ giấy má, sổ sách không phải là việc dễ. Trường Thư-ký ở tỉnh-ly đã dạy được nhiều người về làm việc thư-ký, thủ-quỹ, hộ-lại và chưởng-bạ.

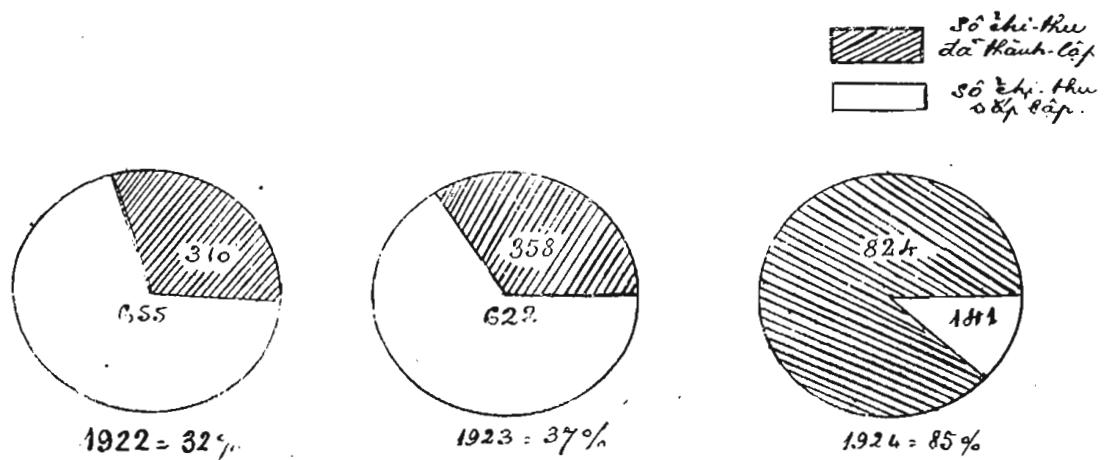
Xem bảng kê sau này sẽ biết số sổ chi thu và số tiền thu mỗi ngày một tiến bò.

SỐ TIỀN THU CỦA SỔ CHI-THU HÀNG XÃ TRONG NĂM 1922, 1923, 1924 VÀ 1925 MÔI NĂM TĂNG LÊN BAO NHIÊU



Năm 1924 kém năm 1925 là : 78.367 \$ 00

**SƠ SỐ CHI THU CÁC XÃ Ở TỈNH HÀ ĐÔNG TRONG NĂM 1922, 1923,
1924 MỖI NĂM TĂNG LÈN BAO NHIỀU**



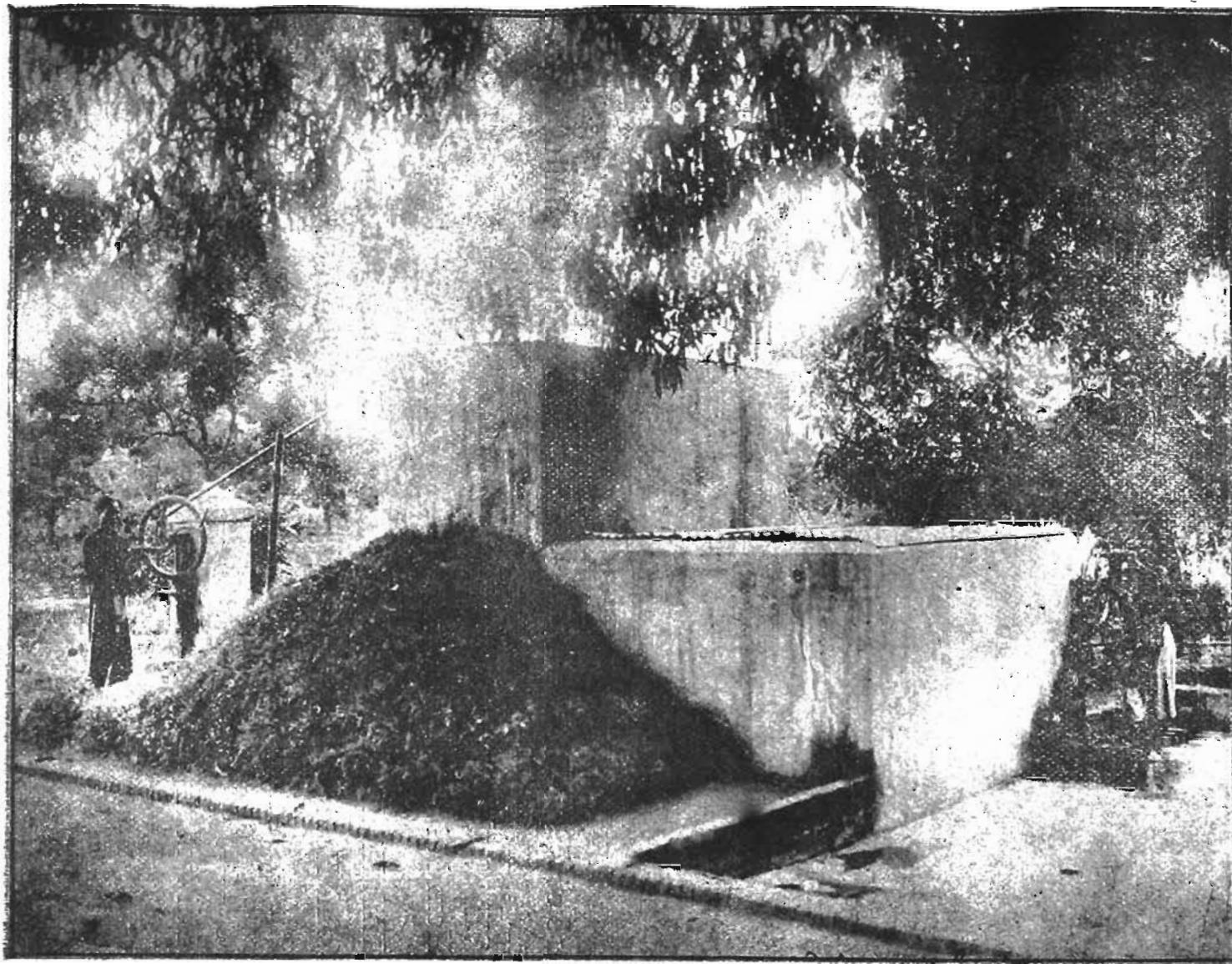
Từ năm 1923 đến năm 1924 tăng lên 48 phần trăm

Có người nói rằng : việc cải-lương còn sớm quá. Không cần phải cải lại, chỉ nên kể cho người ấy biết việc cải-lương trong tinh kết quả được như thế nào.

Về đường tinh-thần, cả đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, các chức dịch trong làng đã biết theo cách cai-trị àu-tay có trật-tự, rõ ràng và đúng phép. Về đường vật chất lại nhiều sự hay.

Tháng 7 năm 1925, không kể những sự chi-tiêu thường như tiền cấp lương tuần tráng, tiền kỵ lỵ đi việc quan, tiền chi việc tế-tư, v. v..., lại còn chi-tiêu về còng ích như sau này:

a) Lập 46 nhà trường Pháp-Việt sổ chi-thu hàng, xâ chi hết.	61.410 \$ 00
b) Lập 4 nhà trường công-nghệ hết	8.474 00
c) Tu-bổ 7 nhà trường yếu-lược hết.	2.097 00
d) Lập ba nhà hộ-sinh hết	8.769 00
e) Kiến chúc mới và tu-bổ các công sở trong làng hết.	100.072 00
f) Lập và sửa sang 5 cái ấu-trì-viên hết.	8.887 00
g) Mua 40 hộp phát thuốc hết	1.600 00
h) Sửa sang đường xá, giếng, cầu-cống và làm các việc công- ích khác hết.	<u>55.458 00</u>
Cộng.	246,767 \$ 00



RIỀNG LÀNG THANH LIỆT

Chi-tiêu về công-ích nhiều tiền như thế thực là việc hay. Quan nguyễn Công-sử Lachaud — ngài với quan Tổng-đốc Hoàng đại-nhân nhiệt-thành về việc cải-lương trong tỉnh lăm — một hôm có nói với các hương-hội như sau này :

« Sự tiến hóa về tương-lai này là nhờ việc cải-lương đó. Các thầy không thể cứ nhất nhặt ý lại vào nhà-nước cả. Có thể lấy tiền công-quỹ ra mà lát đường, làm nhà-trường, nhà phát-thuốc và các công-sở khác. Sau này, tôi tưởng còn có thể lập ra một hội nông-nghiệp.ngàn-hàng nứa ». Ngài nói như thế không có gì là quá đáng, xem các số tiền chi tiêu ở trên đủ biết.

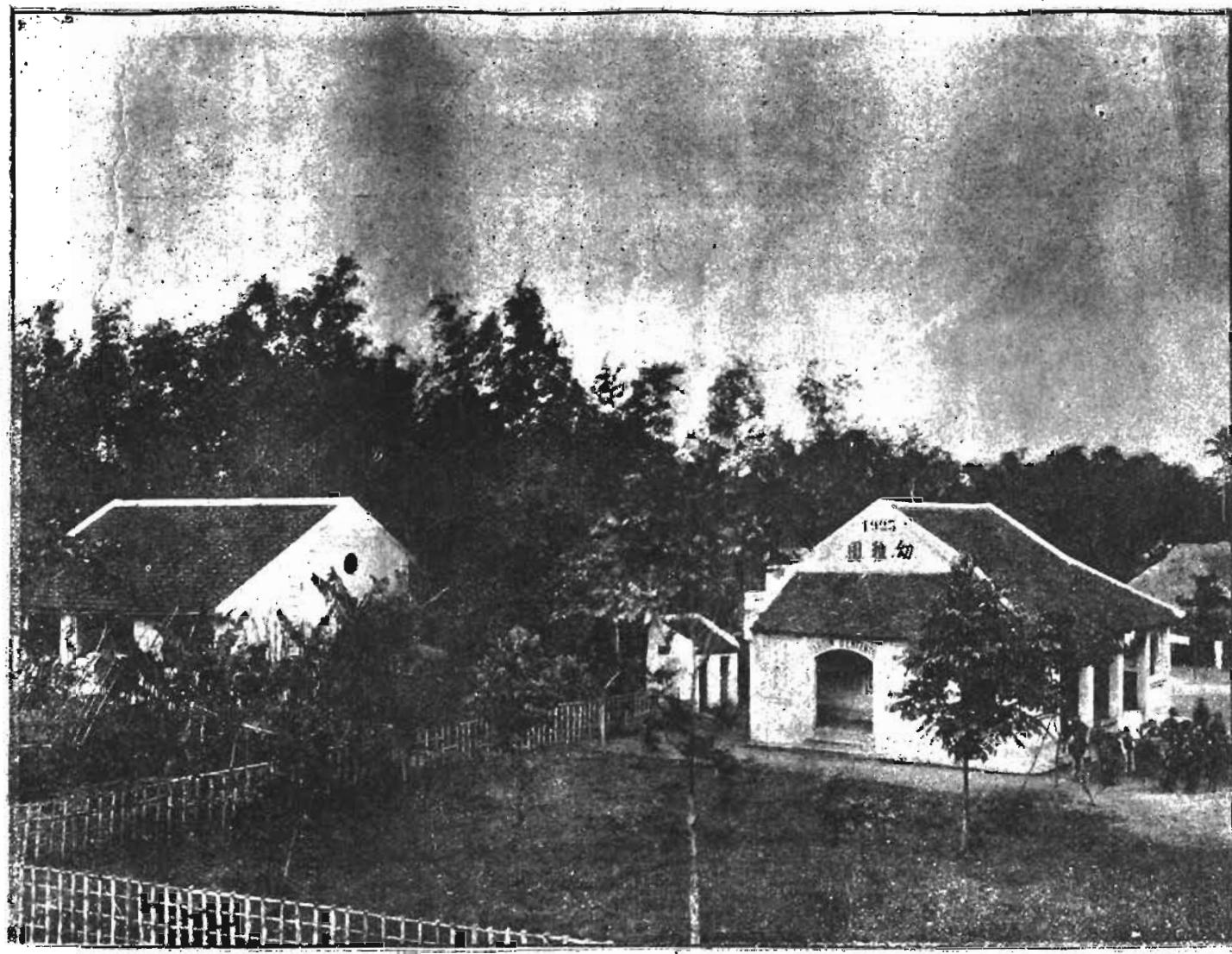
Các việc công-ích hiện đương làm bày giờ đều lấy vào tiền công-quỹ cả.

a) *Ấu-trĩ-viên*. — Các miền nhiều công nghệ, ở bên Pháp và bên Âu-tây có lập ra ấu-trĩ-viên làm chỗ trẻ con chơi, để bố mẹ con trẻ có thể đi làm trong các xưởng máy và dưới mỏ được.

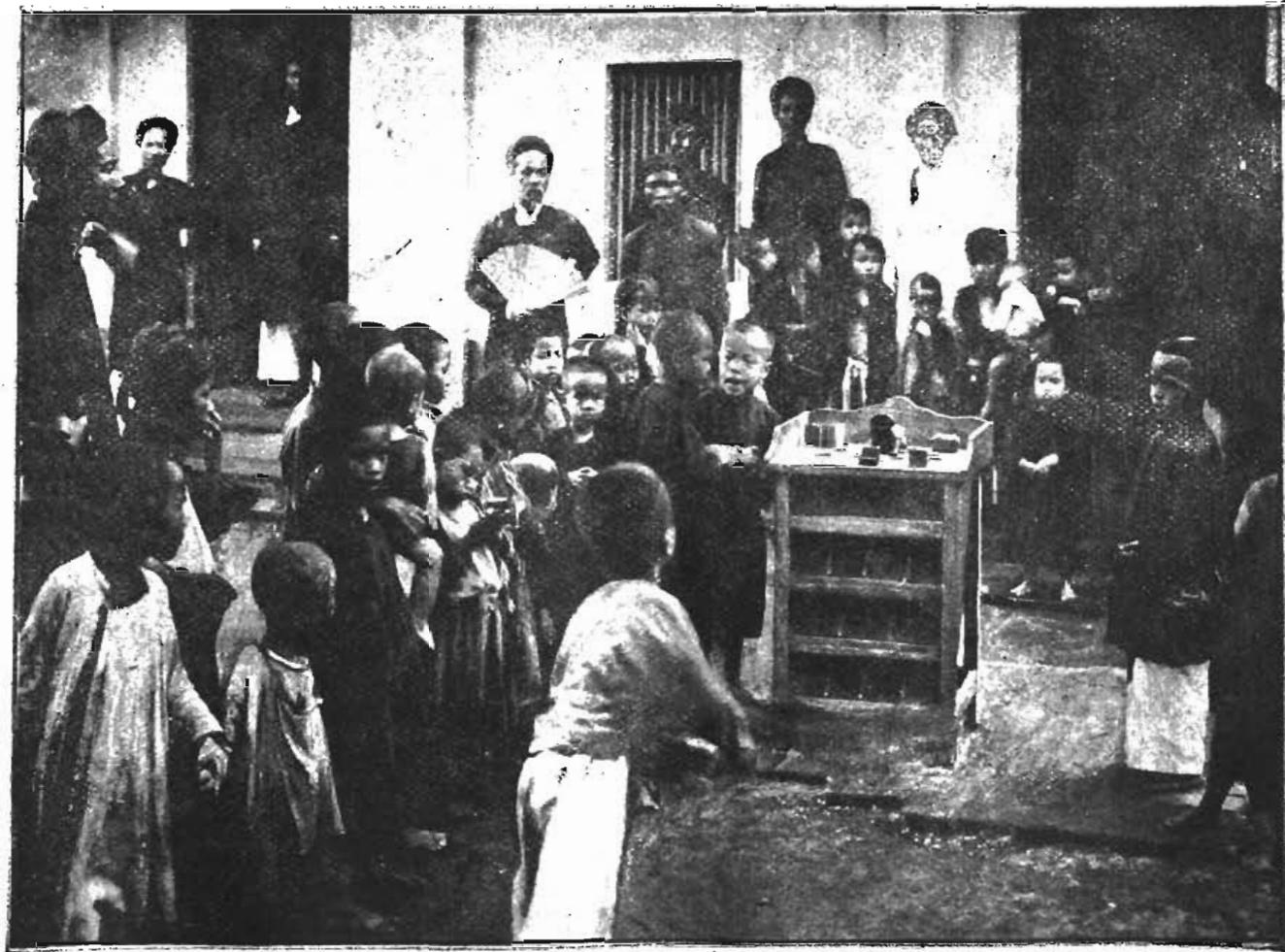
Tỉnh Hà-dông cũng có lập ra ấu-trĩ-viên.

Xem hai cái ảnh sau này đủ biết các ấu-trĩ-viên là có ích.

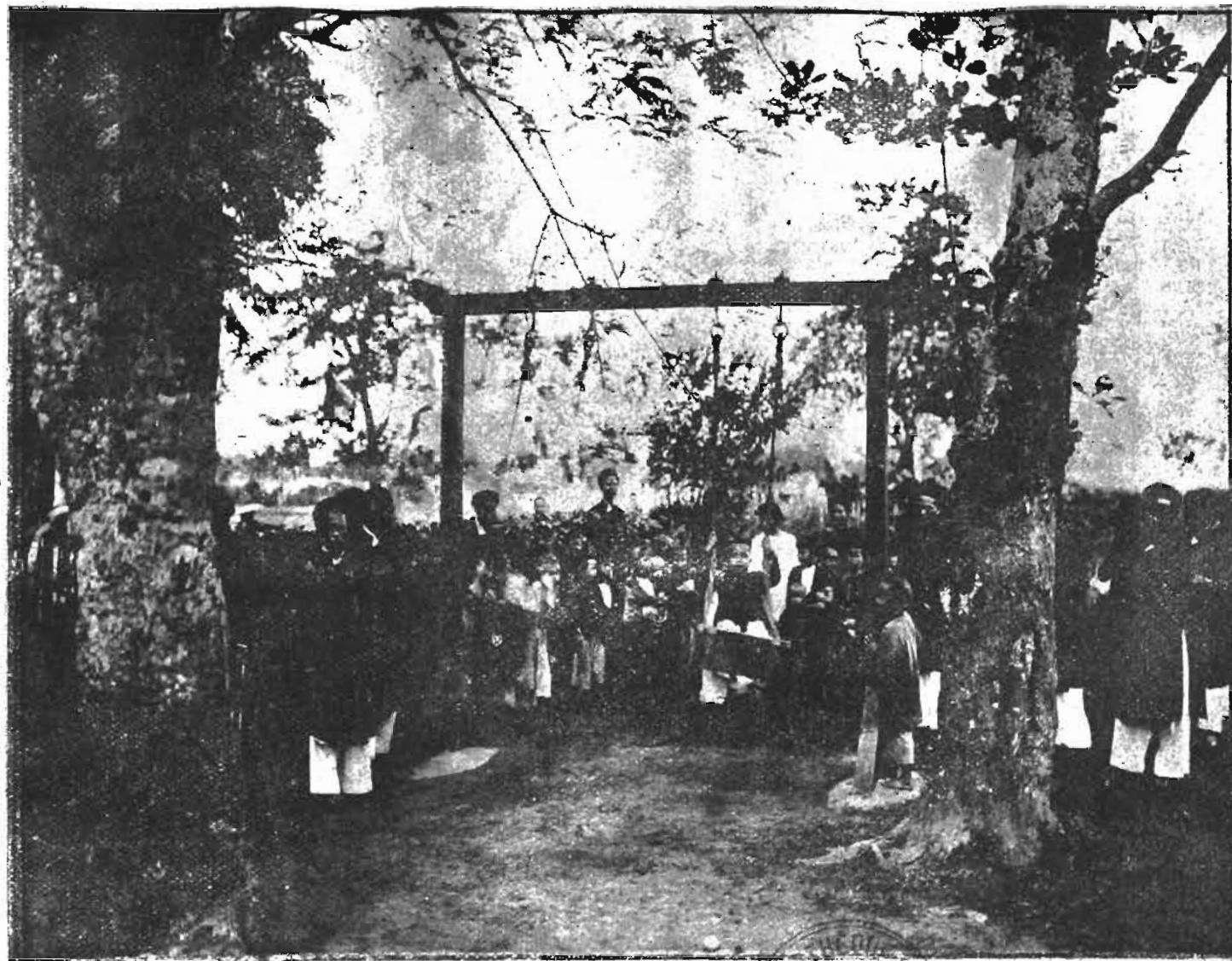
Tỉnh Hà-dông có 5 cái ấu-trĩ-viên : ở Thượng-cát, Đại-mỗ, Xuần-tảo (phủ Hoài-đức), Phượng-trung (huyện Thanh-oai) và Thanh-liệt (huyện Thanh-tri). Nay mai sắp lập thêm một cái ấu-trĩ-viên ở làng Thụy-khuê gần Hanoi để trông nom con trẻ cho những người đi làm thợ ở vùng ấy.



ẤU-TRÌ-VIỆN, LÀNG PHƯƠNG-TRUNG



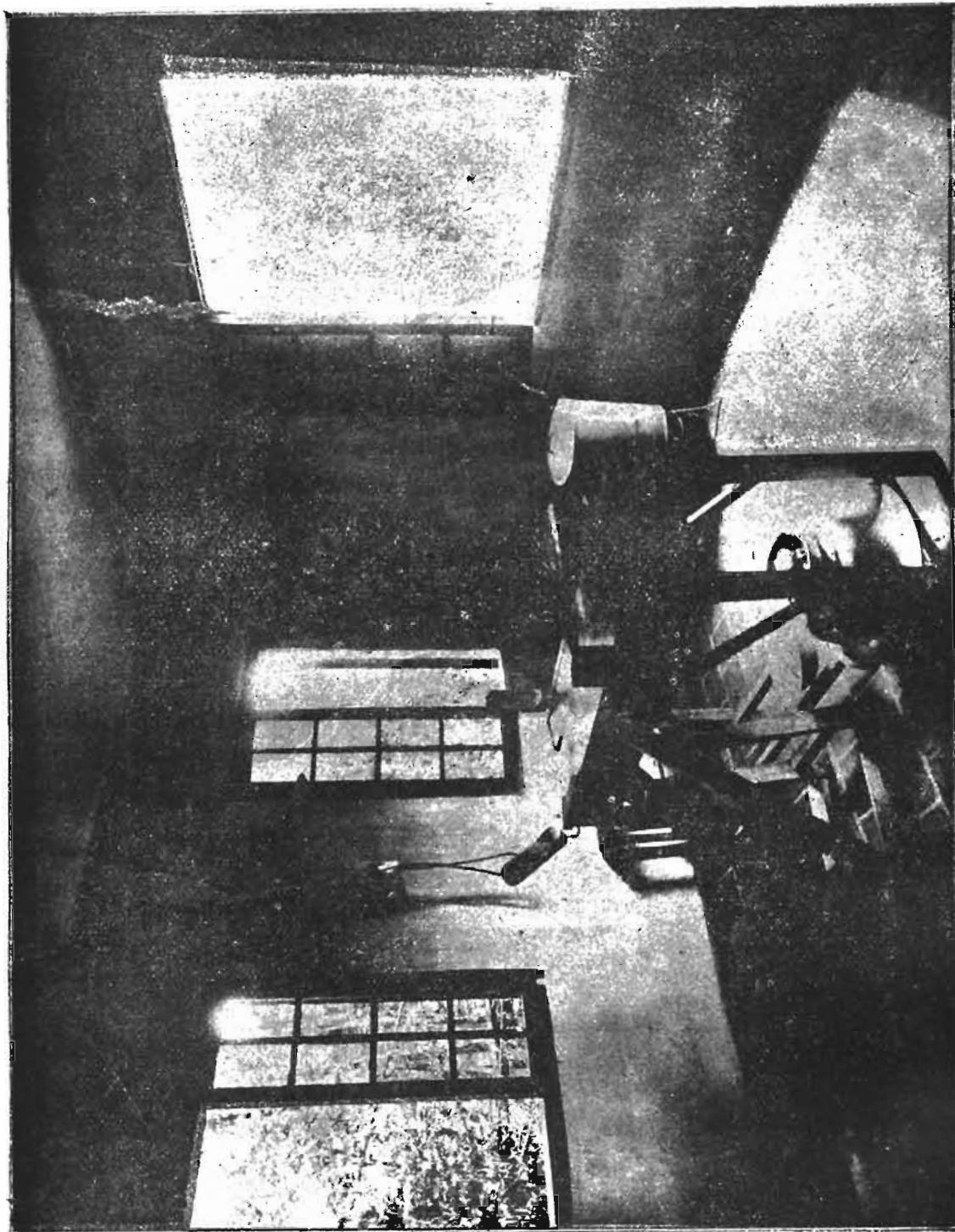
ẤU-TRÈ-VIỆN, LÀNG XUÂN TẢO: CHƠI CỐC NHảy



CHƠI VƯỜN ẤU-TRÌ-VIỆN LÀNG XUÂN-TẨO

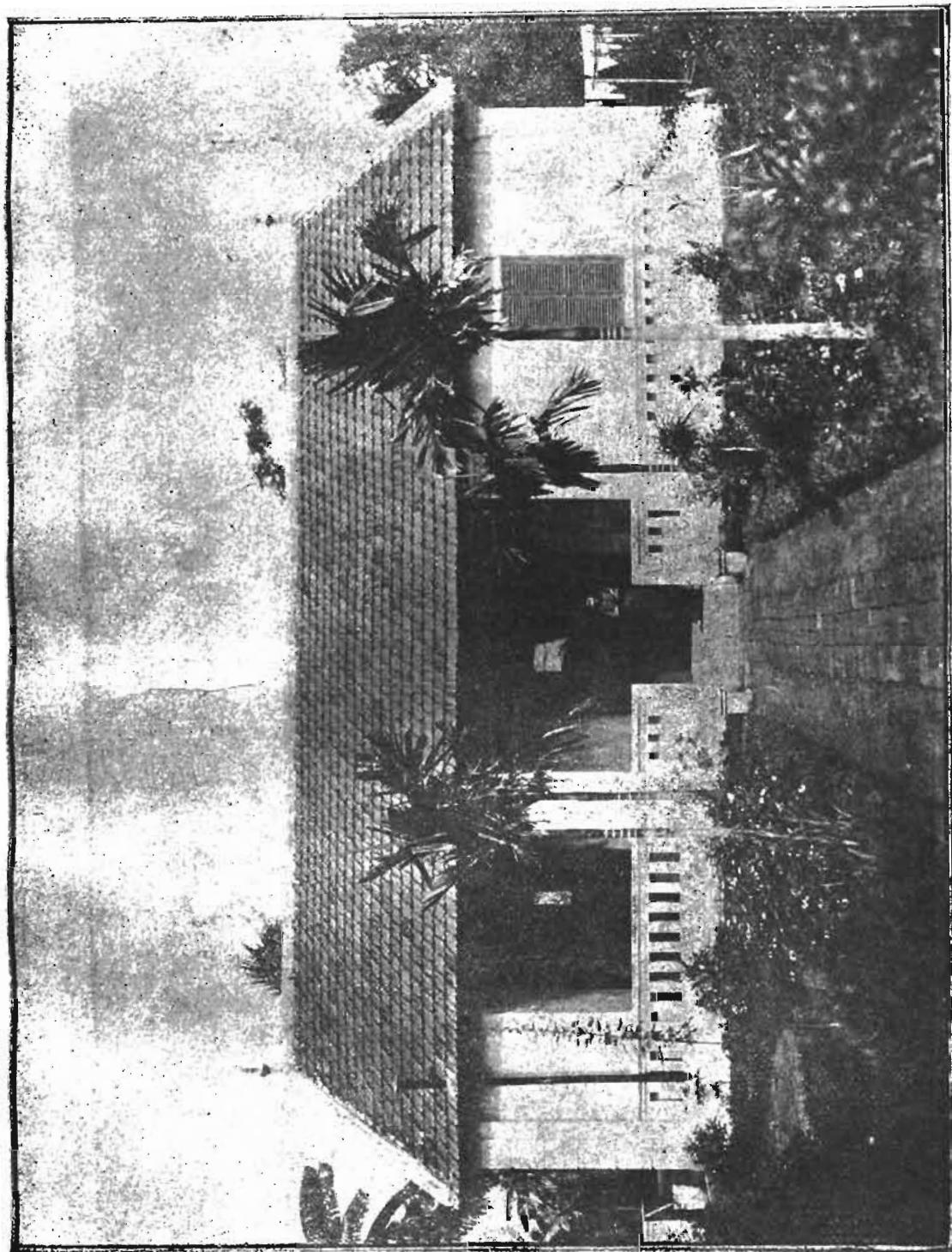


b) *Nhà hộ sinh và sở phát thuốc.* — Sở Y-tế đâu hết sức làm việc cũng không thể về khắp các dàn làng xa đờ đở, chưa măt toét



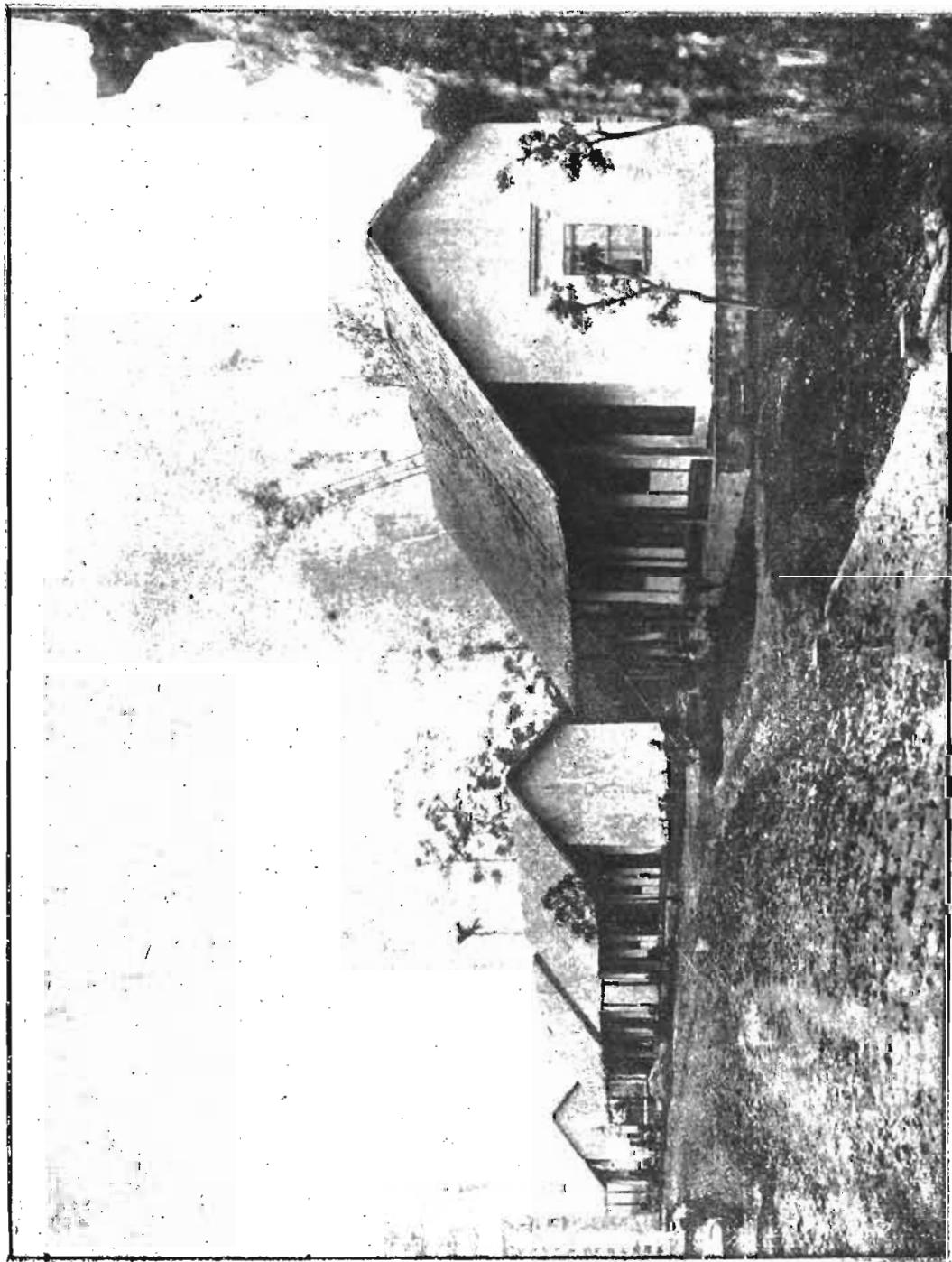
NHÀ HỘ-SINH LÀNG PHƯƠNG-TRUNG

cho trẻ-con, hoặc chừa thuốc cho người già ốm không chịu ra nhà thường ở tĩnh-lý.



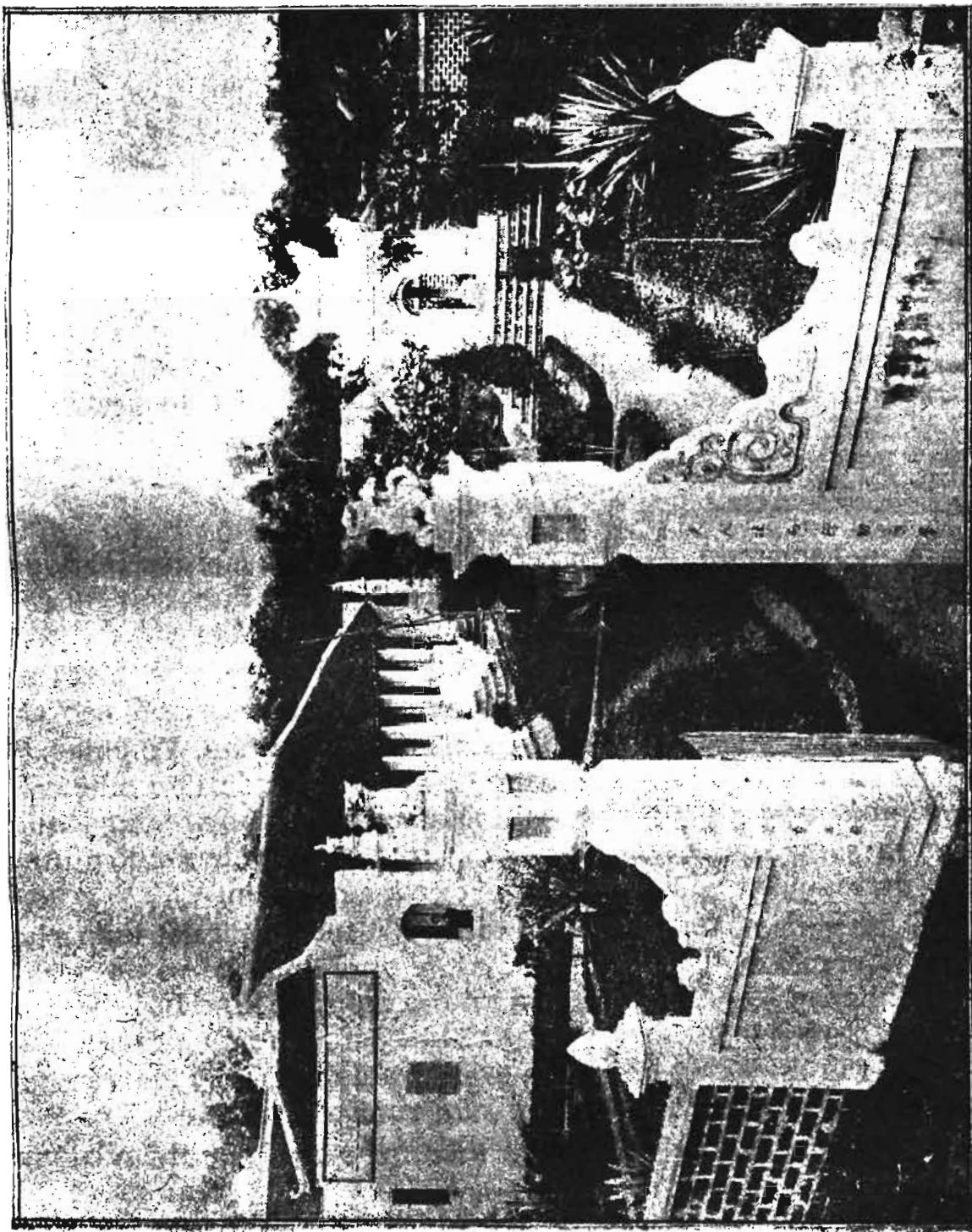
NHÀ HÔ-SINH Ở ĐIANG TÂY-TƯ

Có ba xã đã làm được ba cái nhà hộ-sinh để cho các người sản-phụ bớt những sự nguy-hiểm trong lúc đẻ. Còn nhiều xã nữa cũng có thể làm được.



LÀNG TÂY-TÂU (Huyện: NHẤT GIANG) : NHÀ HỘ-SINH

Ở các thôn xá nhỏ có nhà hộ-sinh, những sở phát thuốc và những Ấu-trì-viên cho nên những người già om có nơi chừa



TRƯỜNG HỌC Ở PHƯƠNG-TRUNG

thuốc, những trẻ con đau mắt có người chữa mắt, và những người sản-phụ không bị các bà mụ đỡ đẻ nguy-hiểm như trước nữa.

Lại cũng vì có cải-lương mà ở làng Tày-tựu (Hoài-đức) đã làm được một giây nhà lối mới, thay những nhà gianh cũ. Những nhà mới ấy tường vách trát vôi, móng xàyl bằng gạch. Trước nhà lại có vườn cây nho nhỏ, trồng ra sạch sẽ, vui vẻ lắm thay.

CHƯƠNG IV

Tình hình về đường kinh-tế

I. NÔNG-NGHỆ — II. THƯƠNG-MẠI VÀ CÔNG-NGHỆ — III. CÔNG-NGHỆ RIÊNG TỪNG NHÀ VÀ KỸ-NGHỆ — IV. DANH SÁCH CÁC LÀNG CÓ LÀM CÔNG-NGHỆ — V. DANH-SÁCH CÁC CHỢ TRONG TỈNH HÀ-ĐÔNG

I. Nông nghiệp

A. — *Tổng-luận.* — Làm ruộng là nghề chính của dân Hà-đông. Chỉ trừ những đồi núi đá ở Chương-mỹ và Mỹ-đức, còn thi chô nào cũng cày cấy.

Muốn hiểu những sự giống giọt, sẽ nói ở sau, phải biết tính chất của đất và nhất là phải biết mặt đất dốc như thế nào.

Tỉnh Hà-đông chia ra hai phần đất khác nhau. Về phía bắc, toàn là những đất phù-xa có đá lâu. Mặt đất dốc lắm, cho nên nước mưa, nếu không ngăn lại, sẽ chảy ngay xuống sông Nhuệ-giang và sông Tò-lịch ; hai con sông này, nguyên trước là những dòng nước chảy, sau mới đào rộng và sâu thêm.

Về phía nam, có nhiều đất sét và đất màu, mặt đất thấp, cho nên mỗi năm cứ đến mùa mưa, nước mưa đọng lại và nước các sông ngòi chan lênh, thành ra đồng nước mông mênh. Bởi thế cho nên dân ở phía bắc cấy lúa về mùa hạ có nước (ruộng mùa), còn về mùa đông thì giống hoa màu. Dân ở phía nam, cấy lúa về mùa đông (ruộng chiêm), vì về mùa mưa ruộng bị ngập.

Sau này sẽ nói đến những cách làm cho có nhiều thêm ruộng cấy lúa.

B. Lúa và hoa màu

1° *Lúa*. — Làm ruộng ở tỉnh Hà-đông không đủ ăn. Đồ tại người nhà quê làm ruộng lười biếng trễ-nải thi không phải. Cách người nhà quê làm ruộng thực có lăm sự đáng chê, nhưng sở dĩ mất mùa, là trong mấy tháng đầu năm không mưa, đất nè, có ít nước nào thấm xuống đất hết, còn từ tháng năm đến tháng mười mưa to quá ruộng lại đầy nước, không thể cấy được.

2° *Hoa-màu*. — Tỉnh Hà-đông có nhiều thóc lúa cũng như các tỉnh trung-châu Bắc-kỳ, còn các hoa màu, nếu tưởng không có mấy thi thực là nhầm. Những hoa màu là :

A) *Ngô*. — Ngô chóng được ăn lăm. Người ta giống ngô ở ruộng cao không có nước, bắt đầu từ tháng giêng đến tháng năm được ăn. Giá ngô gần bằng giá thóc. Năm 1924, giống ngô hơn 9.000 mẫu tây, được độ 1.400 cân tây hột ngô thực tốt.

B) *Khoai* — Khoai giống thực dễ và là một thứ đồ ăn thường cho người nghèo. Khoai bán cũng chạy. Năm 1924, giống 4 mẫu rưỡi tây khoai, được 1.300 cân tây khoai.

C) *Lạc*. — Lạc ít người giống. Người ta dùng lạc để làm dầu-lạc.

D) *Thầu-dầu*. — Trong khi chiến-tranh có cần đến thầu-dầu để dùng vào máy bay, cho nên Chính-phủ Bảo-hộ có khuyến khích dân giống thầu-dầu. Böyle giờ mỗi năm giống độ 18 mẫu tây thầu-dầu. Năm 1924, giống 18 mẫu tây thầu-dầu được 5.000 cân tây hột thầu-dầu.

E) *Giầu-không*. — Giầu-không giống ở những nơi khô ráo, quanh năm lúc nào cũng dùng đến.

F) *Cau*. — Giống cau có lợi lăm. Trong tỉnh ít giống cau, vì chỉ một vài chỗ giống được mà thôi, nhiều nước cũng hỏng, ít nước cũng hỏng. Những cây cau mới giống được bảy năm thi phải trông nom cẩn thận lắm.

G) *Mía*. — Mía giống ở tỉnh Hà-đông là giống mía có sức mạnh, và đốt mía mau; 100 phần mía được 18 phần đường. Năm 1924, giống 272 mẫu tây mía được 6.318 cân tây mía.

H) Dâu. — Giống dâu ở Hà-đông là giống dâu nhỏ và thường giống ở những chỗ đất phù-sa mới bồi. Sau này sẽ nói đến tường tận.

I) Đậu. — Đậu đỗ bán chạy lắm. Có độ 4.600 mẫu tây giống đậu.

C. — Tình-hình nghè làm ruộng ở tỉnh Hà-đông sau này :

Trong năm năm mới đây, số trung-bình mỗi năm được 95.120 tấn 728 càn tây gạo. Ở chương I đã nói dân số trong tỉnh ít ra cũng được một triệu người. Nếu mỗi người mỗi ngày ăn hết 0^k500 gạo, mỗi năm sẽ cần đến 182.500 tấn mới đủ ăn, vậy mỗi năm còn thiếu hơn 80.000 tấn gạo.

Xem the cũng đáng lo, nhưng tường sau này nhờ có cách dẫn-thúy và phỏng-thúy thì không đến nỗi thiếu nữa.

Năm 1906, quan chánh kỹ-sư Desbosc đã làm một cái chương-trình tháo nước những chỗ thấp và lấy nước vào những chỗ cao. Chương-trình ấy đã bắt đầu thi-hành (như là việc khơi sông Mang-giang); nhưng đến năm 1913 có lẽ vì thiếu tiền cho nên lại thôi. Năm 1921, quan kỹ-sư Auphelle cũng làm một cái chương-trình tháo nước và lấy nước. Chương-trình này vì nhiều duyên cố nhưng chính nhất là vì chưa có tiền nên chưa thi-hành.

Vấn-dề tháo nước và lấy nước bây giờ đương bàn đến, có lẽ sắp thi-hành.

Mới đây, một hội-đồng cố-vấn về vấn-dề tháo nước và lấy nước, đã đề các chương-trình như sau này :

- 1) tháo nước những chỗ thấp.
- 2) bơm nước vào những chỗ cao.
- 3) nếu không thể tháo được thi bơm nước ra.

Làm như thế, tỉnh Hà-đông sẽ được ích lợi như sau này :

I. Tháo nước những chỗ thấp. — Cứ đến mùa nước lén, nước sông Nhị-hà chảy vào sông Đáy, thành ra mặt nước sông Đáy cao hơn mặt đồng, cho nên nước trong đồng không chảy ra được. Nhà nước đã định ngăn sông Nhị-hà với sông Đáy để nước sông Đáy bớt đi thì mới có thể tháo nước những đồng duyên-giang ra được.

Ngăn nước như thế thì sẽ làm một cái chắn-nước có cửa ở cửa sông Đáy làm cho nước sông Đáy lúc nào cũng ít như mùa dòng ; nước ở các cánh đồng Hà-đông sẽ có thể chảy ra được.

Nếu nước sông Nhị-hà lên to, cửa ấy sẽ tự mở ra để cho nước sông Nhị-hà chảy vào cũng như là không có chắn nước vậy. Khi ấy cánh đồng ở tả ngạn sông Đáy đã có đê giữ nước. Bao giờ nước sông Nhị-hà xuống lại đóng cửa sông Đáy lại; nước mưa trong đồng sẽ có thể chảy ra được.

Người ta đã tính khi nào ở Hanoi, nước sòng Nhị-hà chỉ độ 10 thước tây giờ lại, thi có thể đóng cửa sông Đáy. Trong 24 năm mới đây, mỗi năm chỉ độ 11 ngày và nhiều ra nữa là 15 ngày, nước sòng Nhị-hà cao hơn 10 thước tây mà thôi.

Vậy mỗi năm chỉ độ 15 ngày nước to, và mấy ngày để nước sông Đáy chảy đi, là nước trong đồng không chảy ra sông Đáy được. Còn thì bao giờ ở những cánh đồng trũng, nước mưa cũng có thể chảy ra để kịp làm ruộng tháng mười. Chỉ trong tỉnh Hà Đông cũng có thể cấy thêm 30.000 mẫu tây ruộng mùa (cách tháo nước này quan hệ đến tất cả các tỉnh ở duyên-giang), nếu cứ lấy số trung bình từ năm 1920 đến năm 1924, mỗi mẫu tây được 1^T500 thóc, sẽ được thành 45.000^T. Nếu tính mỗi kilo thóc được 750 grammes gạo sẽ được thành : $45.000 \times 0,750 = 33.750$ ^T gạo.

2. — Bơm nước vào những chỗ cao (ruộng chiếm)

Bờm nước sông Nhị-hà vào chỗ chứa nước ở Bá-dương (Đan-phượng) và Xâm-thi (Thanh-tri) rồi có ngòi dẫn đi các nơi.

52.300 mẫu tây sê có đủ nước làm được ruộng chiêm và ruộng mùa chia ra như sau này:

Ruộng mùa không cấy được chiêm . . .	38.600	mẫu tẩy.
Ruộng chiêm mà mùa màng thất thường.	4.300	—
Ruộng chiêm mà mùa nào cũng được ăn.	9.400	—
 Công.		
	52.300	mẫu tẩy.

Như thế mỗi năm được thêm 80.860 tấn thóc và $80.860 \times 0,75 = 60.607^T 500$ gạo.

Ruộng mùa trước không cấy được chiêm mà bảy giờ cấy thêm được chiêm, hoa lợi được thêm là :

$$38.600 \times 1.500 = 57.900^T \text{ thóc}$$

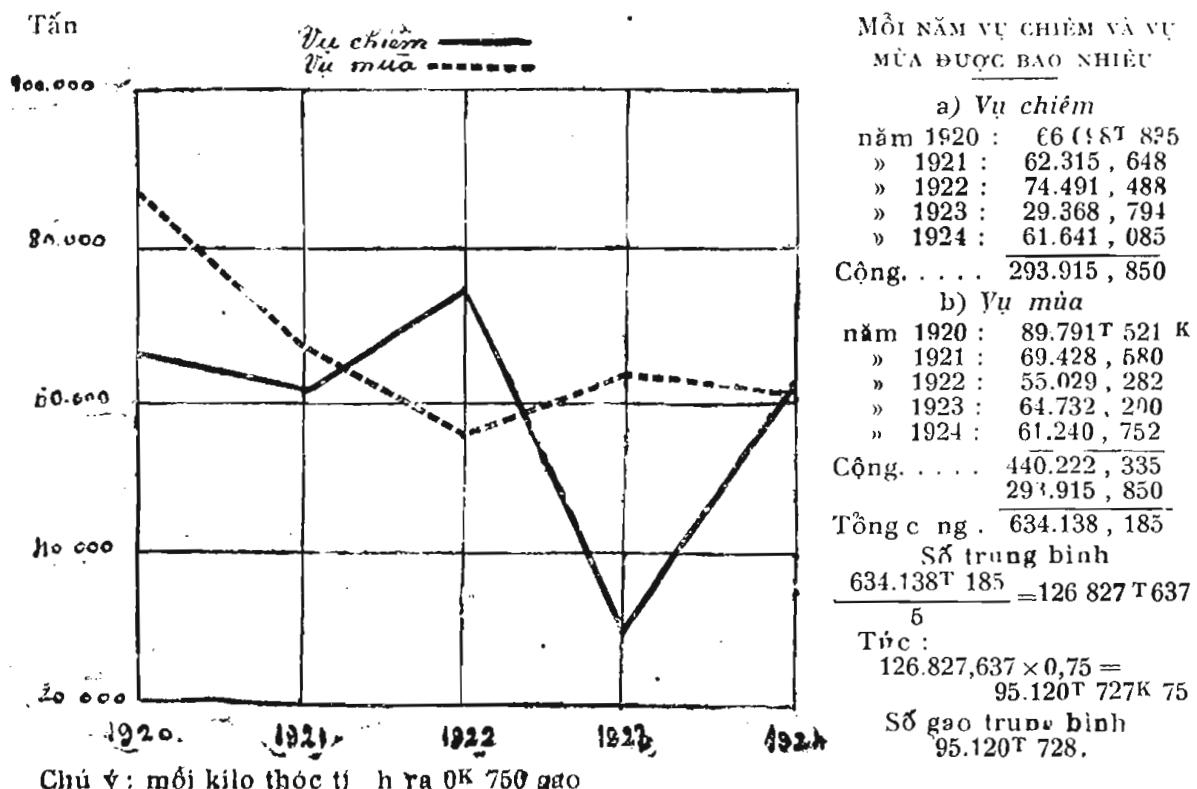
Ruộng chiêm mà trước thất thường, bảy giờ hoa-lợi được thêm một phần ba :

$$\frac{4.300 \times 1.500}{3} = 21.500^T \text{ thóc..}$$

Ruộng chiêm mà trước năm nào cũng được ăn, bảy giờ hoa-lợi được thêm một phần mươi :

$$\frac{9.400 \times 1.500}{10} = 1.410^T \text{ thóc.}$$

BẢNG SO SÁNH VỤ CHIÊM VÀ VỤ MÙA TỪ NĂM 1920 ĐẾN NĂM 1924



Chú ý: mỗi kilo thóc tách ra 0K 750 gạo

3. — *Bơm nước những chỗ thấp.*

Nếu những chỗ thấp không thể tháo nước được sẽ dùng đến cách bơm nước.

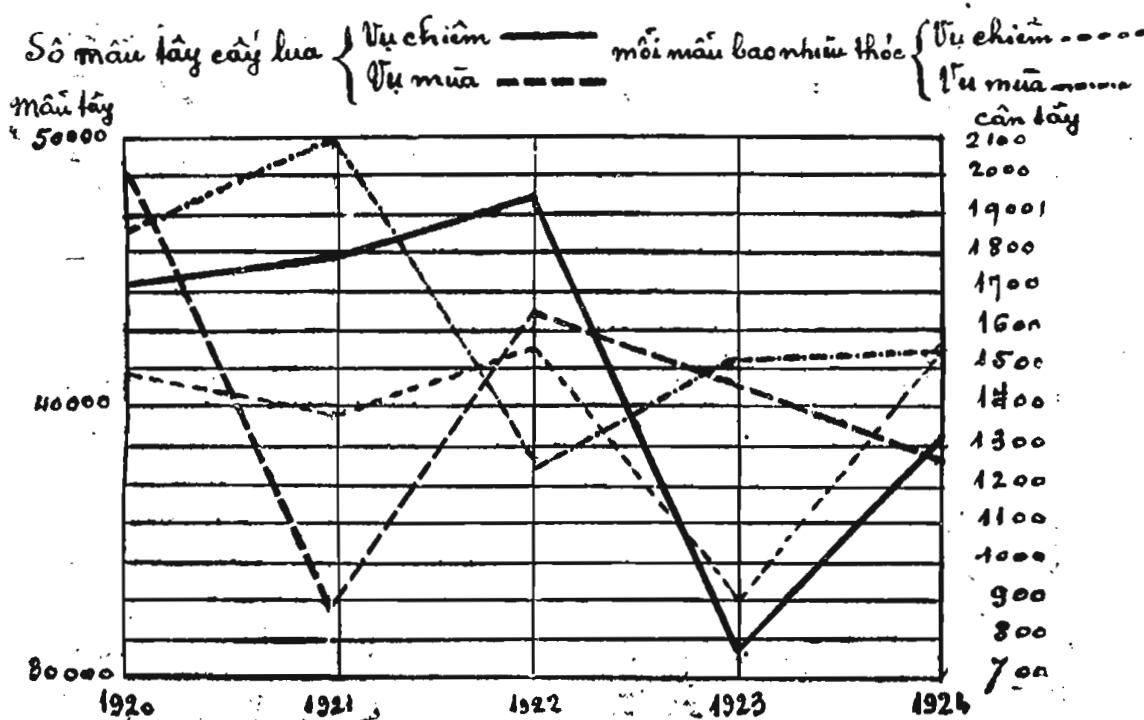
Sẽ làm một cái nhà máy bơm; cứ mỗi giây đồng hồ bơm được 63 m^3 nước vào sông Mang-giang rồi chảy ra sông Đáy. Cách tháo nước và cách bơm nước những chỗ thấp công-hiệu cũng như nhau.

Nói tóm lại, tháo nước và lấy nước vào như thế, tỉnh Hà-dong mỗi năm sẽ được thêm :

$$33.750 \times 60.607,50 = 94.357^{\text{T}} 500 \text{ gạo.}$$

Vậy sẽ đủ thóc gạo cho dân sự ăn.

TỪ NĂM 1920 ĐẾN NĂM 1924 CÓ BAO NHIỀU MẪU TÀY CẤY LÚA VÀ
MOI MẪU ĐƯỢC BAO NHIỀU THÓC



D. — *Nghề nuôi tằm.* — Ở tỉnh Hà-dong có nhiều người nuôi tằm, nhưng nghề này có thể mở mang ra hơn nữa. Có làng nuôi tằm và 720 mẫu tây giống dâu.

Dâu giống nhỏ và giống ở những chỗ đất phù sa.

Mỗi năm ướm được 60 tấn tơ, 50 tấn tơ vàng và 10 tấn tơ trắng.

Thường hay mua bán tơ về tháng năm tháng sáu và tháng bảy tày.

Đại-khai các giá tơ như sau này:

Hàng tơ. — Giá mỗi càn tay tơ giá trung bình:

	1923	1924	1925
Tơ vàng.	16 \$ 90	19 \$ 50	12 \$ 22
Tơ trắng.	17 , 22	20 , 02	12 , 74

Cứ như các giá ấy thì năm 1924 tỉnh Hà-đông bán được:

Tơ vàng.	19 \$ 50	\times 50.000 =	975.000 \$ 00
Tơ trắng.	20 , 02	\times 10.000 =	200.200 , 00

Cộng. 1.175.200 \$ 00

Như thế mỗi mẫu tay dâu được:

$$\frac{1.175.200}{720} = 1.632 \$ 22$$

Lời dẫn. — Ở cuối quyển sách này có bảng kè những làng nuôi tằm riêng từng hạt một.

Sau mục nuôi tằm có chua số mẫu giống dâu.

E. — Đồn-diền

Ở bên kia sông Đáy về giáp giới Hòa-linh, có 5 cái đồn-diền:

1º) *Đồn-diền Đồng-sông.* — Đồn diền này ông Collinet de la Salle xin được năm 1916, đến năm 1919, ông mất thi đem bán.

Trong đồn-diền có giống những thức sau này :

Cà-phê	65	mẫu tay
Lúa	30	—
Có chăn trâu bò ở các đồi :	405	—
Cộng.	500	mẫu tay

Năm 1924, mỗi mẫu tay cà-phê được 6 lái cà-phê và mỗi mẫu tay lúa được 10 tấn thóc.

Lúc nào cũng có ba người cai, bốn người trông coi đồn-diền, bốn người chăn trâu bò, toàn là người annam cả. Còn các người

làm (đàn ông và đàn bà) đều tùy theo công việc nhiều ít mà thuê thêm, nhưng số trung bình, mỗi năm cứ sáu tháng là cần đến 200 người làm.

2º) *Đồn-diền Hoàng-cao-Khai và Hoàng-gia-Luận.* — Đồn-diền này xin được ngày 14 tháng năm năm 1917, bấy giờ gọi là đồn-diền Hoàng-gia-Luận, đã khai khẩn xong rồi. Năm 1918 và năm 1919 có 120 000 cây cà-phê ; số trung bình mỗi năm được 40 tấn cà-phê thực tốt. Có 80 mẫu tay giống lúa và giống săn, mỗi năm được 2.000 \$. Có nuôi 850 con bò và 50 con trâu, chăn nuôi cẩn-thận nên chưa mắc dịch trâu bò bao giờ. Ngày thường có 100 người làm, đến ngày lấy cà-phê phải cần đến 400 người.

Ông Hoàng-gia-Luận sáng lập ra đồn-diền này là lệnh-lang quan Hoàng-tướng-công nguyên Kinh-lược và phụ-chính. Ông đã làm một việc rất có ích-lợi ở Xuân-mai.

Không những ông đã khai-khẩn những chõ hoang-diền thành ra một cái đồn-diền lớn, ông lại làm cho người bản-xứ thích giống cà-phê để làm một cái mồi lợi to cho thuộc-địa nũa.

3) *Đồn-diền của ông cố Gendreau.* — Đồn-diền này nguyên là đồn-diền của ông Sauer, diện-tích 85 mẫu tay. Có 30 mẫu tay cấy lúa, 55 mẫu tay giống săn và lúa lốc.

Ruộng chỉ cấy được một mùa và hoa lợi cũng kém. Đã có thử giống cao-su và cà-phê, nhưng vì đất xấu không giống được lại thôi. (Chỉ có 50 phần tay đất thịt, còn ở dưới toàn là đá như đá tinh Biên-hòa).

Ông chủ đồn-diền này không những muốn khai khẩn những chõ hoang-diền, lại muốn đến giúp đỡ dân sự ở hạt Mỹ-đức nũa.

4º và 5º) *Đồn-diền Wald và đồn-diền Mouton.* — Hai đồn-diền này ở về phía nam đồn-diền Gendreau. Ông Wald và Mouton lấy cớ rằng chưa có đường giao thông đến hai đồn diền ấy, cho nên các ông chưa khai-khẩn ; sau này, khi nào làm xong con đường hàng tinh số 21 (con đường này đã nói ở mục: Công-chính), và các đường ngang, chắc các ông không thể viện cớ ấy ra được nữa.

F. — *Cách nuôi súc vật và chợ bán súc vật.* — Tỉnh Hà-đông có hai cái chợ trâu-bò đồng lăm, một cái ở tỉnh-ly, một cái ở Thường-tín.

Chợ ở tỉnh-ly có nhiều giống trâu bò lăm, nào là giống ở Thanh-hóa qua Nam-định ra, giống ở Lạng-sơn qua phủ Tứ-sơn xuống, giống ở Hòa-bình, Sơn-la, Yên-bay, giống ở Tuyèn-quang qua Sơn-tây xuống và giống ở Phúc-yên, Bắc-ninh.

Lợn và gà, vịt buôn bán cũng rút nhiều. Cứ đến phiên chợ Hà-đông có 700, 800 con lợn, và 2, 3 nghìn con gà.

Tỉnh Hà-đông không đủ trâu bò làm ruộng và vẫn phải mua ở các tỉnh về.

Chỉ có mạn Mỹ-đức giáp giới Hòa-bình, nuôi nhiều súc-vật. Ở vùng gần lò sát-sinh Hanoi có nuôi những trâu bò già và gầy không thể cày bừa được, cho béo ra để ăn thịt. Mỗi năm bán đến hơn 2.000 con bò. Dân huyện Hoàn-long gần Hanoi nuôi lợn nhiều. Dân phủ Mỹ-đức cũng nuôi lợn nhiều đem ra chợ Vân-định bán.

Giá trâu bò mỗi ngày một cao, mỗi con bò béo để ăn thịt đáng giá năm sáu mươi đồng bạc. Mỗi con trâu cày bừa khỏe đáng giá sáu bảy mươi đồng. Lợn còn sống giá mỗi con tám lít là 0\$28. Trong 5, 6 năm nay, giá gà vịt đắt gấp hai lần.

Vì bây giờ vận tải ra Hanoi bán cũng dễ, và nhiều người có thể mua được hơn trước, thành ra không đủ cho trong tỉnh tiêu thụ nữa, mà giá súc vật mới tăng lên.

Ở huyện Hoàn-long có 21 người nuôi 342 con bò sữa. Nhờ có 21 người ấy và 25 người nữa ở Hanoi, cho nên thành-phố Hanoi mới có sữa tươi ăn. Mỗi năm lấy được 60.000 lít sữa.

Nghề nuôi bò lấy sữa nên khoáng chutherford ra vì ở Bắc-kỳ dùng sữa nhiều lăm. Năm 1924 ở Bắc-kỳ nhập cảng 7.022 tạ sữa, mà 3 phần 5 là sữa của ngoại quốc.

II. — *Thương-mại. — Công-nghệ*

Tỉnh Hà-đông gần bến tàu và ga Hanoi, cho nên có nhiều công-nghệ.

Chung quanh thành phố có những xưởng máy sau này :

A.) — Nhà làm rượu bia Hommel ở Ngọc-hà (Hoàn-long).

Tư bản hiện có 2.000.000 quan tiền tây, và rượu bia làm ra khắp Đồng-dương đâu cũng dùng. Có ông Hommel quản-lý, ba người chuyên-môn và 100 người thợ vừa đàn ông vừa đàn bà.

Những chất làm rượu bia mua ở bên Âu-tây sang.

Nước dùng trong nhà rượu lấy ở dưới đất và có lọc trước.

Rượu có khí lạnh mới bốc hơi men lên, cho nên phải đào hầm ở trong một cái đồi con để iấy khí lạnh : trong hầm ấy lúc nào han-thứ-biều cũng chỉ hai độ mà thôi.

Mỗi ngày phải rửa 10.000 cái chai, đóng rượu vào, thút-nút chai, dán giấy hiệu rồi bọc chai lại, công việc làm rất cẩn thận.

Người annam mỗi ngày một thích rượu bia ; sau này tiêu thụ nhiều, sẽ làm nhiều rượu thêm ra.

Mỗi năm có thể làm được 2.000.000 lít rượu. Vậy dầu tiêu thụ nhiều cũng đủ. Ở những xứ nhiệt-đới như xứ này, làm rượu bia rất khô.

Nhà làm rượu ở Ngọc-hà làm theo lối mới và rất hợp với thời tiết bản-xứ.

B.— Xe điện. — Nhà máy điện ở Thụy-khuê (Hoàn-long) của Công-ty Mua nhà đất ở Đồng-dương. Công-ty ấy tư-bản hiện có 2.500.000 quan tiền tây và hội sở ở thành Paris.

Điện ở đường xe-điện trong thành phố Hanoi và tỉnh Hà Đông đều do ở nhà máy-điện ấy. Vả phủ Toàn-quyền và nhà trường Trung-học Albert Sarraut cũng lấy điện ở đấy thấp đèn. Có ba cái khí-cơ chạy ba cái máy-điện.

Ông Kỹ-sư Duron làm quản-lý, một người chủ các công việc trong nhà máy, sáu người đốc-công, toàn là người Pháp.

Còn những người làm, như người làm điện, người cầm máy-xe, người phát-vé, v. v..., tổng số 250 người.

Các đường xe điện chia ra như sau này :

Đường vào Hà-đông.	10 km 360
Đường xuống Bạch-mai.	9 675
Đường đi Cầu-giấy.	3 606
Cộng.	23, km 641

Năm 1918 có 45 cái toa xe-điện thì 21 cái là toa-máy. Nhưng từ năm ấy đến giờ có lẽ thêm nhiều toa xe nữa. Có xưởng đóng xe và chữa khí-cụ trong nhà máy. Số người đi xe điện và số tiền thu năm 1924 như sau này :

Các đường	Số người đi	Số tiền thu
Đường xuống Bạch-mai .	2.448.973	76.268 \$ 29
Đường vào Hà - dòng . .	2.101.225	95.206 11
Đường đi Cầu-giấy . . .	819.167	24.953 13
Cộng. . .	5.369.369	196.427 \$ 53

C) Nhà thuộc da ở Thụy-khuê

Nhà thuộc da ở Thụy-khuê gần nhà máy điện và nhà làm ruy-bia. Có đủ khí cụ tinh xảo để thuộc các thứ da và làm da bán.

Ba phần tư các thứ da dùng ở Bắc-kỳ thường gọi là da-tây, da Mỹ hay là da Tầu, đều là da của nhà máy ấy làm cả.

Năm 1922, thuộc được 18.118 cái da, nhưng cứ như khí-cụ bây giờ, trong một năm có thể thuộc được 40.000 cái.

Năm 1923, có 3 người đàn ông àu-tây, một người đàn bà àu-tây và 83 người annam làm ở nhà ấy.

D. — Nhà máy giặt của ông Pierre

Nhà máy giặt làm ở Thụy-khuê để có thể lấy nước Hồ-tây được. Trong nhà máy tất cả thợ giặt, thợ là, thợ khâu, thợ chữa đệm và các cu-ly có độ 60 người.

Trong nhà máy có một nồi súp-de, một cái máy-điện và đủ các khí-cụ tinh xảo để giặt, phơi và để là.

Phần nhiều giặt cho các công-sở như sở quan binh, nhà thương và các nhà lưu học-sinh của Bảo-hộ.

E. — Nghề làm thuốc-nô ở Phúc-xá

Công-ty Pháp làm thuốc-nô ở Viễn-đông tư-bản hiện có 225.000 quan tiền tây. Có một cái nhà làm thuốc-nô ở bờ sông Nhị-há cách 5 km ở phía trên Hanoi.

Ở Viễn-đông, chỉ có công-ty này được đặc quyền của hội làm thuốc nổ toàn thế-giới cho làm.

Năm 1921, làm được 50 tấn thuốc nổ, nhưng mỗi năm có thể làm được 150 tấn. Thuốc nổ ở Phúc-xá vẫn dùng trong các mỏ ở Bắc-kỳ, và có bán cho Trung-kỳ, Nam-kỳ và nước Siam.

Có một ông quản-đốc, một ông coi việc làm thuốc nổ và 70 người thợ annam.

F. — Lò bát Thanh-trì (hội Hợp-lợi)

Lò bát Thanh-trì do người Annam sáng lập và cai quản có quan Tổng-đốc Hoàng đại-nhàn trông coi.

Ngài đã dẫn đường chỉ lối về đường công-nghệ cho người bản xứ cũng như lệnh đệ ngài là ông Hoàng-gia Luận đã dẫn đường chỉ lối về đường canh nông.

Có 6 cái lò bát ngày đêm lúc nào cũng có thợ làm. Thường làm những đồ dùng về việc điện và những bát đĩa annam.

Nghề làm bát đĩa rất có ích-lợi. Ngày trước mỗi năm người tàu bán cho người annam được nhiều bát, đĩa, chén, ấm, tách, đĩu và lọ, bây giờ lò-bát Thanh-trì mới tranh được một ít lợi với người tàu.

Cuộc thương chiến này thực là rộng... Ông quản-đốc lò bát là ông Nguyễn-bá-Chính, người còn trẻ tuổi và mẫn cán, trước đã có sang khảo cứu nghề làm đồ sứ ở thành Sèvres bên Pháp, mong rằng sau này ít ra ông cũng có thể làm cho xứ Bắc-kỳ khỏi phải dùng đến đồ sứ của tàu. Mỗi năm làm được 60.000\$ đồ và trong lò có 150 người thợ chuyên-môn.

G. — Các công nghệ ở Thịnh-hảo.

Ở Thịnh-hảo thuộc huyện Hoàn-long ở vào chỗ đi vào Thái-hà-ấp chẳng bao lâu sẽ có nhiều nhà công nghệ như ở Thụy khuê.

Hiện có 4 cái nhà công nghệ do ông J. Besnard trông coi.

a) Công-ty làm sơn. — Tư bản hiện có 2.000.000 quan tiền tây và hội-sở ở Thái-hà-ấp. Công-ty do ông Besnard sáng lập năm

1922, bảy giờ ông Picard làm quản-đốc. Có một cái nhà làm sơn ở La-phù và có giống cây sơn ở Mường-kết, Vanlai, Suối-dùt (Suyut). Có 300 người annam làm việc và 5 người âu-tay trông coi.

b) *Công-ty mua nhà đất.* — Sáng lập ngày 21 tháng 2 năm 1924. Tư-bản hiện có 38.000 \$. Hợp-sở ở Thái-hà-ấp.

Ông J. Besnard làm chánh hội đồng trị-sự, ông P. Girardot làm quản-lý. Công-ty có dùng 10 người annam làm việc, nhưng không có buôn bán gì trong tỉnh Hà-đông.

c) *Công-ty vò-danh làm bàn chải ở Đông-duong.* — Sáng lập ngày 10 tháng 3 năm 1924. Tư-bản hiện có 400.000 quan tiền tây. Ông Besnard làm chánh hội đồng trị-sự, ông Girardot làm quản-lý. Bàn-chải của công-ty làm ra như bàn chải răng, bàn chải áo, bàn chải tóc, khắp thuộc địa này, và chắc ở bên Pháp cũng vậy, ai cũng thích dùng.

d) *Công-ty vò-danh làm dầu-hồi.* — Sáng lập ngày tháng 4 octobre 1924. Tư-bản hiện có 100.000 quan tiền tây. Công-ty mua hồi ở bên Tầu và nhất là ở Quảng-tây để làm dầu-hồi.

Ông Besnard làm quản-lý, ông Girardot làm quản-đốc.

H. — Đường vận-tải.

Mới đây, việc vận-tải bằng ô-tô cho công chúng đi mở mang nhiều lâm.

Ngày nào cũng có 46 cái ô-tô, có 1.147 chỗ ngồi, chạy khắp trong tỉnh. Ô-tô thường chạy những đường sau này:

Đường Hanoi đi Hà-đông, Văn-định.

Đường Hanoi đi Văn-điền, Thường-tín, mãi đến phía nam tỉnh Hà-đông cho đến Phú-lý.

Đường Hanoi đi Chèm mãi đến phía bắc tỉnh Hà-đông cho đến Sơn-tây.

Một vài đường ngang cũng có ô-tô chạy.

Phần nhiều ô-tô bắt đầu chạy từ Hanoi, và là của những người trong thành-phố ấy. Chỉ có ông Lasvigne và năm người chủ ô-tô nữa ở tỉnh Hà-đông mà thôi.

Ông Lasvigne có 7 cái ô-tô nhơn để vận-tải, một cái thực đẹp làm ở thuộc địa này. Cái ô-tô ấy đã đem đẽ ở Hội-chợ 1924-1925 và nhiều người đã biết. Bảy cái ô-tô ấy có 112 mã lực và 225 chỗ ngồi. Mỗi cái ô-tô có 25 chỗ ngồi trừ ra cái ô-tô nhơn có 55 chỗ, và mỗi ngày chạy hai lượt từ Hanoi về Vàn-đinh, và mấy lượt nữa từ Hanoi về Hà-đông.

Vừa người tài-xế, người phát-vé, người chửa máy, người giúp đỡ tài-xế, và cu-li, tất cả cò 40 người do ông Lasvigne trông coi.

Ngày hội, ngày phiên chợ, ngày đồ thuế và trong ba tháng hội chùa Hương-tích, có hàng nghìn hàng vạn người chảy chùa thi đông khách lăm, song đến ngày mùa-màng và mùa mưa thi lại ít khách.

III. — Kỹ-nghệ và công-nghệ riêng từng nhà.

A) *Kỹ-nghệ.* — Cận lai kỹ-nghệ còn kém, tưởng không chấn hưng được, vì những người thợ hình như đã quen thói làm điều bạo, không thể chửa được.

Xưa kia có hai kỹ-nghệ chính là nghề làm tượng và nghề làm đồ khắm.

Nghề làm tượng đã có tiếng khéo. Có mấy pho tượng, giáng người thợ đúc, thợ chạm, đứng trên tảng đá hay trên miếng gỗ, đã nổi tiếng lăm. Nhưng nghề này sau cũng kém đi. Các vị thần và các vị quan to thờ ở đình chùa không làm bằng đồng đen, bằng đá hay là bằng gỗ lim nữa, chỉ làm gỗ tạp hay bằng đất, rồi có những thợ sơn tẩm thường đi đóng các lăng tò qua lại.

Nghề khắm cũng đã có tiếng. Cận lai ở huyện Phú-xuyên có mấy người còn giữ được ít nhiều khuôn phép, nhưng cò người đặt trước mới làm. Những đồ khắm làm cũng khá, song không được tinh-tế như ngày xưa. Gỗ xấu lại không phơi kỹ, ai trong cũng biết là làm dối.

Hiện nay các kĩ nghệ ấy không đến nỗi kém nữa mà lại có phần chấn hưng lên, là nhờ có quan Tòng-đốc Hoàng đại-nhân cùng những người tinh thông về kĩ-nghệ annam giúp đỡ.

Ai đến nhà kĩ-nghệ Hà-dong xem cũng ngợi khen những đồ gốm như mặt gối, mặt đệm, chưởng, cũng những hàng tơ lụa để may quần áo đàn-bà ; những đồ đồi-mồi, như lược, quạt, tráp, châm cài đầu, cán ô, hộp, vòng đeo cổ, những đồ khǎm tati-khi như khay tráp ; những tượng gỗ, trẻ con từ 8 đến 15 tuổi làm ra, ai ngờ chúng nó mà làm được ; những đồ chạm như ghế, bàn, và tủ-chè, tủ-sách, tủ kính, càu-đối, khay ; những đồ thiếc như bộ đồ chè, bộ đồ cà-phê, bình đựng nước, hộp thuốc lá ; những dù nhật-bản bằng giấy bán cho các bà đầm ; những quạt mùi nhuộm rứt khéo ; những đồ thêu như nệm ghế, chưởng, khăn giải bàn.

Ở Hữu-tử (Thanh-oai) có một xưởng thợ chạm đồ gỗ, nặn đồ đất và làm dù bằng giấy vē.

Ở Thượng-cát (Hoài-đức) cũng có một xưởng thợ như thế. Ở Phương-trung (Thanh-oai) có tập dệt vải thượng-du và dệt lụa annam.

Các kĩ-nghệ khác :

Nghề làm mây ở Bằng-sở (Thanh-trì) và ở Phú-vinh (Chương-mỹ), làm những thúng mủng, giỏ đựng giấy, đĩa đựng bánh. Nếu mới rồi không bị một phen trệ-hóa, có lẽ còn phát-đạt hơn nhiều. Năm 1914, bán được hơn 4.000 \$ hàng.

Nghề khǎm bằng ốc và bằng tam-khí ở làng Chuyên-mỹ trung, Chuyên-mỹ-thượng, Chuyên-mỹ-hạ và Chuyên-mỹ-ngõ (Phú-xuyên).

Nghề chạm ở Dư-dụ (Thanh-trì) và ở Gia-cầu (Phú-xuyên).

Nghề làm vàng bạc ở Đinh-công-thượng và Đinh-công-hạ (Thanh-trì).

Nghề làm đồ sừng ở Thụy-ứng (Thường-tín).

Nghề làm sơn ở Sơn-đồng (Đan-phượng) và Kim-giang (Ứng-hòa).

Những kĩ-nghệ ấy tinh hình như thế nào, xem bảng kê sau này sẽ biết.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công-nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách xa tỉnh-lị	
----------	------------	-------------------------	---------------------------	--------------------	--

Nghề làm đồ mây

Bằng-sở	Thanh-trì	1917	50	18 km	Đi xe hỏa từ Hanoi đến ga Thường-tín rồi đi xe tay. Hoặc đi ô tô đường Phủ-lý đến Lưu-phái rồi rẽ vào đường Thanh-trì và đi lên đê Nbi-hà.
Phú-vinh	Chương-mỹ	1895	400	14	Đi ô tô đường Hòa-bình đến km 25.

Nghề làm đồ khám

Chuyên-nghi thượng-hạ	Phú-xuyên	Công-ngh sáng-tạo đã lâu lâm	70	37 km	Đi ô tô hay xe hỏa đến ga Cầu-guội rồi rẽ đi vào con đường con 6 km nữa mà đi qua làng Hạ-thái.
Chuyên-nghi-trung	"	không biết	50	"	Cùng đường ấy.
Chuyên-nghi-ngo	"	về đời nào	60	"	Cùng đường ấy.

Nghề làm đồ chạm

Dur-dụ	Thanh-trì	Đã lâu lâm	50	20 km	Đi ô tô đường Phủ-lý đến Thường-tín, thì đỗ lại, đi xe tay 8 km nữa mà đi qua Thuy-ứng.
Giả-cầu	Phú-xuyên	"	20	40	Đi ô tô đường Phủ-lý và đi chừng 3 km nữa vào con đường con.

Nghề làm đồ vàng bạc

Đinh-công-thượng	Thanh-trì	Đã lâu lâm	20	12 km	Đi ô tô đường Phủ-lý đến km 12 dừng lại.
Đinh-công-hạ	"	"	100	"	Cùng đường ấy.

Nghề làm đồ bằng sừng

Thuy-ứng	Thường-tín Từ-đòi-Lê	100	20 km	Đi ô tô bay xe hỏa đến ga Thường-tín rồi đi xe tay 5 km nữa.
--------------------	------------------------	-----	-------	--

Nghề làm đồ sơn

Sơn-dòng	Đao-phuong	Đã lâu lâm	200	16 km	Đi ô tô đường Sơn-kay đến Nguyễn-xá rồi xe tay 3 km nữa mà đi qua Đại-tử, Yên-bط.
Kim-giang	Üng-hoa	Đã 200 năm	70	50	Cùng đường ấy.

B. Công-nghệ riêng từng nhâ. — Những công nghệ này hiện đã mở mang nhiều lắm.

1° Nghề làm gién. — Trong tỉnh Hà-đông có độ 20.000 người vừa đán-ông vừa đán-bà làm gién. Thường làm thứ gién *filet*, nhưng cũng có làm các thứ *venise* và *fuseau* nữa.

Bảng kè ở mây trang sau này chỉ kè những làng có nhiều người làm gién còn những làng ít người làm thì không kè.

Năm 1924, bán được hơn 80.000 \$ gién.

2° Nghề dệt lụa. — Nghề thêu. — Tỉnh Hà-đông có 1.550 cái khung cửi dệt lụa ở giải giác khắp mọi nơi, nhất là những làng có kè kèn ở bắc kè phụ vào chương này.

Những tấm lụa tốt lại đem ra thêu.

Những bức thêu khéo thì các mũi thêu ăn nhau lấm, còn những bức khác thi trông có phần sặc-sỡ. Thường hay thêu trò gà-trọi, hoa-sen, cành-hồng, cày-cúc. Lại có thêu lối cao-mèn như thêu voi ba đầu vào nệm ghế, thêu người đán bà nhảy múa, nền băng lụa thảm. Làm gién và thêu để xuất cảng sang bên áu-tay hay là để bán cho người Pháp ở Đông-dương.

Còn những nghề chỉ để dùng trong nước với nhau, cũng có nhiều người làm và cũng có thể phát đạt được.

3° Nghề làm nón. — Tỉnh Hà-đông có 16 làng làm nón bằng lá gõi, bán cho các tỉnh được nhiều. Thường vẫn có xe chở nón ra Hanoi từng lũ lượt một.

4° Nghề rèt vải. — Tỉnh Hà-đông có độ 3.000 khung cửi dệt vải ở giải giác trong 20 làng.

5° Nghề làm quạt. — Tỉnh Hà-đông có làm quạt-tay,nan bằng tre, giấy phiết nước cày, bán cho các tỉnh được nhiều. Giấy làm quạt mua ở làng Hồ-khầu, Đông-xá, Yên-thái tục gọi làng Bưởi (Hoàn-long). Trong các làng ấy có 1.050 người làm giấy.

6° Nghề làm pháo và làm hương thấp. — Ở Bình-đà (Thanh-oai) có một cái xưởng con làm pháo tiều-thụ được nhiều lấm, chắc sau này có thể khoảng chương trình đạt được.

Mỗi năm người tàu đem pháo sang Đồng-dương đi qua Lào-kay, Lạng-sơn, Hongkong bán được hàng triệu bạc.

Nay trong nước có nghề làm pháo để khỏi phải mua ngoại hóa như trước, thực nên khuyến khích.

Năm 1924, làng Bình-dà bán được 4.000\$ pháo. Những người làm pháo ở Bình-dà vốn hay còn ít, mà pháo vẫn chưa tốt bằng pháo tàu, chưa có thể tranh mồi hàng với người tàu được.

Song vốn ít cũng không lo, vì ở Bắc-kỳ có nhiều người giàu lâm. Họ thấy một nghề có nhiều ích lợi như thế, chắc sẽ sẵn lòng xuất vốn ra. Pháo còn kém cũng không ngại. Bây giờ người ta còn thích pháo tàu, là vì rằng khi đốt, tan xác ra như cánh hoa đào vậy. Nhưng pháo Bình-dà hiện đã làm gần được như thế, và cũng không khác gì pháo tàu mấy nữa.

Bề ngoài những bánh pháo tàu làm đẹp hơn pháo Bình-dà, thì nay bắt chước làm như thế cũng không khó.

Hương thấp cũng mua của tàu.

Nay ở Bình-dà (Thanh-oai) và Sà-cầu (Úng-hòa) có độ 200 người thợ làm hương.

Phủ Úng-hòa có 19 làng làm thợ mộc, số thợ gần đến 2.000 người. Huyện Thanh-trì có nhiều thợ thiếc, thợ lò rèn, và thợ làm trống.

Mỗi năm tỉnh Hà-đông đem ra Hội-chợ rút nhiều hàng hóa thực tốt. Có thuê 7 gian nhà số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, ở dãy nhà chữ Đ, để bày hàng. Những gian nhà ấy ở bên cạnh gian nhà hàng hóa Cao-mèn và ở bên hưu cửa chính.

Kết luận. -- Tỉnh Hà-đông rút nhiều sự tích. Xem trong lịch sử đã nhiều khi rối-loạn, như những khi lịch triều thay đổi cùng khi nhà nước sang chiếm cứ. Từ nay về sau chắc không phải những phen như thế nữa.

Nhờ có nhà nước Bảo-hộ, dân sự đều theo phong-hòa Âu-tây và chỉ chăm về sự học, nghề làm ruộng, cùng các công nghệ mới. Vẫn đất tốt người nhiều, và dễ khai-hóa, sau này chắc có cơ thịnh đạt.

Bảng kê các xã ở trang sau này có làm hàng hóa bán cho người Âu-tây.

Lời dẫn. -- Có nhiều xã chỉ có 25 người thợ giờ lại thì không kê trong bảng này.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công-nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách xã tỉnh lị	Dорога до деревни
<i>Nghề làm giien</i>					
Hà-hồi (filet và venise).	Thường-tín	1913	400	17 km	Đi ô-tô hay xe-hoá đến Thường-tín rồi đi 3 km, đến Hà-hồi.
Hoàng-xá hay Đỗ- xá (filet và veni- se).	»	1922	50	30	Đi ô-tô hay xe-hoá đến Đỗ-xá, rồi đi xe tay độ 1 km nữa.
Qua-tu (filet.	Üng-hòa	1925	45	50	Đi đường Hadong-Vân-dinh, đến Ngoài-đô đi lên tảng ngạn sông Mang giang chừng 8 km, nữa về phia đông.
Nhân-trai (filet).	»	1920	45	49	Đi đường Hanoi — Phú-lý đến sông Mang giang đi lên đê vè bên tả, đi chừng 10 km nữa đến làng.
Dương-khê (filet).	»	1922	50	32	Đi đường Vân-dinh rồi đi đê vào Phú-đô 2 km nữa đến làng.
Đai-dỗ (filet và fu- seau).	Phú-xuyễn	1924	100	41	Đi ôtô đường Phú-lý rồi từ đường cái đến làng đi xe tay 3 km nữa.
Già-cầu (filet).	»	1924	180	40	Xem bảng Nghề làm đồ trạm.
Vân-hoàng (filet).	»	1924	50	40	Đi ôtô đường Phú-lý, rồi đi xe tay 3 km nữa.
Cô-liêu (fuseau).	»	1923	45	42	Đi ôtô đường Phú-lý, rồi đi xe tay 3 km nữa.
Tham-khê (filet).	»	1925	50	41	Đi ô-tô trên đường đê sông Nhị-bả về phia nam trong tỉnh.
Thanh-thôn (filet)	»	1921	50	42	Đi ôtô con đường xuổng Phú-lý. Đến sông Mang giang, rẽ vào con đường duyên giang ở phia tây.
Thao-chinh(filet).	»	1925	40	35	Đi ôtô con đường Phú-lý đến km 35.
Yên-sở (filet và ve- nise).	Đan-phượng	1917	1000	24	Đi ôtô ở tả ngạn sông Đáy.
Giáp-bát (filet) . .	Thanh-trì	1900	50	10	Đi ôtô con đường Phú-lý. Đến km 6 dừng lại. Đi vào đường cái của làng được 800 thước tây thì đến nơi
Quảng-bi (filet). .	Chương-mỹ	1916	200	17	Đi ôtô con đường Chợ-bến. Làng ở cạnh huyện lị.
Thai-hòe (filet).	»	1922	50	16	Cũng đường ấy.
Trúc-son (filet).	»	1922	40	10	Đi ôtô con đường Hòa-bình. Làng ở chỗ con đường này có ngả iê sang con đường Chợ-bến.
Trúc-ly (filet).	»	1922	50	11	Cũng như trên.
Đại-phàm (venise và filet).	»	1922	50	11	Đi ôtô con đường Chợ-bến. Làng ở bên hữu vào quãng km 21.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công nghệ	Số người làm công nghệ	Cách xã tỉnh-lị	Đường đi về làng
<i>Nghề làm gien (tiếp theo)</i>					
Giáp-ngô (filet).	Chương-mỹ	1922	40	8 km	Đi ô tô đường Phù bình. Làng ở bên tả vào quãng km 19.
Yên-trung (filet).	»	1920	40	12	Cùng đường ấy, đến km 20.
Thụy-dương(filet)	»	1921	50	12	Đi ô tô vào Chợ bến. Làng ở bên tâ vào quãng km 20.
Hương-lang (filet)	»	1921	30	15	Đi ô tô con đường Chợ bến Lang ở bên tả vào quãng km 20, ở hữu ngạn sông Đáy,
Lam-diền (filet).	»	1921	40	15	Cùng đường ấy đến km 20.
Lương-xá (filet).	»	1921	60	16	Cùng đường ấy đến km 21.
Trinh-tiết (filet).	Mỹ-đức	1923	120	41	Đi đường đè vè tả ngạn sông Đáy, đến bến Phù lưu-iế. đi đò sang hữu ngạn. Cách nǎm làng Yên làng Trinh tiết.
La-khê-tây (venise và filet)	Hoài-đức	1920	50	3	Đi đường Hanoi — Hadong, rồi đi con đường lên Tây tựn, đến km 2 là làng Bong do, dừng lại, đi xe tay 1 km nữa thì đến La khê tây.
Phương-canhh (ve- nise và filet)	»	1916	40	9	Đi đường Hanoi — Hadong rồi đi con đường Tây tựn. Đến km 9 là làng Ngọc-mạch, dừng lại. Đi vè bên hữu đi 200 thước tây đến làng Phương canhh.
Vân-canhh (venise và filet).	»	1917	60	8	Cùng đường ấy, nhưng đi xe tay vè bên tả
Miêu-nha (venise và filet).	»	1917	100	8	Đi đường Hanoi — Hadong, rồi đi con đường Tây tựn. Đến km 7 dừng lại ở Ngọc mạch, đi bộ 1 km nữa đến Miêu nha.
Yên-lung (venise và filet).	»	1919	70	8	Đi đường Hanoi — Hadong, rồi đi con đường số 72. Đến km 6 dừng lại ở chùa Tòng. Đi bộ vè bên hữu 3 km nữa rồi đến Yên lung.
Vân-lung (venise và filet).	»	1915	100	8	Cùng đường ấy.
La-dương (venise và filet).	»	1915	100	5	Đi đường Hanoi — Hadong, rồi đi con đường số 72. La dương ở cạnh đường cái, vè bên tâ ở km 5.
Yên-thợ (venise và filet).	»	1920	60	8	Đi đến chùa Tòng, rồi đi bộ 2 km nữa đến Yên thợ.
Tây-mỹ (venise và filet).	»	1922	500	4,200	Đi đường Hanoi — Hadong, và Ha- dong Tây tựn, Đến km 4 dừng lại ở Phú thứ, rồi đi xe vè bên tâ đến Tây mõ.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra côn-nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách xã tỉnh lị	Đường đi về làng
Nghề làm giencil (tiếp theo)					
Ngải-cầu (venise và filet).	Hoài-đức	1915	50	8 km	Từ La dương đến Ngải cầu cách 3 km. Làng ở ven bờ về bên hữu.
Phú-thír (venise và filet).	"	1922	50	4	Cũng như đường đi về Tây mỹ.
Chiệu-khúc (ven- se).	Thanh oai	1920	40	2	Đi đường Hanoi — Hadong, Làng cách tỉnh lị 2 km và ở bên tả Tứ đường cái về làng cách 200 thước tây.
Mậu-lương.	"	1923	50	3	Đi đường Hanoi — Hadong và đường Hadong Văn diền. Làng cách tĩnh lị 3 km ở bên hữu.
Yên-phúc (venise)	"	1923	16	1	Làng ở gần tĩnh lị Hadong, Đi con đường xuống Văn diền rồi rẽ về bên hữu.
Yên-xá (venise). . .	"	1922	150	2	Cũng đường ấy.
Hữu-tử (veuisse). . .	"	1923	120	4	— id —
Hữu - Thanh - oai (venise)	"	1921	50	5	Đi con đường Văn diền. Đến km 4 rẽ sang bên hữu.
Mai-linh (venise).	"	1916	200	7	Làng ở ven con đường đi Hòa bình về bên tả, cách tĩnh lị 7 km.
Đông-dương(filet)	"	1923	50	8	Đi ô tô đường Hòa bình đến đập sông Đáy, rồi rẽ sang bên tả chừng km nữa thì đến nơi.
Thị-thôn bay là Chợ-sam (filet).	"	1923	40	4,500	Đi ô tô con đường Văn định đến quãng km 4.
Văn-nội (filet) . . .	"	1923	50	5	Đi ô tô con đường Văn định đến km 4 thì đi vào con đường của làng ở bên tả.
Huyên-kv (filet) . .	"	1915	150	5	Cũng đường ấy.
Trinh-lương(filet)	"	1923	100	5	— id —
Nhân-trach (filet).	"	1923	200	5	— id —
Đồng-làn(filet) . .	"	1923	45	5	— id —
Bình-dà (venise) . .	"	1924	40	10	Đi ô tô con đường Văn định đến chỗ rẽ sang con đường số 71, dừng lại.
Sinh-liệu (venise)	"	1924	45	11	— id —
Thạch-nham(filet)	"	1923	45	15	Đi con đường Hadong — Văn-định rồi đi xe vào đường cái của làng ở bên tả. Làng ở bờ sông Nhuệ giang.
Bối-khê (filet). . . .	"	1924	50	12	Đi ô tô đường Văn định, rồi đi vào con đường số 71 ở bên tả.
Phúc-khê (filet). . .	"	1923	45	12	Cũng đường ấy.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công-nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách xa tỉnh-lị	Đường đi về làng
•	•	•	•	•	•

Nghề làm gian (tiếp theo)

Thượng-thanh than (filet). . . .	Thanh-oai	1922	46	11 km	Đi đường Hadong - Vạn Định, rồi đi xe vào đường cái của làng ở bên hữu đến huyện.
Dan-viên (filet) . . .	"	1921	50	12	Cùng đường ấy.
Nga-my-hạ (filet) . . .	"	1923	47	14	Đi đường Hòa Bình rồi đi xuống đê sông Đáy. Làng cách huyện 1½ km.
Cát-dong (filet) . . .	"	1922	50	14	Đi đường Hadong - Vạn Định đến km 13 rồi đi vào đường cái của làng. Có 2 km không đi xe được.
Kim-bài (filet) . . .	"	1921	50	15	Cùng đường ấy.
Kim-lam (filet) . . .	"	1922	40	15	Đi đường Hòa Bình rồi đi xuống đê sông Đáy. Làng cách xã tinh lị 2 km.
Đôn-thi (filet) . . .	"	1923	50	17	Đi đường Hadong - Vạn Định đến km 16, rồi đi xe vào con đường ở bên hữu.
Thái-hà-áp(xuồng làm của ông) . . .	Hoàn-long	1920	130	6,800	Đi đường Hanoi - Sông đến 6+800

Nghề rết lụa

Bat-nao hay Phú- nhiều	Phú-xuyên	1910	40	35 km	Đi ô tô con đường Phú-ly - Đồn Đỗ- xá dừng lại rồi đi bộ 4 km.
Yên-sô. . . .	Dan-phuong	Đã lâu năm làm	40	25	Nem ở bảng làm gien.
Đốc-hậu	Mỹ-đức	Tháng giêng năm 1924	30	45	Đi ô tô ngang sông Đáy đến bến Phù lưu tế đi đò sang hòn ngạn. Làng Đốc-hậu cách làng Trịnh tiết 6 km Đường về Trịnh tiết xem bảng làm gien.
Phù-lưu-tế	"	1922	10	36	Đi đường Hadong - Vạn Định, Làng Phương-xá ở bên kia sông Đáy, vào chỗ khía sông cạnh Vạn-định
Phương-xá. . . .	"	1915	120	31	- id -
Tết-tiên. . . .	"	1923	10	38	Đi ô tô ngang sông Đáy đến Phù-lưu tế sang hòn ngạn đi 2 km nữa đến làng.
Trịnh-tiết	"	1922	10	41	Xem bảng làm gien.
Đốc-tin. . . .	"	1922	20	45	Đi đến bến Phù-lưu tế rồi sang hòn ngạn sông Đáy, hết làng Đốc-tin thì sông Thanh-hà chảy vào sông Đáy.
La-nội. . . .	Hoài-đức	Từ doi Cánh hưng (đo 200 năm)	1.000	6	Đi ô tô đường Hadong - Sontay, dừng ở km 3 rồi đi xe tay 3 cây nữa đến làng.
Y-la	"	"	600	6	Cùng đường ấy

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách ra tỉnh lị	Đường đi về làng
----------	------------	----------------------	------------------------	-----------------	------------------

Nghè dệt lụa (tiếp theo)

La-khê-dông . . .	Hoài-đức	Từ đài Hậu Lê (hơn 100 năm)	100	2,600	Đi đường Hadong — Sơn-tây, dừng ở km 2 ở Bông do, rồi đi xe 600 thước tây nữa đến làng
La-khê-nam . . .	»	Đã 207 năm nay	100	2,500	Đi đường Hanoi — Sơn-tây Đường ở km 2 ở Bông do, đi xe 600 thước tây nữa đến nơi.
La-khê-tây	»	»	40	3	Cũng đường ấy.
Văn-phúc	»	1870	700	1	Đi ô tô đường Hadong — Sơn-tây 1 km.
Đại-mỗ.	»	1880	500	3	Đi ô tô đường Hadong — Sơn-tây 3 km.
Nghĩa-đò.	»	Đã lâu ngày lâm không nhớ	100	14	Đi con đường vòng quanh đến đồn Yên-thái là chỗ công làng.
Báy-àn.	»	»	200	15	Làng cách đồn Yên-thái 1 km.
Yên-hòa	Hoàn-long	Đã lâu lâm	50	11	Đi ô tô đường Hanoi — Sơn-tây đến Cầu-giấy. Làng cách Cầu giấy 400 thước tây.
Trích-sài.	»	»	60	18	Làng ở gần đồn Yên-thái, ở con đường vòng quanh nhớ.
Phúc-lâm (nghè dệt khăn-trợt). .	Thanh-oai	1910	25	20	Đi ô tô đường Văn-đinh đến km 15 rồi đi vào đường cái của làng ở bên tả
Ước-lẽ.	»	1920	15	21	Cũng đường ấy.
Đại-phùng.	Han-phượng	Đã lâu lâm	200	20	Gần huyện lỵ, ở con đường lên Sơn-tây.
Đông-khê	»	»	200	20	Cũng đường ấy.

Nghè dệt vải

Thượng-cung . . .	Thường-tín	Hơn 100 năm	50	22 km	Đi ô tô bay xe hỏa đến Thường-tín, đi sang con đường số 71 ở bên hữu rồi đi về bên tả xuống sông Nhuê-giang.
Dinh-quan.	»	»	30	22	Cũng đường ấy.
Hòe-xá.	Üng-hà	300 năm nay	400	34	Đi đường ở tả ngạn sông Đáy. Đến Hòe-xá ở gần Phù-lưu-iết.
Quan-tú	»	200 năm nay	40	50	Xem bảng làm gien.
Lũng-kènh.	Han-phượng	Đã lâu ngày lâm	200	16	Đi ô tô đường Hadong — Sơn-tây, đến km 14 dừng lại rồi đi vào con đường hàng lồng.
Lưu-xá.	»	»	150	16	Cũng đường ấy.
Yên-vịnh.	»	»	40	16	Cũng đường ấy.
Yên-bé.	»	»	40	16	Cũng đường ấy.

TÊN LÀNG	PHỦ, HUYỆN	Năm lập ra công-nghệ	Số người làm công-nghệ	Cách xã tỉnh-lị	Đường đi về làng
<i>Nghề dệt vải (tiếp theo)</i>					
Mẫu-hoa	Dan phượng	Đã lâu ngày làm	250	23 km	Đi đường Hà Giang – Sơn Tây đến km 22, đi xuống đèo ở tả ngạn sông Đáy về phía nam.
Dương-liễu.	"	"	350	23	Cũng đường ấy.
Quế-dương.	"	"	300	23	Cũng đường ấy.
Lai-xá sợi đẽ đẽ màn).	"	1921	50	15	Đi đường Hanoi – Sơn Tây đến km 14
<i>Nghề thêu hàng vóc và hàng vải</i>					
Tư-vàu.	Thường-tiu	Hơn 50 năm nay	100	26 km	Đi đường Phủ Lý. Đến Phố Tia rồi đi xe 2 km về bên tay.
Vũ-lang	"	"	600	25	Đi đường Phủ Lý. Lúc gần đến chỗ rẽ vào con đường số 73 dừng lại.
Binh-lang.	"	"	40	25	Cũng đường ấy.
Tam-xá	"	"	50	23	Cũng đường ấy.
Quất-động.	"	"	600	20	Đi đường Phủ Lý. Cách 3 km đến phủ dừng lại.
Hà-thao	Phú-xuyên	Không rõ từ năm, nào	30	37	Đi đường Phủ Lý. Đến chỗ rẽ vào con đường 73, dừng lại rồi đi vào con đường Lên hứa đường hỏa xa.
Vân-canhh.	Hoài-đức	1916	30	8	Xem bảng làm gien.
Phương-canhh	"	"	20	9	— d —
<i>Nghề làm pháo và hương</i>					
Bích-dà	Thanh-oai	1922	500	11 km	Xem bảng làm gien.
Xa-cầu	Üng-hòa	Đã 200 năm	200	20	Đi con đường Vân Định đến quãng km 11. Làng ở ven đường cái về bên hữu.
<i>Nghề làm thừng, chão</i>					
Đạo-tú.	Üng hòa	1920	20	40 km	Đi đường Hả Đông – Vân Định, rồi đi con đường vào Phủ Lý rồi hỏi thăm.
Yên-trang	"	100 năm nay	100	26	Đi đường Hả Đông – Vân Định đến km 26.
Nội-am.	Thanh-trì	Đã lâu ngày làm	40	12	Đi đường Hả Đông – Thanh Trì, Đến huyện lỵ dừng lại. Đi vào đường cái của làng 500 thước tây nữa.
<i>Nghề làm thảm, chiếu và dò bắng cói</i>					
Thái-hà-ăp.	Hoàn-long	1914	35	6,800	Đi đường Hanoi – Hả Đông.

Bảng kê tên chợ riêng từng Phủ, Huyện

CHÚ-Ý { a) Phiên chợ theo ngày Annam.
{ b) Chỉ có những chợ to là kê tên trong bảng này

TÊN CHỢ	TÊN NÔM	PHIÊN CHỢ	ĐƯỜNG ĐI VỀ CHỢ
PHỦ HOÀI-ĐỨC			
Đại-mỗ	Chợ Mỗ	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17 19, 22, 24, 27, 29	Xem bảng làm giá
La-nội	Chợ La-cả	3, 8, 13, 18, 23, 28	Cũng thế.
Ngải-cầu	Chợ Huyện	5, 10, 15, 20, 25, 30	Xem bảng làm giá.
Đông-lao	Chợ Đông lao	1, 6, 11, 16, 21, 26	Đi đường Hà đông Hòa-bình đến đè sòng Đày đi ngược lên độ 4 km.
Phương-canhh	Chợ Canhh	3, 8, 13, 18, 23, 28	Xem bảng làm giá.
Vân-canhh	Chợ Địa	2, 7, 12, 17, 22, 27	Cũng thế!
Tây-tựu	Chợ Đầm	4, 9, 14, 19, 24, 29	Đi đường Hà đông – Sơn-tây.
Đan-hội	Chợ Đan-hội	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi đường Hà đông – Sơn-tây rồi ngược lên đường số 70 độ 3 km.
Thượng-hội	Chợ Gối	2, 6, 12, 16, 22, 26	Đi đường Hà đông – Sơn-ay. Khi đi trạm Giang-xá thì đi qua làng Hạnh-dân, Đan-hội và Ngoc-kieu.
Thượng-cát. . . .	Chợ Kẻ	5, 10, 15, 20, 25, 30	Đi đường đê Nhị-hà qua Thượng-cát.
Ha-trì	Chợ Giày	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường đê Nhị-hà, qua làng Thượng-cát và Đông-lai
Bá-duong. . . .	Chợ Bá	5, 10, 15, 20, 25, 30	Đi đường vòng quanh số 65. Hết Yên-thái thì đi về phía Phúc-xá.
Xuân-tảo	Chợ Cáo	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường đê Nhị-hà, qua Phúc-xá. Làng ở bên tảo.
Phú-gia. . . .	Chợ Gạ	3, 8, 13, 18, 23, 28	Ở chỗ đê Nhị-hà có đường đi lên Chèm.
Đông-ngạc	Chợ Vẽ	2, 7, 12, 17, 22, 27	Cũng đường ấy.
Thụy-phuong. . . .	Chợ Chèm	1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29	
PHỦ THƯỜNG-TÍN			
Bình-vọng	Chợ Bằng	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường Hanoi – Phủ lỵ. Dừng ở km. 18.
Khê-hồi. . . .	Chợ Khê	2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 27, 30	" " " 20.
Tứ-duong	Chợ Tia	4, 9, 14, 19, 24, 29	" " " 27.
Đô-nâ	Chợ Công (Vân-tự)	5, 10, 15, 20, 25 30	" " " 30.
Đại-gia	Chợ Đại-gia	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29	" " " 35.
Vũ-lăng. . . .	Chợ Quán-liên	6, 10, 16, 20, 26, 30	Xem bảng làm giá.
Hà-vỷ	Chợ Anh-châu	1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29	Đi xe-hỏa hay ô-tô đến ga Phố-tia rồi đi xe hai km. nữa.

TÊN CHỢ	TÊN NÔM	PHIÊN CHỢ	ĐƯỜNG ĐI VỀ CHỢ
---------	---------	-----------	-----------------

PHỦ ỦNG-HÒA

Viên-nội . . .	Chợ Viên-nội	5, 10, 15, 20 25, 30	Đi đường Vân-dinh rồi đi lên đê sông Đáy. Đi 6 km. nữa xuống dưới đồn Ba-thá thì đến làng ở bên tả.
Tử-dương . . .	Chợ Tia	4, 8, 14, 18, 24, 28	Cũng đường ấy nhưng đi xuống 2 km. nữa.
Hoa-xáng. . .	Chợ Lau	1, 6, 11, 16, 21, 26	Cũng đi đường ấy đến Viên-nội, rồi đi ngża hay đi bộ về bên tả.
Hòa-xá. . .	Chợ Nguyễn	4, 9, 14, 19, 24, 29	Xem bảng dệt lụa và dệt vải.
Quảng-nguyễn.	Chợ Bưởi	5, 9, 15, 19, 25, 29	Đi đường Vân-dinh đến km. 24.
Liên-bat-ngo	Chợ Bạt	2, 7, 12, 17, 22, 27	26.
Đặng-giang . .	Chợ Đặng	5, 10, 15, 20, 25, 30	Đi ở đê sông Đáy đến km. 38. Làng ở bên tả.
Danh-xuyên . .	Chợ Đanh	4, 5, 14, 15, 24, 25	Xem đường đi về chợ Hòa-xá, Bình-xuyên ở dưới chợ Hòa-xá 1 km.
Hoàng-xá. . .	Chợ Bình	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường Hà-đông Vân-dinh. Đến Hòa-xá rồi mới đến Vân-dinh.
Tảo-khê . . .	Chợ Gáo	5, 10, 15, 20, 25, 30	Đường ở Vân-dinh, rồi đi ngża hay đi bộ về bên tả.

PHỦ MỸ-ĐỨC

Phúc-lâm. . .	Chợ Thá-trên	6, 16, 26	Đi đường Hà-đông về Ngã-ba-thá rồi đi vào con đường số 73 bis 4 km. nữa.
Lẽ-khê . . .	Chợ Sẽ	3, 9, 13, 19, 23, 29	Đi đường Hà-đông — Ba-thá rồi đi 4 km. nữa ngược lên phía bắc sông Bùi.
Phù-yên . . .	Chợ Thá-dưới	1, 11, 21	Đi đường Hà-đông — Ngã-ba-thá rồi đi vào con đường số 21 bis độ 1 km. nữa
Lai-tăg . . .	Chợ Khô	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi đường Hà-đông — Ngã-ba-thá rồi đi vào con đường số 21 bis độ 3 km./nữa thì đến làng ở hữu ngạn sông Đáy.
Doan-nữ . . .	Chợ Nứa	4, 8, 14, 18, 24, 28	Đi đường Hà-đông Hòa-bình, đến Trúc-sơn đi vào con đường xuống đồn Ba-thá, rồi đi vào con đường số 21 bis chừng 5 km. nữa.
Đức-thụ . . .	Chợ Thủ	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi đường Hà-đông về Viên-nội, Phù-lưu- tổ và Phùng-xá.
Lẽ-xá . . .	Chợ Lai	5, 10, 15, 20 25, 30	Đi con đường số 21 bis đến Phù-lưu-tổ.
Cao-dương . . .	Chợ Bến	1, 6, 11, 16, 21, 26	Đi đường Hà-đông — Vân-dinh rồi rẽ vào Ngã-ba-thá. Sau thì đi vào con đường số 73 về phía tây, rồi lại đi vào con đường số 21 ở bên tả.
Phù-lưu-tổ . . .	Chợ Phù	4, 9, 14, 19 24, 29	Xem bảng dệt lụa.
Thường-vệ . . .	Chợ Vài	2, 5, 8, 12, 15, 18, 22, 25, 28	Cũng đi đường về Phù-lưu-tổ, rồi đi vào con đường số 21 về phía tây đến sông Thanh-hà. Làng ở bên sông.
Trinh-tiết . . .	Chợ Sêu	1, 6, 11, 16, 21, 26	Xem bảng lâm gien.
Hà-xá . . .	Chợ Hà	2, 7, 12, 17, 22, 27	Cũng đi đường về Phù-lưu-tổ, rồi đi qua con đường số 21 bis chừng 2 km. nữa.
Tuy-hiền . . .	Chợ Sải	5, 10, 15, 20, 25, 30	Cũng đường ấy.

TÊN CHỢ	TÊN NAM	PHIÊN CHỢ	ĐƯỜNG ĐI VỀ CHỢ
---------	---------	-----------	-----------------

HUYỆN ĐAN-PHƯỢNG

Phương-tri . . .	Chợ Phùng	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17 19, 22, 24, 27, 29	Đi đường Sơn-là. Dừng ở trước huyện lỵ.
Dương-liêu . . .	Chợ Xấu	1, 6, 11, 16, 21, 26	Xem bảng dệt lụa.
Đắc-sở	Chợ Giá	3, 8, 13, 18, 23, 28	Cũng đường ấy, nhưng đi xuống chừng 4 km. nữa.
Phương-bảng . . .	Chợ Nồi	5, 10, 15, 20, 25, 30	Cũng đường ấy, nhưng đi xuống chừng 4 km. nữa, rồi đi vào con đường con hơn 1 km. nữa đến làng.
Giang-xá	Chợ Chôi	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28	Đi đường Hà nội — Sơn Tây. Từ chỗ rẽ vào Thường-cát đi độ 4 km. thì đến Giang-xá ở bên tay.

HUYỆN HOÀN-LONG

Yên-thái	Chợ Bưởi	4, 9, 14, 19, 24, 29	Đi đường vòng quanh
Bạch-mai	Chợ Mới-mo hay chợ Mo	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi đường vòng quanh.

HUYỆN CHƯƠNG-MỸ

Trúc-sơn	Trại Chúc	3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30	Xem bảng làm gien
Cao-bộ	Chợ Bùa	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường Hòa bình đến km. 25 dừng lại. Làng ở bên tay đường cái và cách đường cái 1 km.
Sơn-quyết	Chợ Gốc	1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29	Đi đường Hòa bình. Làng ở ngay chỗ có đường ngực lên phía bắc (con đường số 8).

HUYỆN PHÚ-XUYÊN

Mỹ-lâm	Chợ Lịm	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi đường Hà-nội — Phú-ly. Đến huyện lỵ thì dừng lại.
Chuyên-mỹ- thượng	Chợ Chuồn	4, 9, 14, 19, 24, 29	Xem bảng làm đồ khám.
Già-cầu	Chợ Che	2, 7, 12, 17, 22, 27	
Nội-thôn	Chợ Khang	1, 6, 11, 16, 21, 26	Đi đường số Nhị-bà. Đến chỗ có con đường số 73 bis rẽ vào huyện lỵ thì dừng lại.

TÊN CHỢ	TÊN NÔM	PHIÊN CHỢ	ĐƯỜNG ĐI VỀ CHỢ
HUYỆN THANH-OAI			
Tỉnh Hà-dong Đa-sỹ	Chợ Đô Chợ Đan	5, 10, 15, 20, 25, 30 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29	Xem bảng làm gián.
Mai-linh	Chợ Mai-linh	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi ô-tô đường Hòa-bình rồi đi vào đê sông Đáy ở bên tả.
Cao-bô	Chợ Bô	4, 9, 14, 19, 24, 29	Xem bảng làm gián.
Nga-my. . . .	Chợ Mai	2, 7, 12, 17, 22, 27	" "
Thị-thôn	Chợ Sôm	1, 6, 11, 16, 21, 26	" "
Văn-nội. . . .	Chợ Nội	3, 8, 13, 18, 23, 28	" "
Bình-dà (huyện lỵ Thanh-oai).	Chợ Tư	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi ô-tô đường Văn-dinh, đến km. 10 thì đi xe vào đường cái của làng về bên tả.
Minh-kha. . . .	Chợ Mới		"
Bối-khê. . . .	Sinh-quả Chợ Hôm	1, 6, 11, 16, 21, 26 4, 9, 14, 19, 24, 29	Đi ô-tô đường Văn-dinh đến km 15 (Bình dà) rồi đi xe vào đường cái của làng 9 km. nữa.
Bạch-nao. . . .	Chợ Nâu	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29	Đi ô-tô đường Văn-dinh đến km. 15 rồi đi xe về bên tả.
Đông-cứu. . . .	Chợ Quan	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi ô-tô đường Văn-dinh đến km. 20 rồi đi vào con đường con bên tả.
Tiên-lữ. . . .	Chợ Lúa	2, 7, 12, 17, 22, 27	" km. 21 "
Hoàng-trung . .	Hoàng-trung	1, 4, 8, 11, 14, 18, 21, 24, 28	Đi ô-tô đường Văn-dinh đến km. 17 rồi đi rẽ vào con đường con bên hữu ven đê sông Đáy.
Phuong-trung. .	Chợ Chuông	4, 10, 14, 20, 24, 30	" "
Thị-nguyễn . .	Chợ Cao	2, 5, 7, 9, 12, 15, 17, 19, 22, 25, 27, 29	" "
HUYỆN THANH-TRÌ			
Thanh-liệt . . .	Chợ Quang	3, 8, 13, 18, 23, 28	Đi ô-tô đường Hà-dong Hanoi đến chỗ nhà chứa các trolley xe điện, rồi đi xe tay vào đường cái con ở bên tả đến chợ.
Kim-lũ	Chợ Lũ	4, 9, 14, 19, 24, 29	Đi ô-tô đường Hà-dong – Hanoi đến chỗ nhà chứa các trolley xe điện, rồi đi xe tay 1 km. nữa đến nơi.
Văn-diễn	Chợ Văn-diễn (Giáy)	5, 10, 15, 20, 25, 30	Đi ô-tô đường Hà-dong xuống ga Văn-diễn.
Đại-áng. . . .	Chợ Đám	4, 9, 14, 19, 24, 29	Đi ô-tô từ Hà-dong đến con đường thuộc địa Hanoi – Phủ-lý rồi đi xe tay 5 km. nữa về bên hữu.
Nội-am	Chợ Om	1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29	Xem bảng làm thông chảo
Đông-phù. . . .	Chợ Nhót	2, 7, 12, 17, 22, 27	Đi trên đường đê Nhị-hà đến chỗ rẽ vào huyện lỵ.
Thị-thôn	Chợ Moi	1, 6, 11, 16, 21, 26	Đi trên con đường vòng quanh làng ở tên sông Tô-lịch.
Nhân-mục . . .	Chợ Moc	Ngày nào cũng họp	Cũng đường ấy.

CHƯƠNG V

Phong-cảnh và truyền cỗ-tích

Tỉnh Hà-đông có hai phong-cảnh khác nhau :

Ở chiền sông Nhị-hà và sông Đáy, có cảnh đồng-bằng bát ngát. Trong cánh đồng loáng thoảng có điểm dấu mùi nâu, tức là lô-gạch annam đầy, còn thì một màu xanh biếc. Lại có cái hồ-ao rộng ở giữa đồng giái nắng chang chang : trong hồ, nào hoa sen, sắc hồng, sắc trắng, nào lá sen xanh ngắt, lướt thướt trên mặt nước, tờ điểm cho thêm vẻ đẹp cảnh mùa hè. Dưới đáy nước, thấp thoáng có cửa tam-quan, có mũi đao-đinh rêu in lồng bóng. Cách kiến chúc đình chùa hình như không thay đổi, song qui-mô nhơn nhỏ, và đồ thờ nhiều ít khác nhau. Nào tượng cổ, nào đinh-hương, nào chuông trống.... Chung quanh lại có bóng cây cổ thụ, trông thực ra vẻ thanh tao sầm-uất.

Ở hữu ngạn sông Đáy, lại nhiều phong cảnh lạ. Kia cây cổ um-tüm, kia đồi núi chưa khai khẩn, kia những thung lũng quanh-co phân cách đồi núi này với đồi núi khác. Dưới thung-lũng có lúa lốc xanh mướt, trên sườn núi có cổ cây xanh nhạt, hai quang-cảnh ấy trông có khác nhau. Kế tiếp đến núi nọ non kia, đá vôi lởm chởm, con tạo như có ý đã bày trò chơi, người đời không hiểu được. Phong cảnh như thế, đẹp đẽ lắm thay !

Người du-lịch muốn khảo-cứu cổ-tích và tâm-lý dân Hà-đông, sẵn có một quyển lịch-sử rất lạ, là những đình chùa.

Nay chỉ kể những đình chùa các nơi có tiếng, còn những đình chùa gần ngay Hanoi, ai cũng đã biết, không cần nói đến.

Chuyện cổ-tích các đình chùa ấy do các tăng ni và nhân dân thuật lại, vậy chép ra đây, song chưa chắc đã là đích-thực.

1º *Đền Đại-lộ*. — Đền cách huyện-ly Thanh-trì 4 km, một bên có sông Nhị-hà, một bên có dòng nước chảy, phân cách đền ấy với đường đê. Cách đền 200 thước, có hai ngôi chùa con ở trong một cái túp cây.

Đệ niên, từ 1 đến 10 tháng hai vào hội, chầu-văn, lên đồng vui lăm, khách thập phương kể-cò hàng nghìn hàng vạn,

Trong đền có đồ sứ cổ, và ngà voi của triều Lê cung tiến. Thành-hiệu là bà Hoàng-hậu và ba bà công-chúa vua Huy-tôn nhà Tống bên Tàu.

Tương truyền về cuối đời nhà Trần, vào khoảng năm 1400 có người làng Đại-lộ đi đánh cá thấy 4 cái nồi và 4 cái nón đán-bà ở bờ sông Nhị-hà. Rồi tự-nhiên, dân sự ốm chết nhiều lâm, bối toan cầu cúng cùng không khỏi. Một đêm có người kỵ-mục nằm chiêm-bao thấy 4 người đán-bà nhan-sắc tuyệt vời, nhưng nét mặt buồn rầu vô hạn:

Một người sầu thảm hơn cả nói rằng: « Chúng tôi là vợ con vua Huy-tôn, khi bị quân Mông-cổ đuổi ra ngoài cung-điện, liền đi trốn-minh để chết theo vua. Từ đấy đến nay, linh hồn vẫn phảng phất không chịu ngũ vào đầu được. Xin ông mở lòng từ thiện lập cho chúng tôi một cái đền để lấy chỗ nương náu ».

Khi người kỵ-mục tinh dãy thuật truyện cho dân làng nghe. Rồi cùng nhau xuất tiền xây một cái đền thờ ở chỗ đã thấy những nồi nón trước. Từ đấy dân làng được bình-yên.

2º *Đền Thụy-phương*. — Đền làm từ năm 715 sau khi Thiên-chúa giáng-sinh ở chỗ bây giờ gọi là Bốn cột đồng-trụ, trên bờ sông Nhị-hà, thuộc phủ Hoài-đức, cách tỉnh lỵ 13 km. Đền thờ ông Lý-ông-Trọng. Ông sinh quán ở Thụy-phương, sang làm quan bên Tàu, sau về làng tri-sĩ.

Ông mất đã lâu mà đến khi Triệu-xương sang làm quan Đô-hộ vẫn thường chiêm-bao thấy cùng ông giảng sách Tả-truyện. Triệu-xương chiêm-bao thấy mãi, lấy làm linh ứng, bèn lập đền thờ ở chỗ nhà ông ở trước.

Về sau, khi quan Đô-hộ Cao-Biền sang đánh Nam-chiếu, ông hiện lên để giúp Cao-Biền. Cao-Biền thấy ông chết rồi mà vẫn còn trung thành với vua Tàu, bèn tạc một pho tượng bằng gỗ trầm đế thờ, ngày nay hâay còn.

3º *Chùa Tiên-lữ*. — Chùa ở làng Tiên-lữ (Chương-mỹ) cách tỉnh-lỵ 15 km, thờ vị cao-tăng Lý-an-Bình. Ngài quán ở Bối-khé (Thanh-oai) tu hành từ thủa nhỏ. Ngài tu hành đắc đạo, cho nên vua Trần Thái-tôn có vời về triều và phong cho chức Bồ-tát Chân-

nhân. Năm 1200, ngoài giờ về già, bèn làm chùa ở làng Tiên-lữ, dân làng cũng bái mãi mãi.

4º *Chùa Hưng-long*. — Chùa ở đằng mé sau chùa làng Đông-phù, thuộc địa-hạt làng ấy, gần huyện ly và cách tỉnh-ly độ chừng 13 km, ngoài có cửa tam-quan trang nghiêm lắm. Trong cửa tam-quan có một cái ngòi, trên bắc cầu-vồng.

Chùa thờ hai vị công-chúa vua Lý Thành-tôn hiệu là Nhi-vi và Đại-thanh-Bồ. Công-chúa không thiết gì những nơi lầu son gác tía, bèn ra tu hành ở chùa Đông-phù.

Hai vị chàn tu ấy muốn chóng được đến cõi Tà-y-phuơng-cực-lạc, nên khi đã cho dân làng Ninh-xà và các làng tổng Nam-phù 1.000 mẫu ruộng thi bắt đào lấy một chỗ để siêu thăng.

Bây giờ, hãy còn hai nấm đất con, lứa là mồ các vị tu-hành ấy. Tục truyền một hôm; có một con rồng đỏ trói, trên giới bay xuống, nhảy múa chung quanh mồ ấy.

5º *Chùa Hương-tích*. — Chùa ở làng Yến-vi (Mỹ-đức), cách tỉnh-ly 50 km, làm năm 1687, thờ đức phật-bà Quan-âm, đông người đến lễ bái nhất. Những người hiếm con vẫn về đây cầu tự.

Đèn niên, từ tháng giêng đến tháng ba, khách thập-phuơng đến hành hương kẽ có hàng nghìn hàng vạn.

Từ chùa Tiên-chù vào động Hương-tích cách 3 km có con đường đi khuất khúc hai bên hai giầy núi đá.

Nửa đường có giếng nước trong veo, khách đi chùa vẫn thường lấy nước mang về.

Gần bệ thi trong động có mấy cái núi đá con hình tròn, nhà-sư gọi là núi cô, núi cậu, núi tiền núi gạo. Những người đi cầu khấn cứ xoa tay vào những núi ấy, tất sẽ sinh con nẩy lộc.

6º *Chùa Voi-phục* — Chùa thờ một vị Hoàng-tử vua Lý Thái-tôn.

Người Âu-tây gọi là chùa Balny, người Annam gọi là Đền Linh-lang. Chùa làm chừng vào năm 1258, ở làng Thủ-lệ (Hoàn-long) và cách tỉnh ly 8 km.

7º *Đình Huỳnh-cung*. — Đình này ở vào quãng đường từ Hà-dông đi Văn-điển (Thanh-trì) cách tỉnh ly 8 km.

Đình làm năm 1370, đến năm 1775 và 1860 có chữa lại.

Thần hiệu là Chu văn An, là một bực danh nho thuở xưa. Về đời vua Trần Minh-tôn, Trần Hiển-tôn, và Trần Dụ-tôn (từ 1414 đến 1441). Ngài dạy học ở Quốc-tử-giám, có sớ tâu vua Trần Dụ-tôn, xin trẫm-quyết bảy người nịnh-thần nhưng vua không nghe. Vì thế nên ngài mới xin về trí-sỹ ở Chí-linh (Hải-dương) rồi về Huỳnh-cung giảng luân-lý và triết-học. Học trò ngài đều là những người học thực uyên bác và tính hạnh cương trực.

Trong bọn học trò ngài có hai người còn vua Thủy-tế, khi nào đại hạn thi làm mura để đèn ơn thày học.

Đinh làm ngay ở chỗ ngài dạy học thuở trước và từ khi làm đinh thờ ngài đến giờ, dàn lăng hai tông Cồ-diễn và Thanh-liệt vẫn đến cầu đáo.

Đè niên, đến ngày 21 tháng giêng và ngày 26 tháng chín làm lễ xuân-thu. Những người dự lễ chỉ có các vua-thần, quan-chức trong harem Thanh-trì mà thôi, như thế là để tỏ ý tôn kính đạo học của ngài.

Trong đinh có đinh-hương bằng đá có khắc chữ chiện thực là quý giá.

Chung quanh có bông cày cỗ thụ che mát cái nền đạo đức của ngài.

8° *Chùa Chàm*. — Chùa ở làng Long-châu, huyện Chương-mỹ, do chúa Trịnh làm ra năm 1700.

Chùa ấy có một cái động đẹp lăm, trong động có tượng đá.

a) *Quán Giá*. — Quán ở làng Yên-sở, cách tỉnh lỵ 18 km, làm từ khi nội thuộc Tàu. Thần hiệu là đức Lý già Thông, là một vị Phò-mã, vua nhà Lý. Đằng trước quán có sân gạch rộng, và cửa tam-quan nguy nga lăm, đằng sau tượng truyền là chỗ lăng của ngài.

Trong quán có những đồ thờ rút đẹp như đồ sứ cổ và con ngựa đồng đen.

Ngày hội, các bô-lão trong làng đội nón đỏ, mặc áo đỏ, trông thực lá mắt. Những con trẻ phất cờ reo theo đám rước. Như thế là để kỷ-niệm những trận ngài đánh nước Siam ngày xưa. Mũ áo đỏ, chắc là bắt chước mũ áo đình thần nước Siam, và tiếng reo, chắc là bắt chước tiếng quân thị-vệ nước Siam ngày xưa hét đường.

Trước cửa quán, xa trông bát ngát, lúc tinh sương, khỉ ác lặn, phiu xem cảnh tượng đẹp thay.

Đình Viên-ngoại. — Đình làm về đời Lê Thành-tôn, được độ 700 năm nay ở trên bờ sông Đáy và cách tỉnh lỵ 27 km.

Trong đình có đỉnh hương bằng sứ rất cổ, khỉ giờ bằng đồng, và cầu đối bằng gỗ chạm thếp vàng.

Đình thờ đức Đinh-vương và Ô-vương.

Đình Tảo-khé. — Đình làm đã lâu lắm. Cách trăm năm có sửa lại. Đình ở giữa làng, bên hữu có ngôi chùa con, bên tả có một cái đèn con, chung quanh đều có cây cổ thụ. Đình thờ hai vị Võ-tướng thượng-sĩ Hùng-dung đại-vương, và Thông-minh-đức-quang Tài-thể đại-vương.

Hai ngài đã chiếm giữ một địa-vị rất trọng-yếu đương khi chống cự với quân Tàu, và sinh tử đều khác thường.

Ông thân-sinh ra hai ngài hiệu là Hiên, là một nhà danh-nho, vừa làm thuốc vừa dạy học ở làng Tảo-khé. Bà vợ nhan sắc tuyệt trần nhưng hiếm con cho nên hai ông bà đều ngã lòng.

Một hôm, bà chiêm-bao thấy một đám mây ngũ sắc, trong có hai con rồng bay ra, nói với bà rằng:

« Nhà ngươi phúc đức, vậy muốn cầu khấn gì cũng được. »

Được ít lâu, bà thụ thai, sinh được hai con gai đặt là Võ và Thông. Hai ngài đều là những tay anh hùng hào kiệt, đã đánh đuổi được quân Tàu, làm quan to trong nước, kịp đến khi già về trí-sĩ ở Tảo-khé, dàn làng ai cũng kính phục.

Một buổi chiều, khi hai ngài đương đi chơi, thấy một người cưỡi rồng vàng trên giời bay xuống nhanh như tên, bảo rằng: « Ngày mai, mời hai ngài lên chầu đức Ngọc-hoàng ».

Đến ngày mai hai ngài quả nhiên mất.

Đệ niên xuân thu có tế thờ.

Đình Thương-hội. — Đình làm ở khủi sông Nhuệ-giang, trước mặt và hai bên cạnh có dòng nước chảy; sau đình là cái gò hình cái ngai, hai tay ngai phân cách đình với cảnh đồng.

Đinh thờ đức Hắc-Y-On-Bo Nguyên-sùy, là một vị quan to về đời vua Trần Trung-quang. Khi bấy giờ trong nước giặc giã và ốm chết nhiều.

Một buổi tối sáng giêng, **ngài cưỡi ngựa** đi chơi, trọt thấy một lũ quỉ minh người đầu trâu ; **đương bàn** đến cách làm cho những bệnh kỵ dị lan rộng ra.

Ngài thương dân lâm bén đến gần. Trước còn xin sau dọa, bắt phải để dân được bình yên. Lũ quỉ thấy ngài can đảm và hùng biện khác thường, cúi đầu xuống, sững chấm xuống đất xin vàng nhời. Thế rồi dân sự được yên.

Sau ngài lại chữa khỏi được năm người mắc bệnh dịch hạch, và giúp dân được nhiều việc, **cho nên** khi ngài mất, mọi người đều cầu nguyện cho ngài.

Dân có lập một **cái đinh nhỏ** thờ ngài, đến đời nhà Lê mới làm to ra.

Đèn niên, ngày 15 tháng giêng và 12 tháng ba có tết-lễ.

Trong đinh có con ngựa bằng gỗ, không to mà cũng không bé lầm và một cái kiệu chạm sơn son rực rỡ.

Đinh Xuân-tảo. — Đinh làm về đời vua Hùng-vương thứ sáu, có những cây đa xanh tốt um tùm che khuất.

Trong đinh có một pho tượng cao bốn thước tay, dưới bệ vòng quanh dài hai thước tay và các quí vật như quả chuông đúc từ đời nhà Lê, một cái đinh-hương và một cái chòe rứt cổ.

Đinh thờ đức Phù-dồng Thiên-vương. — Ngài sinh ra ở làng Phù-dồng (Bắc-ninh) và khi còn nhỏ đã đánh đuổi được quân Tầu. Trước khi đi đánh trận, ngài **cố tắm** mát ở Hồ-tây, và nghỉ ở chỗ làm đinh bây giờ.

Khi đánh xong được Tầu, **ngài cưỡi ngựa** bay lên giời.

Đèn niên, ngày 7 tháng giêng và mồng 8 tháng tư có tết-lễ.

Đinh Tiên-dung. — Đinh thờ ông Chử-dồng-tử, và nàng Tiên Dung là công-chúa con vua Hùng-vương.

Một hôm, nhà cửa và đồ-đạc **ông Chử-dồng-tử** bị cháy, cha là Chử-văn-Tân thấy tai nạn như thế sầu thảm chết mất.

Ông lấy quần áo khâm liệm cho cha và tống táng tử-tế, rồi ông ra bờ sông ở, chỉ bắt cá cùng hái hoa quả để sinh nhai, khi có người đến gần lại lội xuống nước, cho người ta khỏi biết là trần truồng.

Công-chúa là người thiên-hương quốc-sắc, một hôm ngự thuyền rồng ra chơi mát ngoài sông. Lúc đến chỗ ông ăn núp, ông không kịp lội xuống nước, bèn chui vào trong bãi xây vùi cát lèn mình chỉ còn hở mũi để thở mà thôi.

Công-chúa tưởng không có ai, bắt giương màn ở bên cạnh bãi xây để tắm. Các thị-tỷ cởi xiêm áo, vǎn tóc và rời nước hầu, tóc công-chúa thực dài, màu da vai thực đẹp. Nước chảy trôi cát đi, thành ra ông trần truồng ở đấy. Công-chúa thấy ông tuy nghèo khổ mà người vẫn khôi ngô, hiểu rằng sự gấp gô là thiên định, bèn mời ông vào thuyền, kết duyên lần đầu, bày tiệc thết đãi, các quan theo hầu, cung đàn tiếng địch êm ái lạ thường.

Vua Hùng-vương giận lắm, đuổi công-chúa đi. Hai vợ chồng từ đấy lang thang hết chỗ này sang chỗ khác, sau đến núi Quỳnh-lư có nhà sư Phát-quang, cho vào ở trọ một đêm, lúc ra đi có tặng cho một cái gậy và một cái mũ. Đến mai đến tối, lấy làm khổ sở lắm, khi sắp nằm xuống đất ngủ, thì Chử-đồng-tử cầm gậy xuống đất, để mũ lèn trên, rồi tự nhiên thấy một cái lâu-dài rực-rỡ, trang hoàng bứt lịch-sự, kẻ hầu người hạ rứt nhiều.

Hai vợ chồng thương yêu nhau lắm, ngày qua tháng lại, thật là sung sướng. Sau vua nghe thấy chuyện lâu-dài kỳ-dỵ, không muốn cho công-chúa ăn ở với người phù-thủy, bèn sai quan ra bắt công-chúa về cung-diện. Công-chúa lấy làm buồn rầu lắm, có xin quan Khâm-sai cho ở với chồng một đêm nữa, quan Khâm-sai bằng lòng. Đến nữa đêm trọt có cơn giông nổi lên, lâu dài đổ nát, công với Chử-đồng-lử cưỡi mây lên giờ.

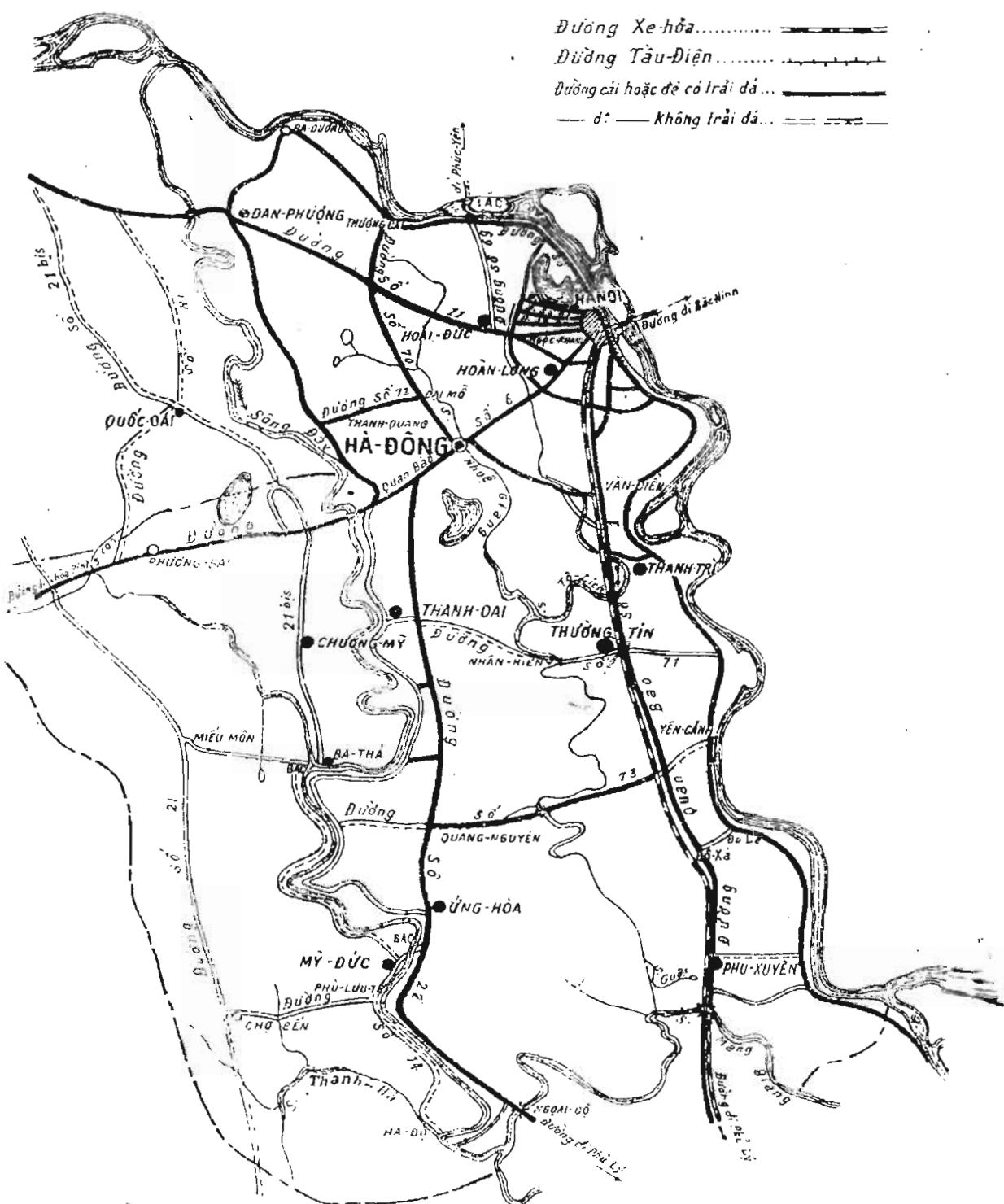
Thế là hai người lấy nhau muôn đời.

Tỉnh Hà-Đông
Các Đường Thông thường

Vẽ rùi lại : $\frac{1}{250.000}$

KÝ HIỆU

- Đường Xe-hôa.....
- Đường Tầu-Điện.....
- Đường cát hoặc đè có trải đá... ..
- d — Không trải đá... — — —



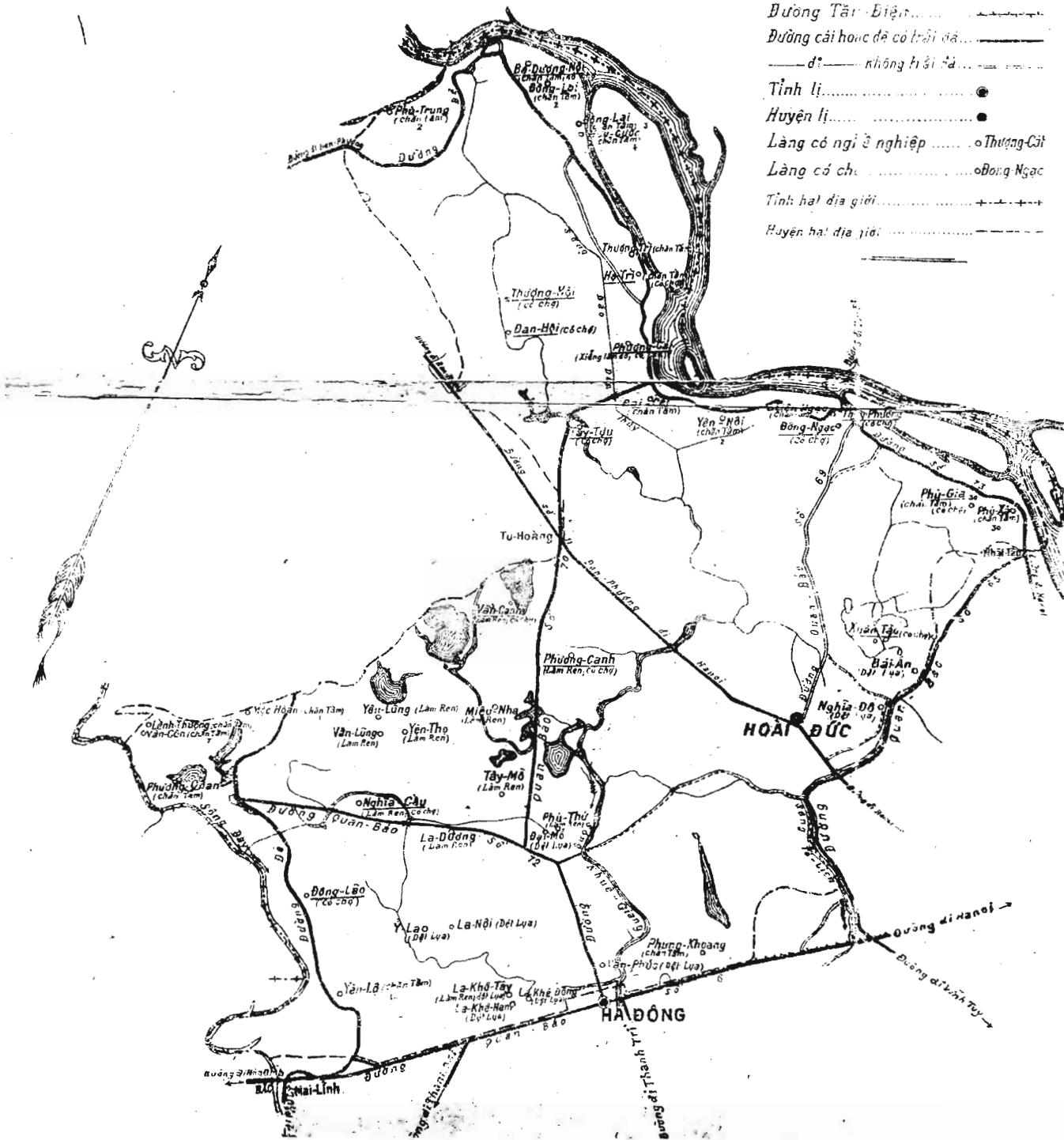
Thị trấn Hà Đông
Phủ Hoài Đức

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại: 1/50,000

KÝ HIỆU

Đường Tắc Biệt	— — — — —
Đường cài hoa để có trời đê	— — — — —
đ? Không hề đê	— — — — —
Tỉnh lị	●
Huyện lị	●
Làng có ngô & nghiệp	○ Thương Cát
Làng có chè	○ Đồng Ngạc
Tỉnh hal địa giới	+ + + + +
Huyện hal địa giới	— — — — —



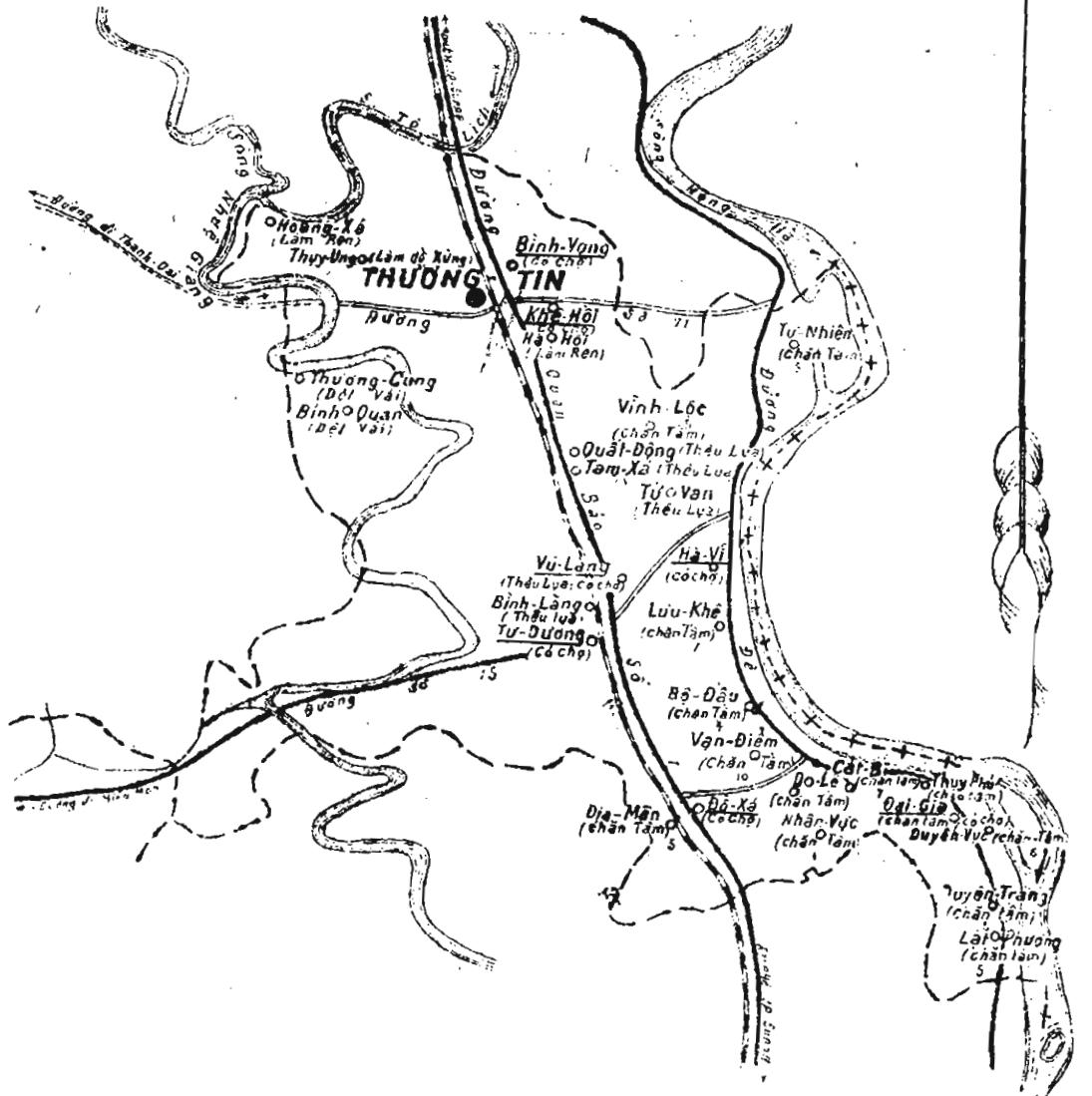
Tỉnh Hà-Đông
Phủ Thường-Tin

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại: 100.000

KÝ HIỆU

Dорога Xe-hoa
Dорога cai hoac de co tayi da
Đường đi không trai da
Huyện lỵ
Làng có nghề nghiệp
Làng có chợ
Tỉnh, huy dien giao
Huyện, huy dien giao



76 (4)

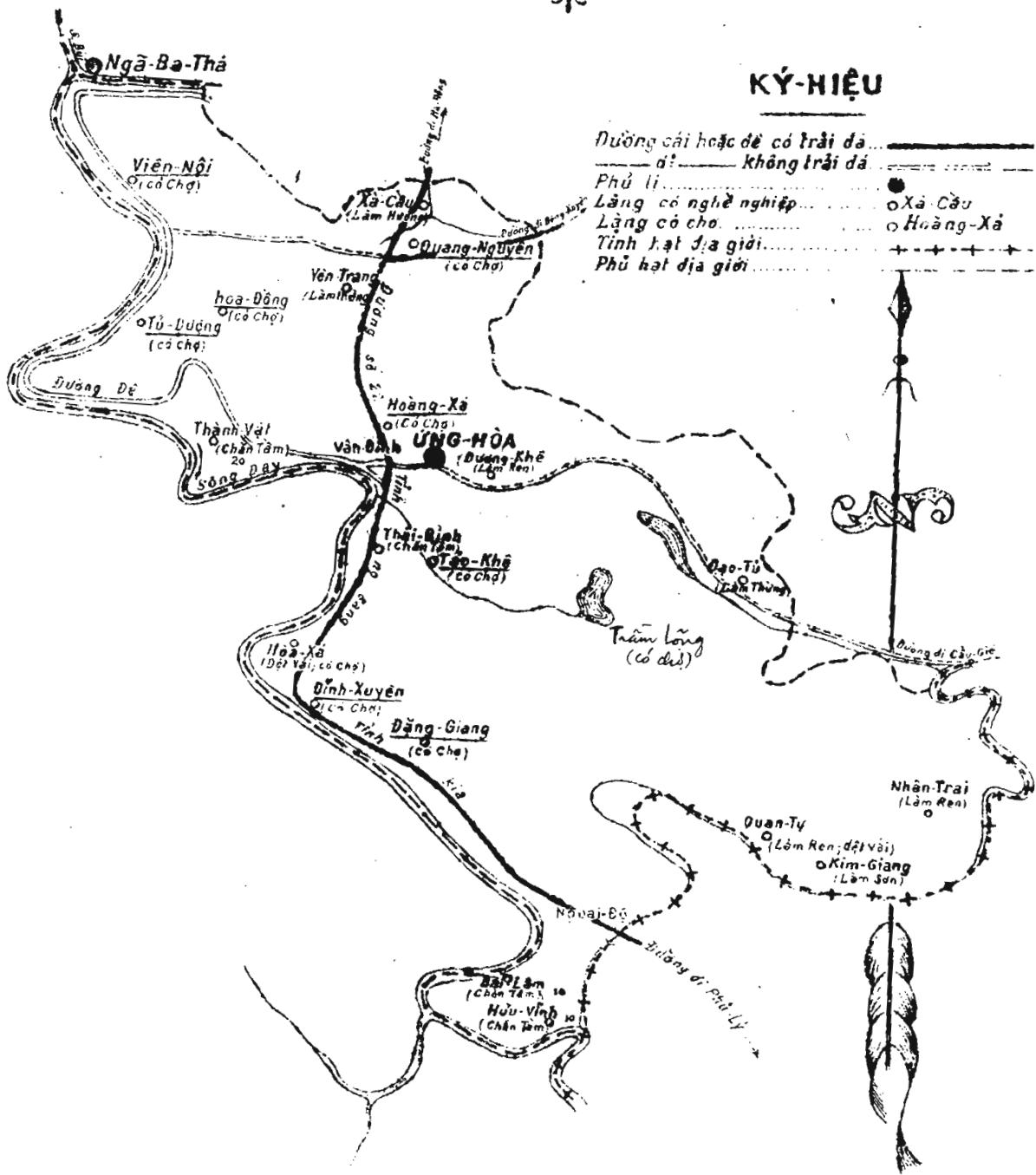
Tỉnh Hà-Đông
PHỦ ỦNG-HÒA

Kinh-Tế Đô-Bản

Vẽ rút lại: 100,000

KÝ-HIỆU

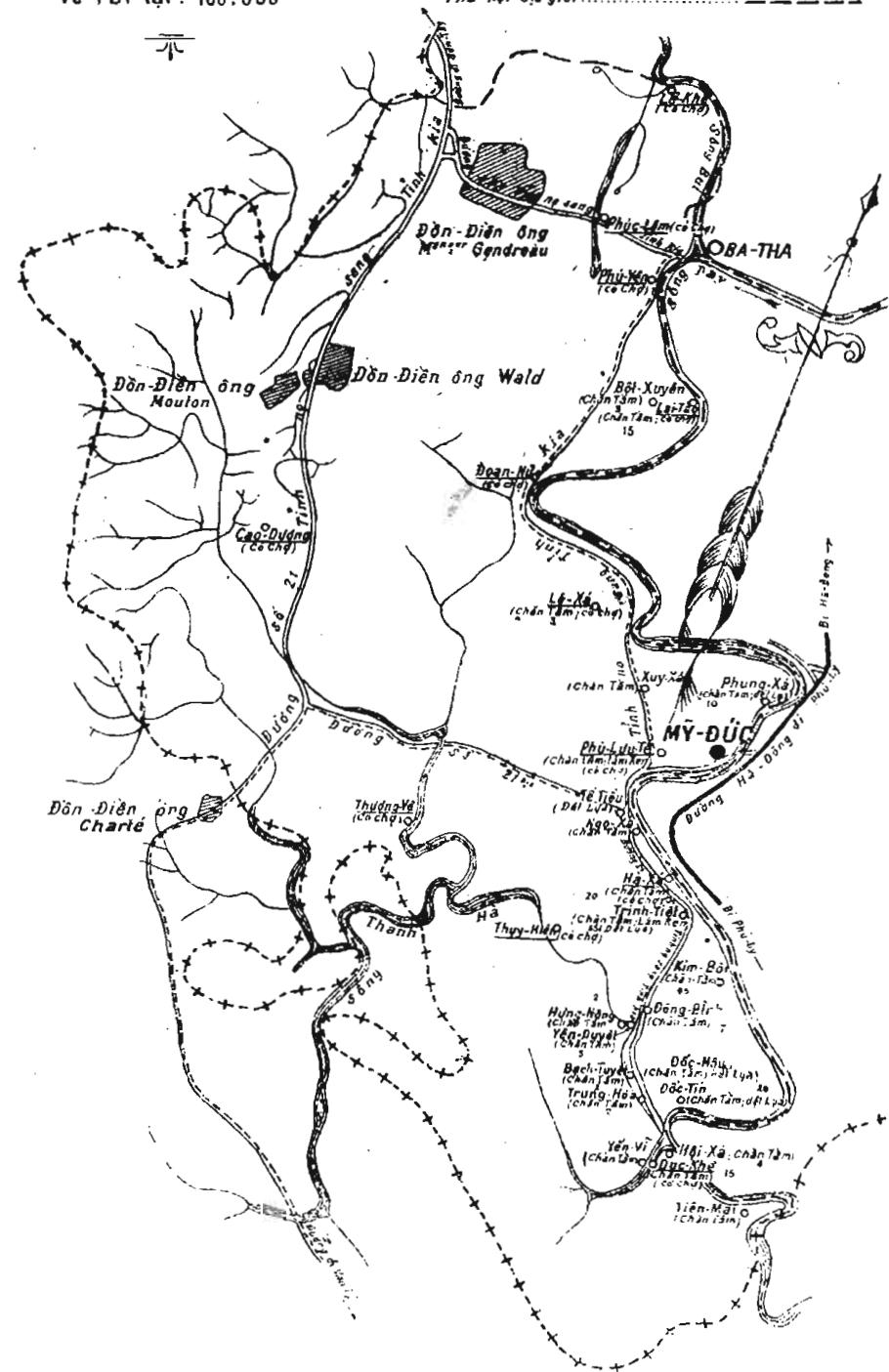
Dорога с асфальтом или гравием	—	Không trải đá	—
Phủ lì	—	Xà-Cầu	○
Làng có nghề nghiệp	...	Hoàng-Xá	○
Làng có chợ	○
Tỉnh hạt địa giới	++	...	+
Phủ hạt địa giới	+++	...	—



Tỉnh Hà-Đông
PHỦ MỸ-ĐỨC
 KINH-TẾ ĐỒ-BẢN
 Vẽ rút lại: 100.000

KÝ HIỆU

Đường cái hoặc đê có trãi đá	— — —
Không trãi đá	— — —
Phủ lị	●
Làng có nghề nghiệp	○ Phùng-Xá
Làng có chợ	○ Phúc-Lâm
Tỉnh hạt địa giới	+ + + +
Phủ hạt địa giới	— — —



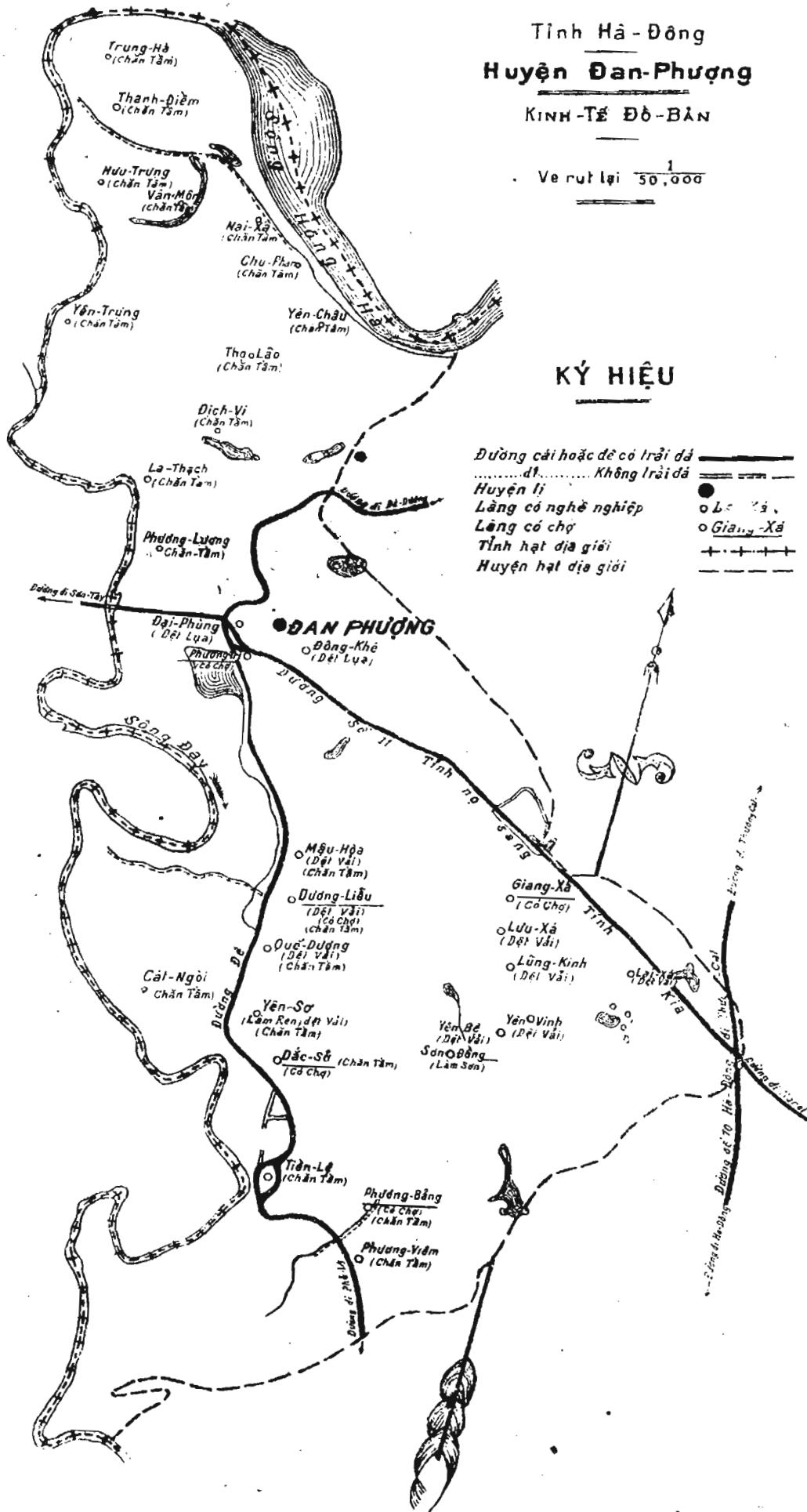
Tỉnh Hà - Đông
Huyện Đan-Phượng

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại 1/50,000

KÝ HIỆU

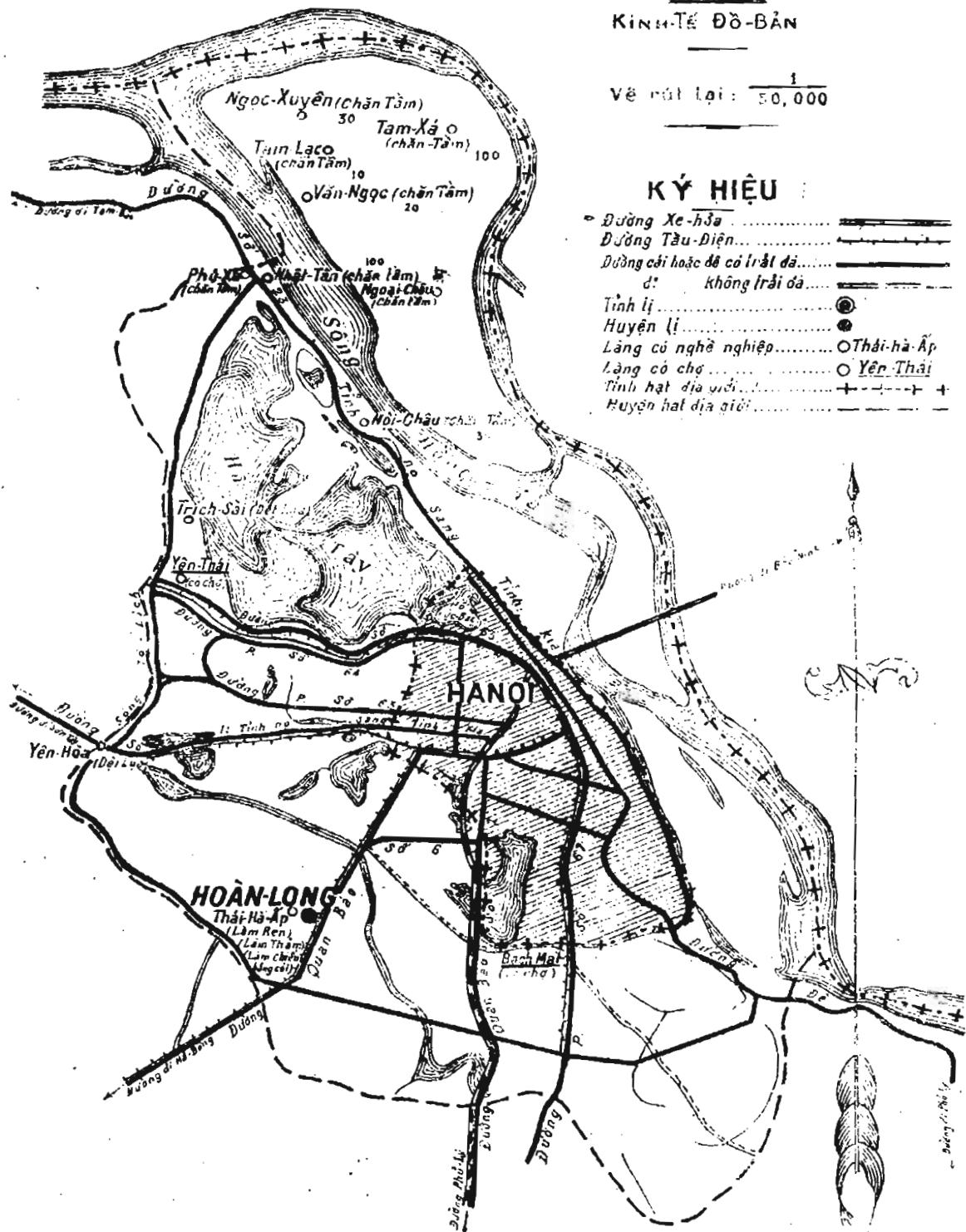
- Đường cát hoặc đê có trải đá ——————
- đê Không trải đá ——————
- Huyện lỵ ●
- Làng có nghề nghiệp ○ L.c. V.s.
- Làng có chợ ○ Giang-Xá
- Tỉnh hạt địa giới + + + +
- Huyện hạt địa giới ——————



Tỉnh Hà-Đông
Huyện Hoàn-Long

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại: $\frac{1}{50,000}$



KÝ HIỆU :

- Đường Xe-hô-đa
- Đường Tầu-Điện.....
- Đường cái hoặc đê có lát đá.....
- đ! Không lát đá.....
- Tỉnh lỵ
- Huyện lị
- Làng có nghề nghiệp ○ Thái-hà-Áp
- Làng có chợ ○ Yên-Thái
- Tỉnh hat địa giới
- Huyện hat địa giới

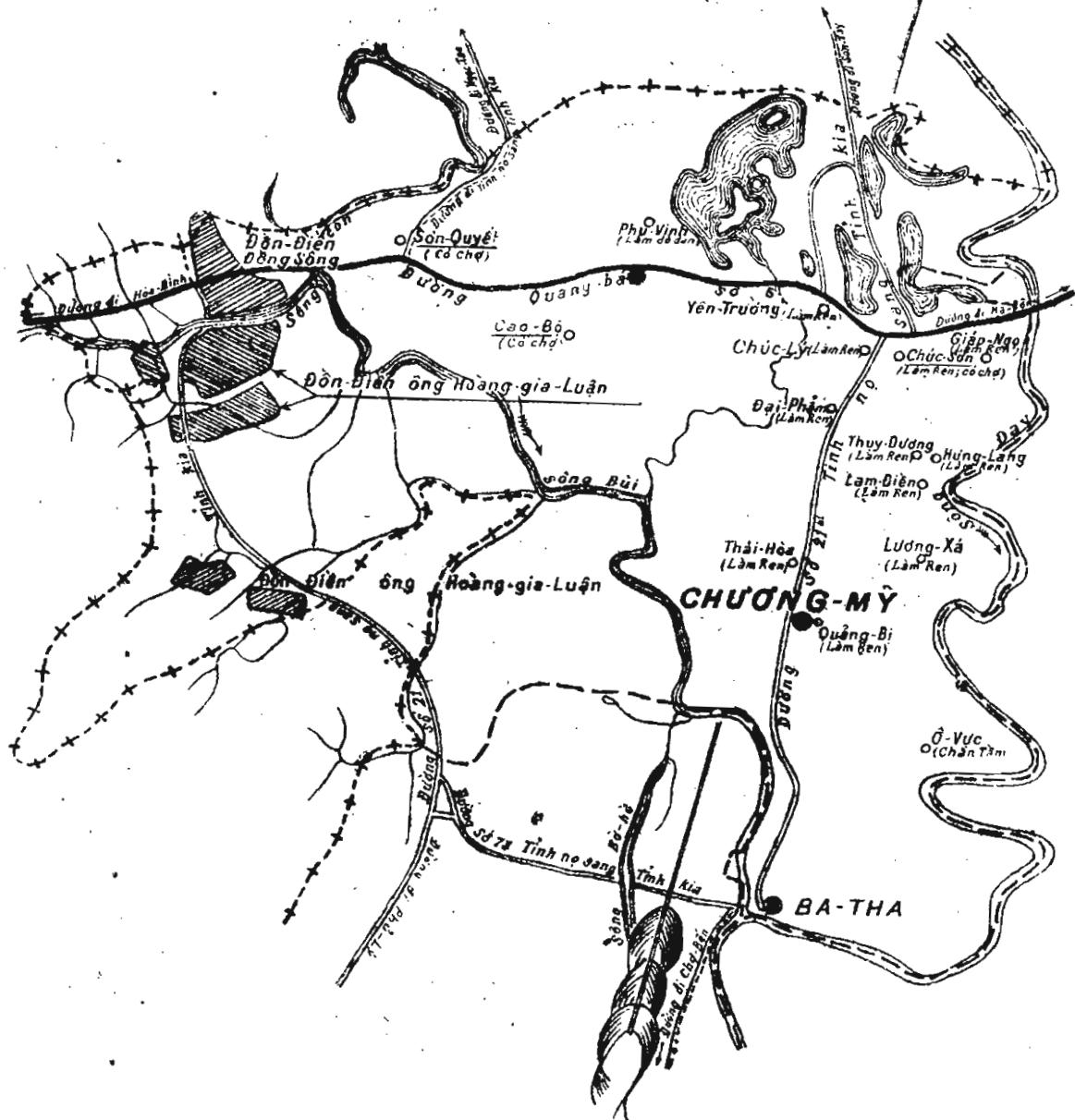
Tỉnh Hà-Đông
Huyện Chương-Mỹ

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại : 1/100,000

KÝ HIỆU

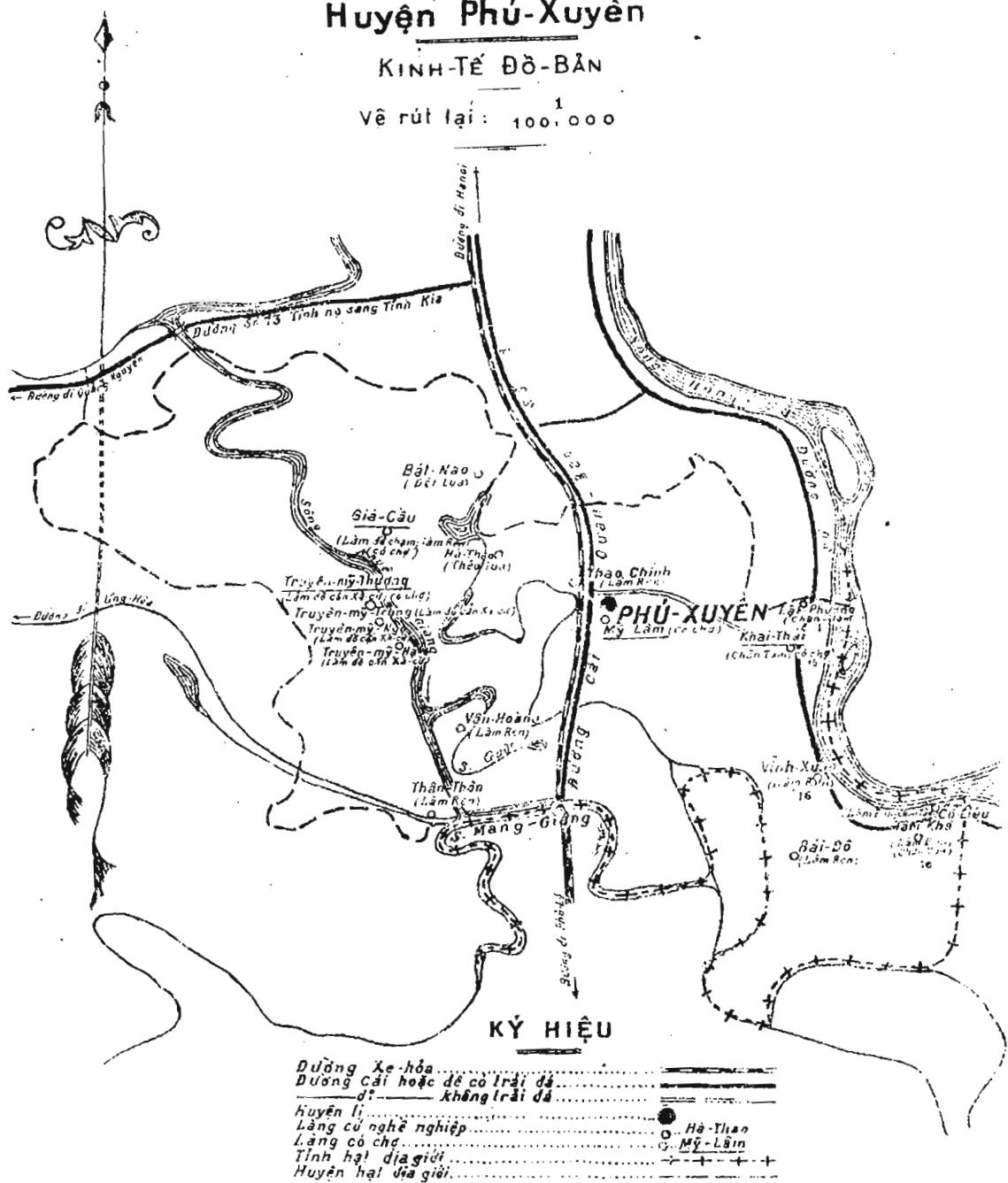
- Đường cát hoặc đê có trải đá
đi không trải đá
Huyện lị ● Phú-Vinh
Làng có nghề nghiệp ○ Chúc-Sơn
Làng có chợ ○ Chúc-Lý (Lâm-Ren)
Tỉnh hat địa giới
Huyện hat địa giới



Tỉnh Hà-Đông
Huyện Phú-Xuyên

KINH-TẾ ĐỒ-BẢN

Vẽ rút lại: 100.000



Tỉnh Hà-Đông

Huyện Thanh-Oai

KINH-TẾ ĐỒ-HÀN

Vẽ rút lại: 100,000

KÝ HIỆU

Dорога Тàу-Điển	—
Đường chỉ hoặc đê có trái đất	—
Đi... Không trái đất	—
Tỉnh lị	●
Huyện lị	●
Làng có nghề nghiệp	○ Vén-Phác
Làng có chợ	○ Hát-Linh
Huyện hạt địa giới	—

